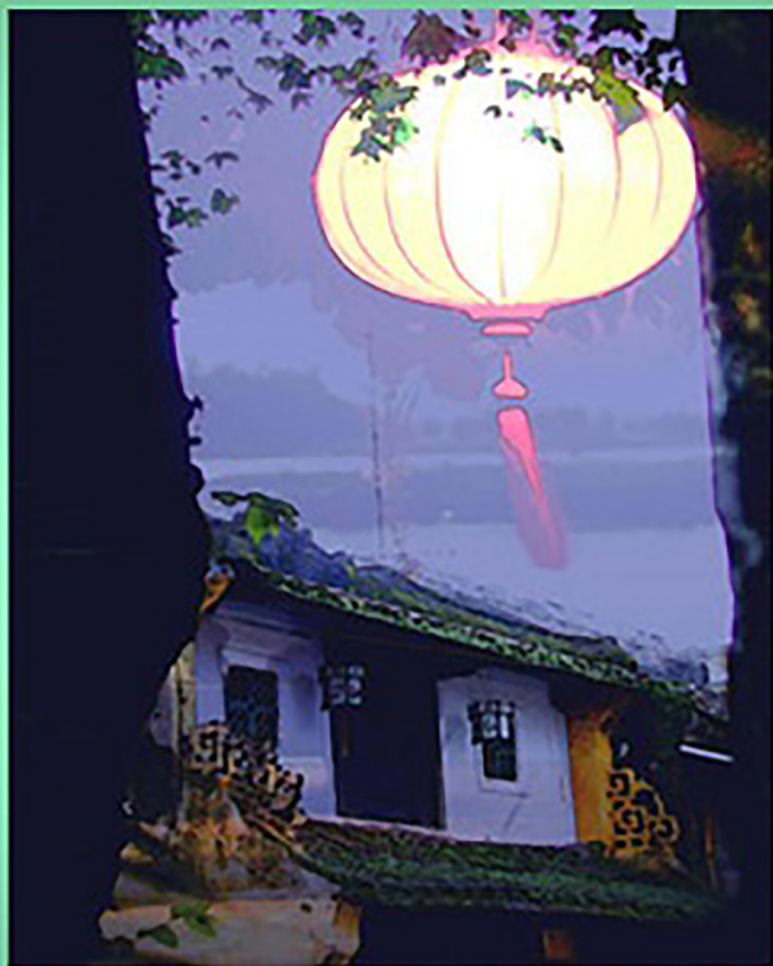


Nguyệt san



# CHÁNH PHÁP

HOẰNG PHÁP ■ GIÁO DỤC ■ VĂN HỌC PHẬT GIÁO ■ TIN TỨC PHẬT SỰ



27

THÁNG 02.2014



**Chủ nhiệm:** HT. Thích Nguyên Trí  
**Trị sự:** ĐĐ. Thích Đồng Trực  
**Thư ký:** ĐĐ. Thích Đồng Thiện  
**Thủ quỹ:** Ni sư Thích Diệu Tánh

**Chủ bút:** **Vĩnh Hào**  
 Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

**Trình bày:** **Vĩnh Hào**  
**Hình bìa:** **Nhiên An**

**LIÊN LẠC:**

- **Bài vở:** baivochanhphap@gmail.com
- **Quảng cáo/Phát hành:** (714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

[www.chanhphap.net](http://www.chanhphap.net)  
[www.chanhphap.org](http://www.chanhphap.org)  
[www.chanhphap.us](http://www.chanhphap.us)

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:  
**CHANH PHAP**  
**11502 Daniel Ave.**  
**Garden Grove, CA 92840**

## NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ◆ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ◆ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- ◆ **NHÂN QUẢ** (Thích Đức Thắng), trang 8
- ◆ **NỖI LÒNG XA QUÊ** (thơ ĐNT Tin Nghĩa), trang 9
- ◆ **TỪ DUYÊN KIỀU ĐẾN DUYÊN PHẬT** (Huỳnh Kim Quang), trang 12
- ◆ **CON ĐƯỜNG DẪN ĐẾN CHÂN HẠNH PHÚC** tiếp theo (Thích Trí Chơn dịch), trang 14
- ◆ **XUÂN LY HƯƠNG** (thơ Tâm Minh Ngô Tằng Giao), trang 15
- ◆ **XUÂN VÀ TÂM LỰC BÒ ĐÈ** (Thích Thái Hòa), trang 16
- ◆ **TÂM KHÔNG** (thơ Mặc Không Từ), tr. 17
- ◆ **ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO VÀ GIỚI LUẬT CHO NGƯỜI TẠI GIA** (Thị Giới dịch), trang 18
- ◆ **TỔ ĐÌNH MINH ĐĂNG QUANG KHAI MẠC LỄ HỘI PHẬT NGỌC** (Bình Sa), trang 24
- ◆ **THÔNG BẠCH CẦU NGUYỆN VÀ KỶ NIỆM 50 NĂM THÀNH LẬP GHPGVNTN** (VP Điều Hợp Liên Châu), trang 26
- ◆ **TUYÊN BỐ CHUNG NHÂN KỶ NIỆM 50 NĂM NGÀY CÔNG BỐ HIỆN CHƯƠNG GHPGVNTN**, trang 27
- ◆ **MỘT TIẾNG NÓI CHUNG OAI HÙNG SỰ TỬ** (thơ Nhật Trí), trang 31
- ◆ **SỰ TỬ TRÙNG** (Nhóm Áo Lam), tr. 32
- ◆ **HẠNH HIỆN THÂN - Phật Pháp thứ Năm** (Nhóm Áo Lam), trang 33
- ◆ **CHO VÀ NHẬN - Lá thư đầu tuần** (GDPTVN Trên Thế Giới), trang 34
- ◆ **TU SĨ VÀ LUẬT DI TRƯ TẠI HOA KỲ** (Huỳnh Tấn Lê), trang 35
- ◆ **MẪU HÌNH NGƯỜI CƯ SĨ LÝ TƯỜNG** (Chúc Phú), trang 36
- ◆ **KHÁI NIỆM TÁNH KHÔNG LÀ MỘT NGHỊCH LÝ** (Chúc Thanh dịch), tr. 39
- ◆ **PHÍA SAU BÓNG MẶT TRỜI** (Lam Khê), trang 41
- ◆ **VÒNG XOAY TRẦN THÉ** (Biện Thị Thanh Liêm), trang 42
- ◆ **CHỜ NĂM MỚI** (thơ Lý Thừa Nghiệp), trang 42
- ◆ **THÔNG BÁO KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN 4 (2014)** (Thích Nguyên Siêu), trang 43
- ◆ **CHƯƠNG TRÌNH HỌC PHẬT** (Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần IV), trang 47
- ◆ **BÀI THƠ "CỤ TRẦN LẠC ĐẠO"...** (Tâm Thường Định), trang 49
- ◆ **CHỮ VẠN TRONG PHẬT GIÁO** (Tâm Minh Ngô Tằng Giao), trang 50
- ◆ **CHIÊU QUÂN** (Huệ Trân), trang 53
- ◆ **BÀI THƠ CHO CON** (thơ Lê Bích Sơn), trang 54
- ◆ **KHÔNG NÓI ƠN NGHĨA** (Tâm Không Vĩnh Hữu), trang 55
- ◆ **BẬP BÙNG ÁNH LỬA ĐÊM ĐÔNG** (thơ Hàn Long Ân), trang 56
- ◆ **NẤU CHAY: BÁNH BAO CHAY** (Chân Thiện Mỹ), trang 57
- ◆ **RƯỢU XUÂN** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 58
- ◆ **NGÂM CÂY, NHỚ VỀ ĐẤT PHÚ** (thơ Diệu Đức), trang 59
- ◆ **THE STORY OF AGGIDATTA** (Daw Mia Tin), trang 60
- ◆ **HIỆN TƯỢNG CHÁNH PHÁP** (Tuệ Như), trang 64
- ◆ **LỄ CUNG NGHINH PHẬT NGỌC VỊ HÒA BÌNH THẾ GIỚI TẠI NHƯ LAI THIÊN TỰ**, trang 72



Báo Chánh Pháp số 27, tháng 02 năm 2014, do Tổ Đình Từ Đàm (Dallas, Texas) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



# Thư Tòa Soạn

## MÙA HOA

Mọi sự mọi vật có vẻ trầm lắng khi đêm buông xuống. Những âm thanh thủ thi, nhẹ nhàng (của lời tình tự, thương yêu; lời trung thực, khiêm ái...) cho đến những âm thanh cuồng nộ từ các loại động cơ (của xe cộ, phi cơ, máy móc... cùng với những lời sáo ngữ, khoa trương, sĩ vả, bôi bác lẫn nhau), đã dịu xuống dần và im bật trong đêm sâu.

Có vẻ như con người mưu tìm cái đẹp cái hay cho cuộc đời (hay cho chính mình) bằng những toan tính, mặc cả, biện giải, hơn-thua..., bằng sự tranh sông và biểu hiện sự tồn tại nổi trội của mình; bằng việc làm mờ nhạt đi những đặc tính của kẻ khác. Nhưng trên thực tế, và trong ý nghĩa tương sinh, vẻ đẹp của đời sống không phải là loại trừ lẫn nhau.

Hoa không giống như người. Tất cả loài hoa đều đơm nụ và nở theo mùa của chúng. Dù có hương hay không hương, có sắc hay không sắc (theo cảm quan của con người), hoa vẫn nở, cho chính nó, bởi chính nó; không phải vì hoa khác không nở mà nó phải nở, cũng không phải vì hoa kia đã nở mà nó không nở. Hoa cũng chẳng tranh đua gì trong việc khép hay mở những cánh hoa của nó. Đúng thời và đúng chu kỳ thì nở, chỉ đơn giản như thế.

Người không giống như hoa. Trí khôn của loài người cho phép họ tìm ra những nguyên lý của không gian, thời gian, tác động hỗ tương giữa vật lý, tâm lý, sinh lý... áp dụng nhân quả vào những sáng chế, sáng tác, và sản xuất, tạo nên một đời sống đa hình, đa dạng, tiến bộ không ngừng nghỉ từ dạng thái thô kệch cho đến tinh vi, từ đơn giản cho đến phức tạp nhất.

Thế nhưng con người chỉ thành công ở những gì cụ thể, hữu hình, trên những sản phẩm đa năng, đa dụng, tiện ích, và trên những đồng tiền, món vật nắm được trong tay, giữ được trong nhà hay ngoài xã hội. Luật nhân quả mà họ áp dụng là để đạt đến những thành tựu như thế. Tiến xa hơn chẳng qua là dùng những món vật hữu hình để mua lấy danh vọng và quyền lực. Khổ đau, phiền lụy không nhờ những thứ ấy mà vui đi, trái lại, còn tăng lên đến vô hạn; không chỉ làm khổ mình mà còn làm khổ cả những người chung quanh.

Hiếu được nhân quả không thôi, chưa đủ. Phải thấy được sự tương sinh (có trong nhau), tương duyên (làm điều kiện cho nhau) giữa muôn sự, muôn vật, giữa con người và thiên nhiên, giữa cá nhân và tập thể.

Đêm là đêm của ngày. Ngày là ngày của đêm. Đêm không phải là nhân hay quả của ngày; ngày cũng không phải là quả hay nhân của đêm. Cái này có vì cái kia có. Không có cái này thì cũng không có cái kia.

Nhân quả cũng không phải là một diễn trình nhất định trong chu kỳ ngày và đêm, tháng và năm, đời này và đời sau; mà chính ở trong từng khoảnh khắc hiện tiền. Ngay nơi khoảnh khắc ấy, gieo nhân hay không gieo nhân, khởi niệm hay không khởi niệm. Hệ lụy một đời hay nhiều kiếp, từ nơi ấy mà khởi xuất; cái vô tận vĩnh cửu, cũng từ nơi ấy mà bùng lên.

Đêm đã qua. Đã có tiếng xe chạy trên đường. Đâu đó có tiếng nói cười. Sương mù còn dày đặc nhưng bầu trời đã ửng sáng nơi phương đông. Hoa trong vườn lặng lẽ sắc, hương. Mùa xuân dường như bắt tận.

# TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

## DIỆU ÂM lược dịch

### ẤN ĐỘ: Lễ hội mùa đông Sikkim

Bang Sikkim sẽ tổ chức một lễ hội mùa đông để giới thiệu về đẹp miền núi, văn hóa Phật giáo Tây Tạng cổ xưa và thể thao mạo hiểm.

Trong 3 ngày lễ hội bắt đầu từ 22-12-2013, âm nhạc độc đáo của bang miền núi Sikkim sẽ được các nghệ sĩ địa phương trình bày phục vụ truyền thống trình diễn. Mục tiêu của lễ hội mùa đông này là để làm gia tăng dòng du khách, bên cạnh việc quảng bá văn hóa, ẩm thực và các sản phẩm hữu cơ truyền thống.

Du khách đến các khách sạn khác nhau trong lễ hội sẽ được thưởng thức thú vị ẩm thực do các đầu bếp địa phương đảm nhiệm. Các khách sạn và nhà hàng khác nhau cũng đã sắp xếp những món ăn đặc biệt cho người ăn chay và các bữa ăn trái cây cho những người ăn kiêng vì sức khỏe.

Đông đảo du khách nội địa và du khách quốc tế từ Nhật Bản và châu Âu cùng đến với lễ hội Sikkim, bang sạch sẽ nhất của Ấn Độ.

(Eturbo news – December 15, 2013)

### CAM BỐT: Xả lợi của Đức Phật bị đánh cắp

Phnom Penh, Cam Bốt – Một bình bồng vàng đựng xá lợi của Đức Phật đã bị đánh cắp từ một ngôi chùa ở gần thủ đô Phnom Penh.

Ngày 13-12-2013, phát ngôn viên chính phủ Ek Tha nói rằng xá lợi này có ý nghĩa rất lớn về văn hóa và tôn giáo đối với người Cam Bốt. Ông nói cố Quốc vương Norodom Sihanouk vào năm 2002 đã dời xá lợi từ thủ đô đến ngôi sơn tự ở hoàng thành Udong trước kia trong một buổi lễ có hàng chục nghìn người tham dự.

Kirt Chantharith, phát ngôn viên Cảnh sát Quốc gia, cho biết vụ trộm được phát hiện vào ngày 10-12 khi một người bảo vệ thấy ổ khóa của cửa chùa bị phá và chiếc bình bị lấy mất.

Ông nói cảnh sát đã thẩm vấn 13 người trong số những bảo vệ chùa và đã bắt giữ 6 nghi phạm, nhưng các quan chức không có thông tin về xá lợi hiện ở nơi đâu.

(AP – December 15, 2013)

### ẤN ĐỘ: Lễ đặt viên đá đầu tiên cho dự án xây tượng Phật Di lặc tại Kushinagar

Là kết quả của 15 năm lập kế hoạch và chuẩn bị, ngày 13-12-2013 Quỹ Bảo tồn Truyền thống Đại thừa (FPMT) đã thực hiện Lễ Đặt Viên đá Đầu tiên cho Dự án Phật Di lặc tại Kushinagar, địa điểm hành hương thiêng liêng của Phật Thích Ca Mâu Ni nhập Niết bàn, tại bang Uttar Pradesh, Ấn Độ.

Thống đốc bang Uttar Pradesh, ông Akhilesh Yadav, đã chủ trì buổi lễ cùng với Lạt ma Zopa Rinpoche, vị lãnh đạo tinh thần của FPMT.

Buổi lễ đánh dấu việc chính thức tặng gần 275 mẫu Anh cho dự án xây pho tượng Phật Di lặc cao 150 feet.

Phật tử trên toàn thế giới đã trở nên quen thuộc với Dự án Phật Di lặc thông qua một tour triển lãm liên tục các xá lợi vốn sẽ được tôn trí trong pho tượng nói trên.

(Buddhist Art News – December 16, 2013)



Mẫu tượng Phật Di lặc sẽ được xây tại Kushinagar (Ấn Độ)  
Photo: buddhistartnews

### TÍCH LAN: “Những giá trị Phật giáo có thể ngăn chặn các mối đe dọa hòa bình thế giới”

Tại một buổi lễ được tổ chức ở Trung tâm Phật giáo Quốc tế Wellawatte (một vùng ngoại ô của Colombo) vào ngày 15-12-2013, Bí thư Ban Các vấn đề Quốc hội của Tổng thống Tích Lan là ông Kumarasiri Hettige nói. “Ngày mà những người quyền lực trên thế giới hiểu được những giá trị của Phật giáo, các mối đe dọa đối với hòa bình thế giới có thể bị ngăn chặn”.

“Cơ sở của mối quan hệ lịch sử giữa Nhật Bản và Tích Lan là Phật giáo, và nếu mối quan hệ như vậy tồn tại trong tất cả các quốc gia thì thế giới sẽ là một nơi bình yên để sống”, ông Hettige nói.

Sự kiện này được tổ chức để vinh danh Thượng tọa người Nhật Akiyoshi Yoshimura, chủ nhiệm Các vấn đề Quốc tế của chùa Minoubu – văn phòng chính của Giáo phái Phật giáo Nhật Bản Nichrekshu.

Buổi lễ đánh giá cao sự hỗ trợ được mở rộng bởi chùa Minoubu để ủng hộ các công tác tôn giáo và xã hội do Thượng tọa Trưởng lão tăng Tích Lan Maharagama Mahinda, Sư trưởng đương nhiệm của Trung tâm



Poster của Lễ hội Mùa đông Sikkim—Photo: Eturbo news

Phật giáo Quốc tế Wellawatte thực hiện.  
(dailynews.lk – December 20, 2013)



Từ trái sang phải: Ông K. Hettige, Thượng tọa M. Mahinda và Thượng tọa A. Yoshimura  
Photo: dailynews.lk

**KENYA:**  
**Ông thống Tích Lan viếng**  
**Tịnh xá Phật giáo Nairobi**

Vào ngày 13-12-2013, Tổng thống Tích Lan Mahinda Rajapaksa đã viếng Tịnh xá Phật giáo Nairobi, tọa lạc tại một vùng ngoại ô của thành phố thủ đô Nairobi của Kenya. Ngôi chùa Phật giáo Nguyên thủy hoạt động hơn một thập kỷ này gồm có một bảo tháp nhỏ, thiên đường và một khu cư trú cho chư tăng.

Tổng thống đã dành lễ và tham dự một số hoạt động tôn giáo tại chùa.

Rất nhiều người Tích Lan đã có mặt tại chùa để chào đón Tổng thống. Ông đã dành thời gian để nói chuyện với các thành viên của cộng đồng Tích Lan đang sống tại Kenya.

Đây là chuyến thăm Kenya cấp nhà nước kéo dài 4 ngày của Tổng thống Rajapaksa.

(dailynews.lk – December 20, 2013)



Tổng thống Tích Lan Mahinda Rajapaksa viếng chùa Nairobi, Kenya—Photo: Janaka Alahapperuma

**PHÁP: Trình diễn nhạc jazz và**  
**tụng niệm kinh Phật giáo**  
**Nhật Bản tại Paris**

Để kỷ niệm năm thứ 3 của trận động đất và sóng thần tại Nhật Bản, công ty Âm nhạc Quốc tế Rag của Nhật sẽ tổ chức sự kiện âm nhạc tại Viện Văn hóa Nhật Bản ở Paris vào ngày 07 và 8-12-2013.

Chương trình sẽ là một sự kết hợp hiếm có của nhạc jazz và tụng niệm kinh Phật do các nhạc sĩ và tăng sĩ Nhật Bản từ Kyoto trình diễn.

Các nhạc sĩ gồm có T. Hino (kèn trumpet), H. Okamoto và K. Adachi (đàn guitar) và chư tăng gồm sư trưởng Ryuko Kimura của chùa Bujoin cùng với 5 nhà sư khác.

Họ sẽ trình diễn bài Sakura (Hoa anh đào) với tiếng đàn guitar u buồn trong nền tụng niệm kinh Phật. Họ cũng sẽ có phần hợp xướng tụng niệm theo bản đàn guitar, và phần tụng Kinh Đại Bát Nhã với phần đệm kèn trumpet và thổi vỏ ốc xà cừ.

(Buddhist Art News – December 23, 2013)



Nhạc sĩ trumpet T. Hino và các nhà sư của chương trình nhạc jazz và tụng niệm sẽ tổ chức tại Paris vào tháng 3 – 2014  
Photo: The Asahi Shimbun

**PHI LUẬT TÂN: Phật phái**  
**Cheontae của Hàn quốc tặng**  
**thuyền cho ngư dân Phi Luật Tân**

Ngư dân bị mất nhà cửa và sinh kế trong trận bão Yolanda (Haiyan) tại quần đảo Camotes, Phi Luật Tân, sẽ được nhận thuyền mới nhờ Phật phái Cheontae của Hàn quốc.

Phật phái này đã gây quỹ để tặng 200 thuyền đánh cá cho ngư dân vùng đảo nói trên.

Giáo trưởng Chang Young-duck và nhà lập pháp Hàn quốc gốc Phi Luật Tân Jasmine Lee sẽ

dẫn đầu nhóm cứu trợ chuyên giao đợt đầu tiên gồm 75 thuyền cho ngư dân vào hạ tuần tháng 12.

Thông qua ông Lee, phái Cheontae biết được nhu cầu cấp thiết về thuyền đánh cá của ngư dân Phi Luật Tân. Nhưng do sự quán Phi Luật Tân ở Seoul không nhận cứu trợ bằng tiền mặt, ông Lee đề nghị dùng các khoản tiền đóng góp này để mua thuyền đánh cá giúp ngư dân phục hồi từ thảm họa.

(ABS-CBN news.com – December 23, 2013)



Phật phái Cheontae của Hàn quốc cam kết tặng 200 thuyền đánh cá cho ngư dân Phi Luật Tân tại quần đảo Camotes, những người bị ảnh hưởng bởi siêu bão Yolanda  
Photo: Cathy Rose A. Garcia

**CANADA: Hội Từ thiện Phật**  
**giáo Từ Tế tặng áo khoác ấm**  
**cho người nghèo**

Nhiều người đã nhận quà Giáng Sinh sớm từ Hội Phật giáo Từ Tế có trụ sở tại thành phố Surrey ở tỉnh British Columbia (BC) của Canada.

Vào ngày 6-12-2013, Hội Từ thiện Phật giáo quốc tế này đã đến thành phố Langley (BC) và tổ chức một buổi tặng áo khoác.

Các tình nguyện viên đã giúp hội trong việc đi phát cho người nghèo áo khoác ấm mùa đông, túi trang phục cá nhân và các thanh sô cô la, là cách để các hội viên thực hiện cụ thể tín ngưỡng của mình về việc giúp đỡ người khác.

Chi nhánh Surrey của hội Từ Tế được thành lập vào năm 2003 và đã làm công việc từ thiện trên khắp khu vực.

(Langley Advance – December 23, 2013)



*Các hội viên Từ Tế đang phân phối các bộ dụng cụ chăm sóc cá nhân để tặng người nghèo tại Langley vào ngày 6-12-2013  
Photo: Heather Colpitts*

**TÍCH LAN: Cuộc thi trường Đạo pháp Toàn Tích Lan**

Cuộc thi Đánh giá Năng lực Học sinh Trường Đạo pháp Toàn Tích Lan sẽ được tổ chức tại Trường Kegalle St. Joseph vào ngày 27, 28 và 29-12-2013, dưới sự hướng dẫn của Tổng thống Mahinda Rajapaksa và sự bảo trợ của Thủ tướng và Bộ trưởng Bộ Phật giáo và Tôn giáo D.M. Jayaratne.

Cuộc thi sẽ khởi động trong 4 giai đoạn là: cấp Trường Đạo pháp, cấp Hội đồng Tỉnh, cấp quận và cấp Toàn Tích Lan.

Ở giai đoạn đầu có gần 2 triệu học sinh tham gia cuộc thi.

Ở giai đoạn 2, số học sinh tham gia là gần 400 nghìn. Ở giai đoạn 3, con số thí sinh giảm ở mức 12.680. Và các nhà tổ chức cho biết số học sinh tham dự cuộc thi toàn Tích Lan ước tính là 840 em.

(dailynews.lk - December 25, 2013)



*Học sinh của một trường Đạo pháp của Tích Lan  
Photo: mahamahendra.blogspot.com*

**ANH QUỐC: Mở rộng Trung tâm Phật Thiên tại Leicester**

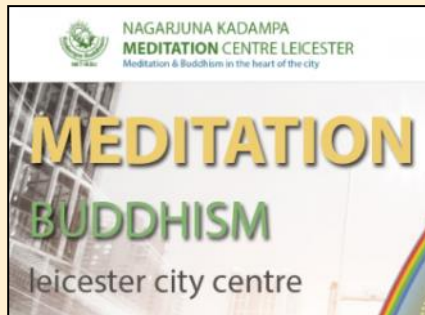
Do nhu cầu ngày càng tăng cho các khóa học ban ngày, các lớp buổi tối và các cuộc hội thảo, Trung tâm Phật Thiên Nagarjuna Kadampa của Leicester sẽ mở rộng nhờ khoản vay 250 nghìn Bảng từ ngân hàng Nat West.

Trung tâm đã nhận tiền này như một phần của sự kết nối của Ngân hàng Nat West với quỹ dành cho chương trình cho vay của chính phủ.

Nó đã giúp trung tâm hoàn thành phần đầu tiên là mở rộng quán ăn Hòa bình Thế giới của chương trình xây dựng gồm 2 giai đoạn.

Giai đoạn tiếp theo sẽ bao gồm việc xây thêm một dãy phòng ngủ và 4 phòng làm việc, tầng sức chứa của thiền phòng từ 100 lên 130 người, và cung cấp 3 tượng Phật lớn cao 8 feet, tạo nên sự trưng bày lớn nhất của loại hình trung tâm thiền tại vùng Midlands.

(Leicester Mercury - December 27, 2013)



*Biểu trưng của Trung tâm Phật Thiên ở Leicester (Anh quốc)  
Photo: meditateinleicester.org*

**NEPAL: Viện Rangjung Yeshe mở các chương trình đại học và sau đại học về nghiên cứu Phật giáo**

Viện Rangjung Yeshe (RYI) đã tiến hành các chương trình nghiên cứu ở Nepal trong hơn 25 năm.

Kể từ năm 2002, RYI đã hợp tác với Đại học Kathmandu trong việc cấp tín chỉ học tập cho các công trình nghiên cứu ấy.

Vào năm 2009, RYI đưa ra chương trình học tập trực tuyến. Mục đích của viện là sử dụng chuyên môn và kinh nghiệm của mình để giúp sinh viên từ khắp nơi trên thế giới cùng với viện này nghiên cứu Phật giáo và các ngôn ngữ vùng Hi Mã Lạp Sơn. Các lớp học được tổ chức bên

trong tu viện Ka-Nying Shedrub Ling ở Thung Lũng Kathmandu.

RYI cung cấp giáo lý Phật giáo Tây Tạng truyền thống với một quan điểm Nghiên cứu Phật giáo hiện đại, hướng đến các bằng Cử nhân, Thạc sĩ và Tiến sĩ trong nghiên cứu Phật giáo.

(Shambhala Sun - January 1, 2014)



*Viện Rangjung Yeshe (Nepal)*

**ẤN ĐỘ: Chư tăng Tích Lan tặng nhu yếu phẩm cho đông đạo Ấn Độ tại Bồ đề Đạo tràng**

Bồ đề Đạo tràng, Bihar (2-1-2014) - Các tăng sĩ từ Tích Lan trong tuần này đã tặng các mặt hàng thiết yếu hàng ngày cho chư tăng Ấn Độ tại thành phố Bồ đề Đạo tràng linh thiêng của bang Bihar.



Bồ đề Đạo tràng được xem là một thánh địa vì tương truyền rằng Đức Phật đã đạt giác ngộ dưới một cây bồ đề tại đây, và cây này sau hàng nghìn năm đến nay vẫn còn tồn tại.

Khoảng 75 tu sĩ Phật giáo Ấn Độ đã được các tăng sĩ đến từ Tích

Lan tặng chăn mền, sách và các mặt hàng thiết yếu khác. "Chúng tôi tặng các nhu yếu phẩm cho chư tăng tại Tu viện Budhgyan Ashram (ở Bồ đề Đạo tràng)", nhà sư Tích Lan Bhante Kushalchit nói.  
(ANI - January 3, 2014)

**HOA KỲ: Tu viện Phật Tâm mở các lớp miễn phí vào tháng 1-2014**

Bắt đầu vào ngày 9-1-2014, Tu viện Phật Tâm tại Thành phố Oklahoma sẽ mở các lớp học miễn phí cho công chúng - được tổ chức hàng tuần - về Thiền Phật và giáo lý Phật giáo cơ bản, cũng như về các phương pháp thiền khác nhau.

Các lớp học này sẽ dạy mọi người cách giải tỏa căng thẳng và đạt được trí tuệ, tập trung vào việc có một cái nhìn tích cực trong cuộc sống và đạt được sự tịnh tâm. Học viên sẽ có được kiến thức về Chân lý, về nguồn gốc của khổ đau, cách đối mặt và đối phó với những sự kiện xảy ra trong mỗi đời người.

Các bài học bao gồm Phật là Gì, Nghiệp và Nhân quả, Tứ Diệu Đế v.v... do Tu viện trưởng Phật Tâm là Thượng tọa Jian-Mao giảng dạy.

(News9.com - January 4, 2014)



Tu viện Phật Tâm tại thành phố Oklahoma, Hoa Kỳ  
Photos: News9.com

**ẤN ĐỘ: Lễ hội Vũ Nhạc Sirpur 2014 để quảng bá điểm đến du lịch Phật giáo Sirpur**

Trong một sáng kiến nhằm quảng bá điểm đến du lịch Phật giáo của bang, Hội đồng quản trị Du lịch Chhattisgarh tổ chức 'Lễ hội Vũ Nhạc Sirpur 2014' cấp quốc gia, diễn ra trong 3 ngày kể từ ngày 4-1-2014.

Mục đích của lễ hội là để giới thiệu Sirpur ở tầm quốc tế như một phần mở rộng của mạng mạch Phật giáo, ngoài Sarnath và Sanchi ở miền trung Ấn Độ.

Các nghệ sĩ từ các bang khác nhau sẽ tham gia sự kiện lớn này. Địa điểm cổ xưa Sirpur ở huyện Mahasamund của Chhattisgarh sẽ chào đón nghệ sĩ của các loại hình vũ nhạc khác nhau trên một sân diễn chung cho một chương trình văn hóa nghệ thuật đặc biệt.

Cùng với lễ hội vũ nhạc này, các sự kiện như trại nghệ sĩ quốc gia, cuộc thi vẽ tranh dành cho học sinh cũng sẽ được tổ chức trong suốt lễ hội.

(TNN - January 4, 2014)

**THÁI LAN: Hàng nghìn người cúng dường cho 2.600 nhà sư tại Pattaya**

Sự kiện công đức lớn đã diễn ra trước tòa thị chính Pattaya vào ngày 21-12-2013, với hàng nghìn người cúng dường gạo và lương khô cho đợt vận động toàn quốc để cứu trợ cho 232 ngôi chùa bị lâm vào tình trạng xung đột ác liệt tại miền nam Thái Lan, nơi Hồi giáo chiếm đa số.

2.600 nhà sư từ Chonburi và Chachoengsao đã nhận vật phẩm, gạo, lương khô và nhu yếu phẩm từ các Phật tử.

Đây là sự kiện hàng năm nhằm phục hồi và hỗ trợ Phật giáo được tổ chức bởi Hội Thiền định để Phát triển Hòa bình Thế giới, do sư trụ trì P. Mahamunee của chùa Dhammakaya thành lập.

(tipitaka.net - January 7, 2014)

Lễ cúng dường 2.600 tăng sĩ tại Pattaya, Thái Lan  
Photos: Warunya Thongrod



**TÂY TANG: Hòa loạn tại Phật viện lớn nhất thế giới**

Một trận hỏa hoạn lớn đã phá hủy hơn mười tòa nhà tại Phật viện Serthar ở Amdo, Tây Tạng. Serthar, còn gọi là Larung Gar, được thành lập vào năm 1980 bởi vị Lạt ma nổi tiếng Jigme Phuntsok. Và mặc dù bị phá hủy trên diện rộng vào năm 2001 bởi chính quyền Trung quốc, Serthar đã phát triển thành học viện Phật giáo lớn nhất thế giới.

Điều đáng chú ý về vụ cháy này là, dù được cho rằng lúc nào cũng có trên 10.000 tăng ni cộng với số học viên thường dân đông đảo hơn nữa cư trú tại đây, nhưng lại không có thương vong nào xảy ra. Phải cần đến khoảng 450 người ứng phó mới dập tắt được ngọn lửa, và nguyên nhân hỏa hoạn được cho là vẫn đang điều tra.

(Buddha Dharma - January 10, 2014)



Ảnh chụp khi đám cháy đang xảy ra tại Phật viện Serthar, Tây Tạng  
Photo: Weibo



### **Nepal: Phát triển Lâm Tì Ni thành trung tâm du lịch**

Chính phủ Nepal đã bắt đầu các công trình cơ sở vật chất để phát triển Lâm Tì Ni thành một trung tâm du lịch trong năm tài chính tiếp theo.

Đến nay, du khách viếng Lâm Tì Ni chỉ tham quan trong một khu duy nhất là Kapilvastu rộng 1km và dài 3km.

Tuy nhiên, trung tâm du lịch Lâm Tì Ni sẽ phát triển thành 3 khu bao gồm thêm Nawalparasi và Rupadehi, và sẽ mở rộng thành một diện tích hơn 100km.

Theo kế hoạch chi tiết ban đầu của dự án, các địa điểm tôn giáo và khảo cổ quan trọng liên quan đến cuộc đời của Đức Phật sẽ là trung tâm của khu du lịch này.

(Big News Network - January 10, 2014)

### **THÁI LAN: Quỹ Đại sứ Hoa Kỳ tài trợ dự án bảo tồn Chùa Chaiwatthanaran**

Quỹ di tích thế giới (WMF) và Cục Mỹ thuật của Bộ Văn hóa Thái Lan đang tiến hành một dự án trong 2 năm về thông tin, bảo tồn và quản lý di tích tại chùa Chaiwatthanaran ở Ayutthaya, Thái Lan. Dự án nhằm tiếp tục công việc bảo tồn tại ngôi chùa nói trên, vốn có từ thế kỷ thứ 17 và bị ảnh hưởng nặng bởi lũ lụt vào năm 2011.

Quỹ Đại sứ Hoa Kỳ về Bảo tồn Văn hóa (AFCP) và sứ quán hoa Kỳ tại Bangkok đã trao tặng 700.000 usd cho dự án này. Đây là khoản tài trợ lớn nhất của AFCP trong năm 2013, được trao tặng tại một buổi lễ tổ chức tại Bảo tàng Thái Lan ở Bangkok vào ngày 11-1-2014.

(Artdaily.org - January 11, 2014)



*Chùa Chaiwatthanaran,  
Thái Lan -  
Photo: Artdaily.org*

<-

### **ẤN ĐỘ: Ngành Du lịch bang Odisha tổ chức Hội nghị Phật giáo Quốc tế**

Sở Văn hóa và Du lịch bang Odisha sẽ tổ chức Hội nghị Phật giáo Quốc tế tại Udayagiri từ ngày 1 đến 3-2-2014. Có ít nhất 130 học giả Phật giáo nổi tiếng từ khắp nơi trên thế giới, bao gồm Trung quốc, Hoa Kỳ, Miến Điện, Nhật Bản, Thái Lan, Tích Lan, Cam Bốt và Bhutan, sẽ tham dự hội nghị. Các đại biểu sẽ tham quan những di tích Phật giáo của Odisha trong thời gian họ ở Udayagiri. Các buổi hội thảo, chiếu phim, trình diễn văn hóa và cuộc triển lãm ảnh liên quan đến triết học và mỹ thuật Phật giáo cũng sẽ được tổ chức nhân dịp này.

Tiến sĩ Sunid Patnaik, thư ký Viện Hàng hải và Nghiên cứu Đông Nam Á của Odisha (OIMSEAS) nói rằng hội nghị này sẽ hữu ích đối với nhiều học giả Phật giáo của các bang khác và các nước vốn không biết về di sản Phật giáo phong phú của bang Odisha.

(Odisha Daily - January 13, 2014)

### **TÍCH LAN: Lễ hội Duruthu Perahera tại Tịnh xá Kelaniya Rajamaha**

Phật lịch của Tích Lan bắt đầu với Lễ hội Duruthu Perahera hàng năm tại tịnh xá lịch sử Kelaniya Rajamaha từ tối ngày 12-1-2014.

Chùa Kelaniya linh thiêng có ý nghĩa tôn giáo và lịch sử, chính là do chuyên thăm lần thứ ba của Đức Phật đến ngôi chùa trên bờ sông Kelani này. Kể từ sự

kiện tôn quý ấy, Phật tử trên quốc đảo Tích Lan lũ lượt đến tu viện thanh tịnh này để cúng kính và nhận phước lành. Tất cả các vị vua của Tích Lan đã đóng góp vào sự phát triển của chùa Kelaniya theo nhiều cách. Và lễ hội thường niên này có nguồn gốc từ thời của các vị vua cổ đại, là những người rất sùng bái đã bảo trợ cho các hoạt động tôn giáo tại chùa Kelaniya.

(dailynews.lk - January 14, 2014)

*Chùa Kelaniya-Photos: Jnan Nanda*





# NHÂN QUẢ

*Thích Đức Thắng*

Nhân quả là một định luật tất yếu trong sự hình thành nhân sinh quan và vũ trụ quan qua liên hệ duyên khởi của cuộc sống con người, mà qua đó nhân quả được coi như là một luật tắc không thể thiếu được khi hình thành một xã hội nhân bản đạo đức. Nhân quả vì thế không chỉ có riêng của Phật giáo, mà trước đó và ngay trong thời kỳ đức Phật còn tại thế, các luận sư ngoại đạo cũng đã lập thành luận thuyết chủ trương rõ ràng rồi, nhưng cũng vì kiến giải quá nhiều về nhân quả, nên mọi kiến giải trở thành đa thù sai biệt và chống đối nhau trên quan điểm này sinh ra bốn loại mà đức Phật gọi là tà chấp. Đức Phật, chỉ kết hợp lại những gì khế cơ khế lý mà thành lập nhân quả Phật giáo. Nhân quả Phật giáo vì thế đã trở thành hai hệ thống qua Phật giáo phát triển của các hệ phái sau này, đó là nhân quả Tiểu thừa và nhân quả Đại thừa trong việc kết hợp với định thức duyên khởi tùy thuộc vào thời gian và không gian mà hình thành cơ sở lý luận cho tất cả mọi quan hệ duyên khởi trong thế giới.

- Nhân quả tiếng Sanskrit gọi là *hetu-phala*, chỉ cho nguyên nhân cùng kết quả. Cũng chỉ cho luật nhân quả, là thể của giáo nghĩa Phật giáo, dùng để thuyết minh làm cơ sở lý luận cho tất cả mọi quan hệ của thế giới. Bởi vì sự hình thành của tất cả các pháp, thì Nhân là "Năng sinh" quả là "Sở sinh", có nghĩa là pháp nào có khả năng dẫn sinh đến kết quả, thì pháp ấy là Nhân, và do được nhân sinh ra thì đó chính là Quả. Nhân quả như thế chỉ có được qua lệ thuộc thời gian tính có thể quan niệm theo Phật giáo Tiểu thừa, nhưng không phải vì thế mà nhân quả được nhìn một cách nhất quán. Ngay đến trong Phật giáo cũng tùy thuộc vào căn cơ chúng sinh mà đức Phật thuyết về nhân quả của thời và không cho thích hợp với căn cơ của họ, nên nhân quả cũng vì thế mà có sự sai khác về quan niệm và giải thích giữa các nhà Tiểu thừa và Đại thừa về mặt chủ trương. Và vào lúc bấy giờ nhân quả cũng được nhìn từ nhiều nhận quan qua các chủ trương của các nhà luận sư trước đó và vào lúc bấy giờ tại Ấn Độ khi đức Phật ra đời. Những chủ trương nhân quả của ngoại đạo vào lúc bấy giờ và trước đó tại Ấn Độ có thể phân ra làm bốn loại, và đức Phật liệt họ vào bốn loại tà chấp như dưới đây :

1. Số luận (*Skt: Sāṃkhya*) chủ trương: Tất cả pháp là "một", chủ trương tất cả chỉ là một, nhận hai tướng "ngã" cùng "giác" bất khả phân ly, nhân quả đồng nhau, cũng là chủ trương của luận sư Tăng Khư ngoại đạo.

2. Thẳng luận (*Skt: Vaiśeṣika, Pāli: Vasesika*) chủ trương: Tất cả pháp là "khác". Chủ trương này cho rằng tất cả pháp là khác nhau, giữa "ngã" cùng "trí", " năng" cùng "sở" chúng khác nhau, cũng là chủ trương của luận sư Tuỳ Thế ngoại đạo.

3. Ni-kiền Tử (*Skt: Nirgrantha-jñātapatra, Pāli: Nirgaṇṭha-nātaputta*) chủ trương: Tất cả pháp vừa "một" vừa "khác". Chủ trương này cho rằng tất cả các pháp vừa tồn tại trong một mà cũng vừa tồn tại trong khác, chúng cùng nghĩa với nhau.

4. Nhã-đề Tử cùng Tà Mạng ngoại đạo chủ trương: Tất cả pháp chẳng phải "một" chẳng phải "khác". Chủ trương này cho rằng tất cả các pháp không liên hệ với nhau (*bất cấu*), không cùng tồn tại, mà chỉ có tính tương đối.

- Và chủ trương của các phái ngoại đạo ở Ấn Độ cổ đại về các vấn đề như một khác, thường vô thường, nhân quả có không... Theo Tứ tông luận Tiểu thừa, ngoại đạo, dẫn xuất của Bồ-tát Đề-bà Ấn Độ, và Bồ-đề Lưu Chi dịch sang Hán thời hậu Ngụy thì, Ngài dùng Tông kính luận Đại thừa để phá tứ chấp của ngoại đạo cùng Tiểu thừa.

- Theo các nhà ngoại đạo cổ đại Ấn độ, có thể phân chia làm bốn loại luận điểm về quan hệ nhân quả, mà Phật giáo liệt họ vào bốn loại chấp:

- Tà nhân tà quả: Họ chủ trương đem nguyên nhân sinh khởi ra vạn vật vũ trụ qui về năng lực do trời Đại tự tại.

- Không nhân, có quả: chủ trương này, họ thừa nhận sự tồn tại của thế giới hiện tượng là quả, chỉ vì cái nhân của cái quả này khó mà tham cứu, nên họ phủ nhận nguyên nhân khởi lên quả này.

- Có nhân, không quả: Chủ trương này, họ thừa nhận sự tồn tại của thế giới hiện tượng cho là nhân, chỉ vì kết quả của nhân này khó mà tham cứu, cho nên họ phủ định kết quả của nhân này.

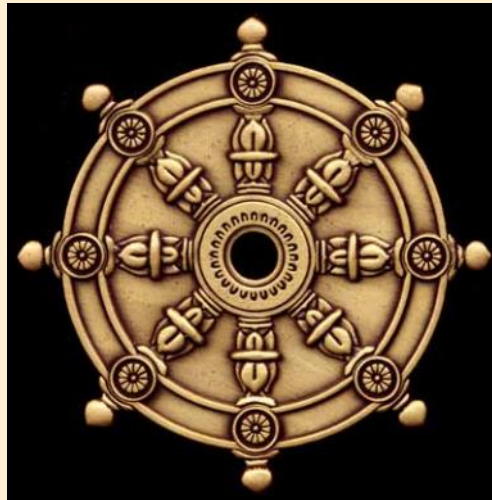
- Không nhân, không quả: Chủ trương này, họ phủ định cả nhân lẫn quả.

- Ngoài bốn loại nhân quả trên ra, Phật giáo còn nhận thấy có hai thứ luận thuyết về nhân quả nữa:

- Trong nhân có quả: Chủ trương này, thừa nhận mọi hiện tượng trong thế giới đang hiện hữu qua quả chúng đã có sẵn đầy đủ trong nhân, đây là chủ trương của các nhà tư tưởng Bà-la-môn giáo cùng học phái Số luận; tức là họ chấp nhận trong nhân luôn luôn đầy đủ tánh quả, cho nên tính chất của nhân cùng quả tương đồng.

- Trong nhân không có quả: Chủ trương này cùng với học phái Thẳng luận, họ không chấp nhận chủ trương trong nhân có quả và đối lập lại chủ trương trên. Họ đề xướng cần phải kết hợp nhiều yếu tố căn bản độc lập mới có thể sinh khởi ra thế giới hiện tượng, vì vậy trong nhân ắt đã không có quả, mà cần phải vay mượn nhiều tướng nhân để hỗ trợ hòa hợp mới có thể sinh ra quả được; do vậy, tính chất nhân cùng quả không tương đồng. Luận thuyết này cũng có thể gọi là trong quả đã có nhân.

- Còn nhân quả của Phật giáo đại để phân ra



làm hai hệ thống Tiểu thừa và Đại thừa. Tiểu thừa lấy Câu xá luận 6 (Đ. 29, No: 1558, tr. 30a-36a) làm điển hình đề xuất ra thuyết tứ duyên, lục nhân, ngũ quả; còn Đại thừa thì lấy Duy thức tông của Thành Duy Thức luận 8 (Đ. 31, No: 1586, tr. 41b) làm đại biểu, dùng tứ duyên, thập nhân, ngũ quả làm nội dung chủ yếu để luận về nhân quả.

- Về Tứ duyên, tức chỉ cho Nhân duyên (Skt. *hetu-pratyaya*), Đẳng vô gián duyên (Skt. *samanantara-pratyaya*), Sở duyên duyên (Skt. *ālambana-pratyaya*), Tăng thượng duyên (Skt. *adhipati-pratyaya*) thì Đại thừa và Tiểu thừa đều nói về chúng tuy có khác nhau; nhưng về lục nhân tức là Năng tác nhân, cấu hữu nhân, đồng loại nhân, tương ứng nhân, biến hành nhân, dị thực nhân, mà chủ yếu là Phát Trí luận 1, 15, Đại Tỳ Bà Sa luận 10, 11, 16 cùng Câu Xá luận 6 của các bộ luận Tiểu thừa chủ trương. Theo các nhà Tiểu thừa thì Năng tác nhân gồm thân cả Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên, Tăng thượng duyên trong tứ duyên, còn Nhân duyên thì đem khai diễn xếp vào hạng đầu của ngũ nhân. Nếu đem ba học thuyết Tứ duyên, lục nhân, ngũ quả mà nói thì, đó chính là tư tưởng luận hoàn chỉnh về nhân quả của Phật giáo.

## A – NHÂN QUẢ THEO TIỂU THỪA

### I - Theo chủ trương Tứ duyên thì gồm:

1/ Nhân duyên: tức là nguyên nhân nội tại trực tiếp sản sinh từ quả có được, như từ hạt giống sinh ra mầm, và như vậy hạt giống chính là nhân duyên của mầm. Từ “Nhân duyên” này, thì nhân cũng được hiểu như là duyên. Ở trong Nhân duyên luận của Phật giáo, thông thường điều kiện chủ yếu dẫn sanh đến kết quả chính là nhân, còn điều kiện thứ yếu chính là duyên. Duyên này là điều kiện để cho các pháp sinh và tồn tại. Nhận thức nguyên nhân là một trong bốn điều kiện. Có hai từ chỉ cho nhân: *karana*: nhân là cái tác thành, tạo tác nên quả. *Hetu*: là hạt giống cho sản sinh ra quả. Ở đây, từ nhân là một cương tử, nó cũng chỉ là một trong nhiều điều kiện, cho nên gọi là “nhân duyên”, chứ chẳng phải là cái nghĩa tầm thường của “nhân cùng duyên”. Hơn nữa, duyên này có khả năng thích nghi ứng dụng cho tất cả mọi hiện tượng đối với tinh thần lẫn vật chất.

2/ Đẳng vô gián duyên, còn gọi là Thứ đệ duyên: Tương tục trong tâm, tâm sở, do một sát-na trước mở lối dẫn đường làm nguyên nhân sinh khởi cho một sát-na sau. Nghĩa là một sát-na trước quả khứ của tâm, tâm sở diệt đi, lại giúp cho lực dụng sinh khởi một sát-na sau ở trong hiện tại.

- Chữ ‘Đẳng’ ở đây có nghĩa là ý nghĩ (*niệm*) trước đã diệt đi, ý nghĩ sau sinh tiếp, thể dụng của hai ý nghĩ này đồng đẳng (*bằng nhau*). Ngược lại, nếu một sát-na trước thuộc nhóm tâm thiện, một sát-na sau thuộc nhóm tâm ác, thì tướng của sát-na trước và sau khác nhau không phải đồng đẳng.

- Chữ ‘vô gián’ có nghĩa là thời gian của hai ý nghĩ trước sau từng sinh diệt, sát-na không dừng, nên không có gián cách. Đối với các hiện tượng tinh thần duyên này ít thích nghi, vì nhận thức hoạt động có được phải nhờ có điều kiện để phát sinh.

3/ Sở duyên duyên: gọi tắt là duyên duyên, là chỉ cho tất cả mọi đối tượng để cho tâm, tâm sở chỗ duyên vào, đó chính là tất cả mọi sự vật ngoại tại làm duyên trực tiếp hay gián tiếp sản sinh ra nội tâm sở. Như sự nhận thức của mắt (*nhãn thức*) phải dùng tất cả mọi cảnh sắc làm Sở duyên duyên, sự nhận thức của tai (*nhĩ thức*) phải dùng mọi thứ âm thanh để làm sở duyên duyên, cho đến sự nhận thức của ý,



## Nỗi Lòng Xa Quê

thơ

*Xa quê mây độ nhớ vui đây,  
Đất khách quê người mây vẫn bay,  
Trọn kiếp lưu đây, ôi buồn thảm,  
Nửa đời xa xứ, chỉ thờ dài.*

*Tóc xanh thuở nọ nhiều sợi bạc,  
Tâm áo bây giờ lắm chỗ phai.  
Thương nhớ đây vui về “Cố Quốc”,  
Đêm ngày trông ngóng, lệ bi ai.*

*Bi ai, sầu thảm nhớ thương quê,  
Thương mái chùa xưa, lúc chiều về,  
Từng cụm mây trôi lòng xao xuyến,  
Bao làn gió thổi dạ tái tê.*

*Mẹ Cha hầu Phật không trực diện,  
Thầy bạn quy tiên chẳng cận kề.  
Biết đến bao giờ về thăm lại?  
Để lòng mơ ước đượm tình quê.*

*Tình quê xa cách mấy chục xuân,  
Ngóanh lại trời cho ngoại thất tuần,  
Mây độ mai chào lòng man mác,  
Bao làn pháo nổ dạ băng khuâng.*

*Tình tới tình lui không ra kể,  
Suy đi nghĩ lại chẳng nên thân.  
Thôi thế thời thôi là duyên phận,  
Xin đừng suy nghĩ chuyện xa gần.*

Quý Ty Quý đông - Dec. 10, 2013

## ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA

phải dùng tất cả các pháp trong quá khứ, hiện tại, vị lai làm sở duyên duyên.

4/ Tăng thượng duyên: Ngoài ba duyên đã kể trên ra, còn tất cả mọi trợ duyên khác dù là vô ngại mà đã là điều kiện nguyên nhân phát sinh ra mọi hiện tượng đều thuộc vào Tăng thượng duyên.

- Phật giáo đem tất cả vạn pháp phân làm năm vi: Tâm pháp, tâm sở pháp, tâm bất tương ưng hành pháp, sắc pháp, và vô vi pháp. Nếu đem sự sinh khởi của năm vi cùng với sự quan hệ của tứ duyên mà nói thì, sự sinh khởi hiện tượng tinh thần của tâm pháp cùng tâm sở hữu pháp cần phải đầy đủ toàn bộ tứ duyên; nhưng trong tâm bất tương ưng hành pháp sự sinh khởi của vô tướng định cùng diệt tận định ít cần nhân duyên, chẳng vô gián duyên, tăng thượng duyên. Còn sở duyên duyên thì không cần thiết, vì nhân này đối với hai định vô tướng cùng diệt tận, thuộc về vô tâm định; hơn nữa, đã không có tác dụng của tâm thức nên không cần sở duyên duyên. Vì sở duyên duyên cần dùng tâm thức làm điều kiện tương ưng tác dụng sinh khởi, cho nên sự sinh khởi của hai định này không cần sở duyên duyên. Sự sinh khởi của tâm bất tương ưng hành pháp, mười hai pháp khác kia cùng sắc pháp đều ít cần đến nhân duyên cùng tăng thượng duyên. Nhân này, sắc pháp cùng mười hai loại khác kia, tâm bất tương ưng hành pháp đã không có tâm thức tác dụng, cho nên không có sở duyên duyên, hai tướng sinh khởi trước sau của chúng cũng chẳng phải đồng đẳng, hơn nữa không có sự tương tục thứ tự cố định nào, cho nên không đồng không duyên gián đoạn (*vô đẳng vô gián duyên*). Vô vi pháp, là chỉ cho thể tánh chân thật các pháp không có sinh diệt biến hóa, tự nhiên không có điều kiện nguyên nhân sinh khởi để nói, cho nên nó ở ngoài phạm vi của tứ duyên này.

- Nếu căn cứ vào thời gian không gian mà nói thì, Đẳng vô gián duyên thuộc nhân tố thời gian, sở duyên duyên thuộc nhân tố không gian, còn nhân duyên, tăng thượng duyên thì dành cho cả hai thời-không.

- Theo các nhà Tiểu thừa ngoài tứ duyên ra, họ còn lập ra thuyết lục nhân, và sự quan hệ giữa tứ duyên và lục nhân ở đời sau cũng có sự sai khác.

## II – Theo chủ trương của lục nhân thì:

Các nhà Tiểu thừa đã đem nhân của tất cả các pháp phân ra làm sáu loại như sau:

1/ Năng tác nhân (*kāraṇa-hetu*): Vật nào khi sinh ra, phạm tất cả sự vật không phải là đối tượng phát sinh ra tác dụng trở ngại, thì sự vật ấy là năng tác nhân, phạm vi của nó rất rộng. Gồm có hai loại:

a/ Hữu lực năng tác nhân (*cho sức, tăng sức*): như nhẩn cần sinh ra nhẩn thức, đất cát sinh ra thảo mộc, song đối với pháp hữu vi, ít giới hạn.

b/ Vô lực năng tác nhân (*không trở ngại*): như hư không đối với vạn vật, dành chung cho tất cả pháp vô vi.

Quả có được của nhân này là quả tăng thượng.

2/ Cầu hữu nhân (*sahabhū-hetu*): là nhân cầu hữu với quả. Gồm có hai loại:

a/ Nhân cầu hữu hỗ tương với quả.

b/ Nhân cầu hữu đồng nhất với quả.

Quả có được của nhân này là quả sĩ dụng.

3/ Đồng loại nhân (*sabhāga-hetu*): là tất cả các pháp hữu vi thuộc phạm vi quá khứ hiện tại mà pháp nào cùng loại hay tương trợ thì đều là nhân, cho nên gọi là đồng loại nhân. Như pháp thiện làm nhân cho pháp thiện, cho đến pháp vô ký làm nhân cho pháp vô ký. Pháp đồng loại này căn cứ vào tánh thiện ác mà lập. Quả có được của nhân này là quả

đăng lưu.

4/ Tương ứng nhân (*samprayukta-hetu*): Lúc nhận thức mới phát sinh, tâm cùng tâm sở đồng thời phát khởi tương ứng, hỗ tương nương vào nhau mà tồn tại. Cho nên gọi là tương ứng nhân. Quả có được của nhân này là quả sĩ dụng.

5/ Biến hành nhân (*sarvatraga-hetu*): Chỉ cho phiền não có khả năng biến đi khắp đối với tất cả các pháp nhiễm ô mà nói. Cùng với đồng loại nhân ở trên là pháp nhân quả dị thời trước sau, song vì đồng loại nhân thông đối với tất cả các pháp, trong khi biến hành nhân thì do mười một biến hành trong tâm sở biến sinh khắp tất cả các hoặc, cho nên gọi là biến hành nhân. Mười một biến hành nghịch lại đối với lý của tứ đế, trong bảy loại phiền não thuộc khổ đế như thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ kiến, giới cấm thủ kiến, nghi và vô minh, cùng bốn loại phiền não của tập đế như tà kiến, kiến thủ kiến, nghi, vô minh, mười một loại phiền não này tức là nhân sinh khởi ra tất cả các loại phiền não. Quả có được của nhân này gọi là đẳng loại quả.

6/ Dị thực nhân (*vipāka-hetu*): Chỉ cho nhân nghiệp thiện ác của quả báo khổ vui trong ba đời. Như ác pháp ngũ nghịch cảm báo địa ngục, thiện hữu lậu của thập thiện chiêu quả cảm lên trời. Quả địa ngục cùng lên trời kia đều chẳng phải thiện, chẳng phải ác, mà lại lệ thuộc vào tánh vô ký. Ở đây, vì nhân thiện nhân ác đều cảm quả vô ký nhân quả dị loại mà thuần thực, cho nên nhân này gọi là nhân dị thực. Quả có được của nhân này gọi là quả dị thực theo Câu Xá luận.

- Như Câu Xá luận bảo số 7 thì, sự nhiếp thâu giữa tứ duyên và lục nhân giống như trên đã nói là Năng tác nhân bao gồm cả ba duyên: đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên, cầu hữu nhân cùng năm nhân khác kia thâu nhiếp chung cả nhân duyên. Theo Câu xá luận Quang ký 7 thì, tứ duyên bao quát cả phạm vi rộng rãi, còn lục nhân thuộc phạm vi hẹp, cho nên tứ duyên bao hàm cả lục nhân, ngược lại lục nhân không thể hàm nhiếp tứ duyên được. Có nghĩa là cầu hữu nhân cùng ngũ nhân và nhân duyên chắc chắn có thể hỗ tương thông nhiếp lẫn nhau; song năng tác nhân tuy thông với tăng thượng duyên, nhưng chưa có thể hàm nhiếp hai duyên đẳng vô gián và sở duyên.

Trên đây là quan điểm của các nhà Tiểu thừa chủ trương về tứ duyên và lục nhân.

- Theo thuyết của các nhà Đại thừa thì chủ



trương tứ duyên và thập nhân, chứ không phải là lục nhân như các nhà Tiểu thừa. Dưới đây là sự hình thành của tứ duyên và thập nhân, theo cái nhìn của các nhà Đại thừa:

## B – NHÂN QUẢ THEO CÁC NHÀ ĐẠI THỪA

### I – Theo chủ trương của tứ duyên thì gồm có:

1/ Nhân duyên: trong các pháp hữu vi có khả năng tự thân sinh ra từ quả. Như giống lúa mạch sinh ra lúa mạch, giống lúa dẻ sinh ra lúa dẻ. Thể tánh của nhân duyên này có hai:

a - Chủng tử (*hạt giống*), chỉ cho tất cả các pháp thiện, ác, vô ký hàm tàng trong thức thứ tám A-lại-da chủng tử này đối với dị thời (*một lúc nào đó*) có thể dẫn sinh chủng tử tự loại (*chủng tử sinh chủng tử*), đối với đồng thời (*cùng lúc*) có khả năng sinh khởi hiện hành tự loại (*chủng tử sinh hiện hành*).

b - Hiện hành, chỉ cho hiện hành của bảy chuyển thức mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, mạng-na có khả năng huân tập thành chủng tử tự loại trong bản thức (*đề bất thức*) (*hiện hành huân chủng tử*).

2/ Dẫn vô gián duyên: là quan hệ sinh khởi của tâm, tâm sở do ý nghĩ trước dẫn sinh ý nghĩ sau, từng ý nghĩ, ý nghĩ tương tục không có gián đoạn. Chủ trương này cùng với Tiểu thừa trên đại thể là tương đồng, duy chỉ có thể của bất thức là mỗi tự thể có sự sai khác, cho nên mỗi tự thể sản sinh ra quan hệ tương tục trước sau không gián đoạn; Tiểu thừa chấp nhận sự gián đoạn của dị thức cũng có thể hỗ tương hình thành cùng đồng sự quan hệ liên tục của vô gián đoạn.

3/ Sở duyên duyên: phạm đối tượng của tâm, tâm sở thành tựu thì đó là nguyên nhân, mà khiến cho tâm, tâm sở lúc sản sinh ra kết quả, thì đối tượng của tâm, tâm sở gọi là sở duyên duyên. Theo các nhà Duy thức tông đặc biệt phân ra làm hai loại thân sở duyên duyên và, sở duyên duyên. Như trong Thành Duy thức luận 7 (*Đ. 31, tr. 40c*) đã thuyết: “Nếu cùng với thể năng duyên không lìa nhau thì, những gì lo mượn (*sở lự thác*) trong kiến phần..., nên biết đó là thân sở duyên duyên; nếu cùng với thể năng duyên lìa nhau thì, những gì lo mượn trong chất năng khởi, nên biết đó là sở duyên duyên.” Ở đây, chính là cái nghĩa thâm sâu mà các nhà Tiểu thừa chưa bàn tới.

4/ Tăng thượng duyên: Cũng như những gì các nhà Tiểu thừa đã chủ trương, ngoài điều kiện nguyên nhân sinh khởi tất cả các pháp như ba duyên đã ghi trên, duyên này phạm vi thật là rộng rãi, như lục nhân của các nhà Tiểu thừa đã nói, tất cả đều được thu nhiếp vào trong này.

- Theo các nhà Đại thừa, nhất là các nhà Duy thức thì, tứ duyên y cứ vào mười nhân làm chỗ nương tựa (*sở y xứ*) mà thuyết minh về mọi hiện tượng từ tinh thần đến vật chất đều phát sinh ra từ mười chủng loại nguyên nhân này mà có được sự hiện hữu:

### II – Theo chủ trương của thập nhân thì gồm có:

1. Tùy thuyết nhân: là y cứ vào xứ là ngôn ngữ mà lập, tức là tùy theo sự thấy nghe hiểu biết về đối tượng vào lúc bấy giờ mà nói về nghĩa của chúng, thì ngôn ngữ của người nói (*năng thuyết*) làm nhân cho những điều nói ra (*sở thuyết*).

2. Quán đái nhân: y cứ vào xứ là lãnh thọ mà lập, tức là cần xem xét sự sinh khởi hình thành có



được của mọi sự, và nhờ kết quả của chúng (*sở đãi*) làm nhân cho năng đãi: ví như dùng tay là nhân nên có sự tác động của việc cầm nắm.

3. Khiên dẫn nhân: y cứ vào xứ là tập khí mà lập, tức là những chủng tử chưa thuần đượm (*vị nhuận: chưa thấm ướt đủ để nạy mầm*) chín muồi cần phải có thời gian lâu dài dẫn đến kết quả của chính nó.

4. Sinh khởi nhân: y cứ vào xứ là chủng tử hữu lậu chín mùi mà lập, tức là những chủng tử đã đượm chín, sẽ sinh khởi kết quả của chính nó tức thì.

5. Nhiếp thụ nhân: y cứ vào các y xứ: vô gián diệt, cảnh giới, (*bảy*) căn, tác dụng (*thức thứ tám*), sĩ dụng, chân thật (*chân thật kiến y xứ: y xứ là kiến chân thật*) đầy đủ cả sáu y xứ mà lập. Ngoài chủng tử ra, các duyên nhiếp thọ nhau mà sinh khởi quả.

6/ Dẫn phát nhân: y vào xứ là tùy thuận mà lập. Các loại thiện, ác, vô ký hiện ra các pháp có khả năng dẫn khởi thẳng hạnh đồng loại cùng, nhân pháp vô vi.

7/ Định biệt nhân: còn gọi là định dị nhân, y vào là công năng sai biệt mà lập. Tất cả các pháp hữu vi tự chúng dẫn đến chủng đặc từ quả mà không bị tạp loạn.

8/ Đồng sự nhân: y vào xứ là hòa hợp mà lập. Do bảy nhân trên cùng quả hòa hợp làm một.

9/ Tương vi nhân: y vào xứ là chướng ngại mà lập. Vì trái duyên là tánh, nên đối với mọi việc sinh, trụ, thành, đặc của các pháp có sự chướng ngại.

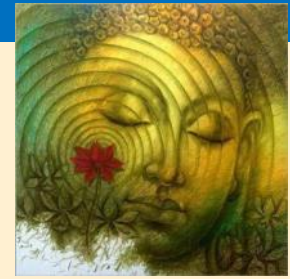
10/ Bất tương vi nhân: y vào xứ là không chướng ngại mà lập. Đối với sinh... của các pháp không chướng ngại.

- Mười nhân này lấy hạt giống (*chủng tử*) thành thực của lúa làm thí dụ mà thuyết minh đối với mọi hiện tượng sinh khởi của chủng tử A-lại-da thức cùng, tính quyết định tác dụng mọi hoạt động của con người, ảnh hưởng đến tính tất nhiên của nghiệp báo luân hồi.

(Xem tiếp trang 61)

# TỪ DUYÊN KIỀU ĐẾN DUYÊN PHẬT

Huỳnh Kim Quang



Nguyễn Du không những là một thi hào lớn của Việt Nam mà còn là nhà Phật học uyên bác. Ông từng viết trong bài thơ "Chiêu Minh Thái Tử Phân Kinh Thạch Đài" lúc đi sứ sang Tàu vào triều Nguyễn, đầu thế kỷ 19 rằng, "*Ngã đọc Kim Cương thiên biến linh,*" (Tôi đọc Kinh Kim Cương cả ngàn lần). Tất nhiên, không phải vì một câu thơ đó mà vội cho rằng Nguyễn Du là người thâm hiểu Phật Pháp. Trong hàng ngàn áng thơ văn bằng chữ Nôm và chữ Hán của ông bằng bạc tinh hoa Phật Pháp, đặc biệt nhất là trong Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh và Truyện Kiều. Riêng trong Truyện Kiều chuyên chở nhiều giáo nghĩa thâm sâu của Phật Pháp mà nổi bật nhất là tư tưởng "duyên," hay "duyên sinh," "duyên khởi." Thật vậy, Truyện Kiều với 3254 câu thơ lục bát, đã có tới 47 chữ "duyên," được mô tả trong nhiều trạng huống đa dạng, từ mối tương quan, tương duyên trong tình cảm cá nhân, đến gia đình, bằng hữu, con người, xã hội, nhiên tính, thời tính, lý tính và đạo lý.

Mở đầu là cơ duyên Kiều thăm mộ Đạm Tiên trong Tiết Thanh Minh, để rồi nàng cảm thương thân phận bẽ bàng của người xưa và mừng tượng biệt đầu chẳng là thân phận mai sau và chính nàng.

*Khóc than khôn xiết sự tình,  
Khéo vô duyên ấy là mình với ta.  
Đã không duyên trước chẳng mà,  
Thì chi chút ước gọi là duyên sau."*

Rồi đến duyên Kiều gặp Kim Trọng trong ngày đi tảo mộ Thanh Minh, khiến nàng khi hồi tưởng lại gây phút sơ ngộ ấy cũng phải xao xuyến cõi lòng và băn khoăn tự vấn.

*"Người đâu gặp gỡ làm chi,  
Trăm năm biết có duyên gì hay không?"*

Sau đó là nhiều duyên nghiệp bất hạnh chập chùng xảy ra, với chuyện gia đình gặp nạn đưa đẩy Kiều vào thế cùng phải bán mình để trả hiếu cho cha. Từ đó mở ra quãng đời mười lăm năm đoạn trường trong chốn lầu xanh hay nơi trường đời gian nguy hiểm ác.

*"Làm cho sống đọa thác đây,  
Đoạn trường cho hết kiếp này mới thôi!"*

Sự bi thống khốc liệt đến nỗi cuối cùng nàng phải liều mình dưới sông Tiền Đường để mong rửa sạch oan khiên. May nhờ duyên được vãi Giác Duyên cứu và giải nghiệp cho nàng.

*Sự rằng: Song chẳng hề chi,  
Nghiệp duyên cần lại nhắc đi còn nhiều.  
Xét trong tội nghiệp Thúy Kiều,  
Mặc điều tình ái khỏi điều tà dâm,  
Lấy tình thâm trả nghĩa thâm,  
Bán mình đã động hiếu tâm đến trời!  
Hại một người cứu muôn người,  
Biết đường khinh trọng biết lời phải chẳng.  
Thừa công đức ấy ai bằng?  
Túc khiên đã rửa lằng lằng sạch rồi!  
Khi nên trời cũng chiều người,  
Nhẹ nhàng nợ trước đền bồi duyên sau."*

Nhờ đạo lý "duyên" hay "duyên khởi" của nhà Phật mà thi hào Nguyễn Du đã xây dựng một kết cục có hậu cho Truyện Kiều với phần xuất hiện của nhân vật bà vãi Giác Duyên để giải nghiệp cho Kiều.

Nhưng duyên hay duyên khởi là gì?

Duyên là chữ Hán Việt, dùng để dịch nghĩa chữ Phạn (Sanskrit) *pratitya* hay chữ Pali *paticca*, có nghĩa là gặp nhau, tùy thuộc vào nhau, nương nhau, gắn bó nhau.

Duyên khởi cũng là chữ Hán Việt, dùng để dịch nghĩa chữ Phạn *pratityasamutpada*, hay chữ Pali *paticcasamuppada*. Trong chữ *pratityasamutpada* có hai chữ: *pratiya* (duyên), có nghĩa là gặp nhau, tùy thuộc vào nhau, dựa vào nhau; và chữ *samutpada* (khởi), có nghĩa là đứng dậy, đứng lên, khởi lên, sinh ra, có mặt. Gồm chung hai chữ duyên khởi thì có nghĩa là nương nhau, tùy thuộc vào nhau, dựa vào nhau mà đứng dậy, mà sinh ra, mà có mặt, hiện hữu. Duyên cũng được hiểu như là điều kiện tất có để hình thành một sự vật, một sự kiện gì đó cho nên, khi dịch chữ duyên, hay duyên khởi sang tiếng Anh, người ta dùng chữ dependent origination, dependent arising, hay conditioned arising.

Nguyên tắc để hiểu rõ về duyên khởi đã được đức Phật dạy trong Kinh A Hàm rằng, "*Cái này có cho nên, cái kia có. Cái này không, cho nên, cái kia không. Cái này sinh cho nên, cái kia sinh. Cái này diệt cho nên, cái kia diệt."*

Theo duyên khởi, trên thế gian này, không có một vật, một sự kiện gì, từ vật chất đến tinh thần, sinh ra, tồn tại và diệt đi mà không có mối tương quan, tương duyên, hay gặp nhau, tùy thuộc vào nhau của nhiều điều kiện, nhiều yếu tố, nhiều duyên. Điều đó cũng có nghĩa là không một vật gì, một sự kiện gì sinh ra và tồn tại độc lập duy nhất một mình nó.

Chẳng hạn, lấy chuyện Kiều gặp Kim Trọng lần đầu làm thí dụ để minh giải về chữ duyên nhà Phật. Trước hết, điều kiện tối thiểu là phải có hai người, Kiều và Kim Trọng, thì cuộc gặp gỡ mới xảy ra được. Hai người, Kiều và Kim Trọng, chính là hai yếu tố, hai cái duyên, hai điều kiện để hình thành nên cuộc gặp gỡ đầu tiên giữa Kiều và Kim Trọng. Còn nữa, trong trường hợp này, còn mấy duyên khác nữa, như nhờ Kiều đi tảo mộ vào dịp Thanh Minh, và nhờ Kiều nấn ná ở lại nơi mộ Đạm Tiên nên mới kịp lúc Kim Trọng đi qua đó. Không có những duyên, yếu tố, điều kiện này thì không có cuộc gặp gỡ giữa Kiều và Kim Trọng. Đó là chỉ mới nêu ra một vài duyên để làm thí dụ điển hình cho dễ hiểu.

Trong những duyên, điều kiện để có sự gặp gỡ giữa Kiều và Kim Trọng, không một duyên nào quan trọng hơn duyên nào cả. Tất cả đều đóng vai trò ngang nhau. Tất cả đều tùy thuộc, đều dựa vào nhau mà có sự kiện gặp gỡ đó. Sẽ không có cuộc gặp gỡ này nếu Kiều không đi tảo mộ, và nếu Kim Trọng không đến đó, hoặc là nếu Kiều bỏ đi ngay sau khi thăm mộ Đạm Tiên thì cho dù Kim Trọng có đến cũng

chẳng gặp. Từ thực tế này cho thấy rằng mọi duyên hình thành một pháp đều quan trọng như nhau, không có duyên nào chính và duyên nào phụ, cho nên, trong duyên khởi không có nhân chính, không có chủ thể tối cao, không có chủ thể sáng tạo tuyệt đối.

Nhưng, chữ duyên có phải chỉ giới hạn tới đó? Hay một cách trực tiếp hơn, có phải trong cuộc gặp gỡ giữa Kiều và Kim Trọng chỉ có chừng ấy duyên?

Câu hỏi trên dẫn chúng ta bước sâu hơn vào thế giới thâm thâm vi diệu của duyên khởi, đó là pháp giới trùng trùng duyên khởi.

Trong cuộc gặp lần đầu giữa Kiều và Kim Trọng thì cả hai đều là duyên, điều kiện hình thành sự gặp mặt. Nhưng, sự có mặt của Kiều và Kim Trọng trên thế gian này tất nhiên cũng phải cần có nhiều duyên khác nữa, như duyên ông, bà, cha, mẹ, duyên gia đình, xã hội, duyên quốc gia dân tộc, v.v... Rồi trong mỗi duyên hình thành sự có mặt của Kiều và Kim Trọng cũng hàm ngụ nhiều duyên cho sự có mặt của chính chúng nữa. Ngay cả sự hiện hữu của một cái bàn, cái ghế, một cây kim, ngọn cỏ, hay một hạt bụi nhỏ như vi trần cũng đều do nhiều duyên, nhiều điều kiện hợp lại mà thành. Cứ thế, từ duyên này tương quan, tương duyên với duyên kia, từ duyên cả nhân, duyên gia đình, đến duyên quốc gia, xã hội, và rộng ra nữa là pháp giới vũ trụ. Nếu có thể nối kết tất cả duyên đó lại với nhau chúng ta có một màng lưới chằng chịt bao la vô tận, bao trùm khắp ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai, cũng như phổ biến khắp cõi không gian vô biên. Đó chính là ý nghĩa của pháp giới trùng trùng duyên khởi.

Như thế, xét cho cùng, tự thân của tất cả mọi sự vật, mọi sự kiện đều chỉ là sự tụ hợp nhất thời của các duyên, các yếu tố mà chính nó thì chẳng là gì cả. Nó chỉ là cái tên gọi để phân biệt giữa sự tập hợp này với sự tập hợp khác. Nó là giả danh, không thật. Do đó, nó hoàn toàn không có chủ thể tự tồn, không có thực thể, không có tự tính. Các pháp là không (nhất thiết pháp không). Ngược lại, chính các pháp không có tự tính cố định cho nên, chúng mới đến với nhau, gặp nhau, hòa hợp vào nhau để thành một pháp khác. Nếu duyên hay pháp là định tánh, không thể thay đổi thì chúng không thể kết hợp lại nhau để hình thành pháp khác, duyên khác. Chính điều này, mà Bồ Tát Long Thọ viết trong *Trung Luận* (Mūlamadhyamakakārikā) rằng, "Do không có tự tánh mà các pháp được hình thành," (Dĩ hữu không nghĩa cố nhất thiết pháp đắc thành).

Mỗi chữ duyên mà thi hào Nguyễn Du dùng trong *Truyện Kiều* có thể mang ý nghĩa khác nhau tùy theo ngữ cảnh của chúng. Chúng có thể là chữ duyên trong tương quan, tương duyên gắn bó của tình yêu, hay mối tương quan, tương duyên giữa con người với con người, giữa con người với xã hội và thế giới, v.v... Nhưng tất cả đều nằm trong ý nghĩa tổng thể của chữ duyên nhà Phật. Từ đó, cho thấy rằng 47 chữ duyên, đứng một mình hay đi chung với chữ khác, mà thi hào Nguyễn Du dùng trong *Truyện Kiều* đều nằm trong ý nghĩa chữ duyên, hay duyên khởi của nhà Phật; trong đó có thể nêu ra một số trường hợp, nào là, "duyên trời", "duyên kỳ ngộ", "trần duyên", "nhân duyên", "khuôn duyên", "dây duyên", "duyên đôi lứa", "duyên bạn bầy," "duyên nợ", "tơ duyên", "vô duyên", "cơ duyên", "duyên xưa", v.v...

Do duyên hợp mà các sự vật và sự kiện trên thế gian này được hiện hữu. Do duyên ly tán mà các pháp hoại diệt. Tất cả mọi sự vật trên đời này vốn không thật. Giác ngộ được lý duyên sinh này thì vào được Phật Pháp, chuyển hóa được nghiệp lực, và giải

thoát khổ đau. Giống như trường hợp ngài Xá Lợi Phất (Sariputra), vị đệ tử trí tuệ bậc nhất của đức Phật, nhờ nghe bài kệ nhân duyên của Tỳ Kheo Mã Thắng mà được giác ngộ được chân lý cứu cánh. Bài kệ rằng, "Chữ pháp từng duyên sinh, diệt phục từng duyên diệt, ngã Phật đại sa môn, thường tác như thị thuyết," (Các pháp sinh từ duyên, cũng từ duyên mà diệt, thầy tôi là Phật, thường dạy như thế).

Đó chính là lý do tại sao người cứu và giải nghiệp cho Kiều là một vị ni cô có pháp hiệu Giác Duyên. Giác Duyên tức là duyên giác ngộ, hay giác ngộ lý duyên sinh. Điều này có nghĩa là chỉ khi nào giác ngộ được lý duyên sinh của vạn sự vạn vật trên thế gian này thì mới có thể giải thoát được sự trói buộc của nghiệp lực từ muôn kiếp.

*"Sư rằng: Nhân quả với nàng,  
Lâm Truy buổi trước Tiên Đường buổi sau.  
Khi nàng gieo ngọc trầm châu,  
Đón nhau tôi đã gặp nhau rước về,  
Cùng nhau nương cửa bồ đề,  
Thảo am đó cũng gần kề chẳng xa."*

Nương cửa bồ đề là nương tựa vào sự giác ngộ, là bước vào cửa giải thoát. Cần nói thêm rằng, kiếp đoạn trường của Kiều là kiếp nạn của ái nghiệp, ái duyên, là một trong mười hai vòng mắc xích trói buộc chúng sinh trong cõi luân hồi sinh tử mà nhà Phật gọi là Mười Hai Nhân Duyên. Ái nghiệp là duyên thứ 8 trong 12 nhân duyên này. Khi liễu ngộ được ái duyên cũng có nghĩa là mở được cánh cửa bước vào đường giải thoát.

Chữ duyên trong *Truyện Kiều* cũng đưa chúng ta đến một nhận thức quan trọng khác mà thi hào Nguyễn Du dùng để chuyển hóa thuyết định mệnh của nhà Nho và mở ra con đường sáng cho vận mệnh của Kiều.

Định mệnh của nhà Nho là quy luật siêu nhiên ngoại tại áp đặt lên thân phận con người như một thứ mệnh lệnh tối cao không thể chối bỏ, hay chuyển hóa. Với định mệnh, thân phận con người là trò chơi của con tạo, của mệnh trời.

*"Ngẫm hay muôn sự tại trời,  
Trời kia đã bắt làm người có thân.  
Bắt phong trần phải phong trần,  
Cho thanh cao mới được phần thanh cao."*

Nhưng với duyên của nhà Phật thì tất cả mọi thứ trên đời này, từ vật chất đến tinh thần, đều không tồn tại vĩnh viễn, không thường còn, mà vô thường biến dịch không ngừng, vì do duyên hợp mà sinh rồi cũng do duyên ly tán mà hoại diệt. Chính do duyên sinh mà nghiệp lực có thể được thay đổi, được chuyển hóa.

*"Túc khiên đã rửa lằng lằng sạch rồi!"*

Nhờ duyên khởi mà nguyên lý nghiệp lực mang sắc thái uyển chuyển và chủ động từ con người. Chính con người tạo nghiệp lành hay dữ để thọ quả báo vui hay khổ. Không một ai ngoài con người có thẩm quyền đối với vận mệnh của chính mình. Khi dụng tâm tốt thì hành nghiệp sẽ tốt lành, và ngược lại, chứ không do bất cứ ai khác làm thay cho con người. Cho nên Nguyễn Du kết luận *Truyện Kiều* bằng mấy câu đạo vị cao thâm:

*Đã mang lấy nghiệp vào thân,  
Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa.  
Thiện căn ở tại lòng ta,  
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài."*

# CON ĐƯỜNG DẪN ĐẾN CHÂN HẠNH PHÚC

Nguyên tác: “THE BLUEPRINT OF HAPPINESS” by **Ven. ANOMA MAHINDA**

Người dịch: **HT. Thích Trí Chơn**

(tiếp theo kỳ trước)

## KẾ HOẠCH TOÀN HẢO CỦA SỰ HẠNH PHÚC

Những đạo hữu Phật Tử thường hay yêu cầu tôi giải thích tóm lược Phật Giáo trong vài chữ. Có lẽ định nghĩa đầy đủ và ngắn gọn nhất mà tôi có thể trình bày là Phật Giáo như một sự thích nghi giúp cuộc sống của mình hòa hợp với những định luật thiên nhiên. Giáo pháp (Dhamma) có thể thực hiện điều ấy không? Nó có thể làm được.

Từ ngữ Pali “Dhamma” là một trong những lối diễn tả toàn bộ mà nó có nhiều ý nghĩa, mặc dù tất cả những nghĩa đó đều tương quan với nhau. Trong cách dùng phổ thông nhất, nó có nghĩa là Đạo Giáo, Giáo Pháp; nhưng Dhamma cũng có thể giải thích là sự Công Bằng, Chính Trực, hoặc đơn giản là Thiên Nhiên, hay Luật Tự Nhiên. Những định nghĩa này sẽ giúp chúng ta hiểu rõ quan niệm rộng rãi của danh từ Dhamma và cái điều mà nó muốn giải thích.

Nếu mỗi cá nhân và mọi người, hết lòng theo khả năng mình, thực hành Giáo pháp đó; có nghĩa là hành giả tự đặt mình sống hòa hợp với Thiên Nhiên, và những quy luật tự nhiên đã điều hành vũ trụ. Giáo pháp này cung cấp cho chúng ta một nếp sống mẫu mực mà chúng ta có thể thành thực gọi là: Một Kế Hoạch Sống Có Hạnh Phúc.

Điều quan trọng của hạnh phúc không phải là sự cố gắng quá sức. Mà hạnh phúc chỉ có thể hiện ra khi chúng ta biết sống hoà hợp với các định luật thiên nhiên, hầu giúp mang lại cho chúng ta sức khỏe, sự thành công, mãn nguyện, thanh tịnh, và tâm thần an lạc. Khi chúng ta sống bất hòa với những quy luật này, chúng ta sẽ mắc phải bệnh tật, gặp những thất bại, bất mãn, lo âu và mất quan bình. Trong sự ứng dụng thực tế vào cuộc sống hằng ngày, hòa hợp là thành quả của sự hiểu biết Phật Pháp (Dhamma); và bất hòa là kết quả do điều không thâm nhập giáo pháp của chúng ta.

Trước hết, chúng ta hãy xét đến khía cạnh tiêu cực của sự bất hòa (với luật thiên nhiên) và hậu quả do nó gây ra. Sự không hòa hợp phát sinh từ Tham, Sân và Si:

1. **Tham** là nguồn gốc của tánh ích kỷ và tính háms lợi. Ich kỷ là căn nguyên của tánh đố kỵ, ganh ghét, trong khi lòng tham là nguồn gốc của sự thèm khát, và tinh thần cạnh tranh.

2. **Sân** là nguyên do của sự oán thù và tức giận. Oán thù là động cơ của tánh tự kiêu và sự trả thù; trong khi tức giận là nguồn gốc của ác tâm và

xung đột.3. **Si** là căn nguyên của sự tham luyến và sợ hãi.

Tham Luyến là nguyên nhân của sự thèm muốn và khao khát; trong khi sợ hãi là cội nguồn của sự mê tín và thiếu khoan dung.

Trái lại, chúng ta có thể khảo sát về mặt tích cực của sự hoà hợp và cách thức qua đó nó phát sinh:

**Sự hòa hợp** sinh ra từ lòng Nhân Ái, Từ Bi và Trí Tuệ.

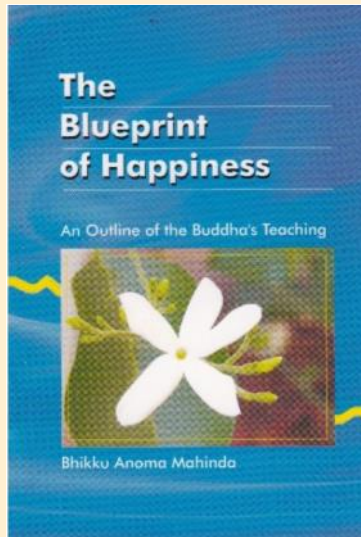
**Lòng nhân ái** là nguồn gốc của tánh không vị kỷ và đại lượng.

**Tánh không vị kỷ** là nguyên do của sự cảm mến và lợi tha, trong khi **lòng bao dung** là cội nguồn của tánh hỷ xả và từ bi.

**Hỷ xả** là nguyên nhân của lòng nhân đạo và thiện ý.

**Thiện ý** là nguồn gốc của lòng từ bi và tánh tự chủ.

**Trí tuệ** là căn nguyên của sự xả bỏ và định tĩnh. Tánh xả bỏ là nguồn gốc của sự mãn nguyện và tâm thần an lạc, trong khi định tĩnh là nguồn gốc của sự suy xét chín chắn và lòng khoan dung.



Quyền thụ hưởng hạnh phúc được chấp nhận bởi hầu hết mọi quốc gia, nhưng rất tiếc là sự giải thích làm cách nào để đạt đến hạnh phúc đã tạo nên những kết quả mâu thuẫn. Nhận thức sai lầm thông thường cho rằng, khi một cá nhân có tất cả những tài sản họ tích trữ, kẻ ấy cũng sẽ có được hạnh phúc hoàn toàn. Thực tế chúng ta thấy không bao giờ có người đạt tới tình trạng biết đủ; và người ta càng có được nhiều, họ lại càng ham muốn nhiều. Như ông thầy phù thủy mới tập sự, gọi hồn các ma quỷ lên mà y không thể nào kiểm soát.

Nền khoa học và sự phát minh đã trở nên vô giá trị trong việc cạnh tranh điên cuồng để sản xuất ngày càng nhiều những của cải cho đến khi những tài sản cá nhân này bắt đầu tạo khó khăn đến cuộc sống, và trở thành vũ khí gây thất bại cho chúng ta. Khoa học, trong nhiều phương diện, có khả năng giúp cho đời sống dễ dàng nhưng nó không thể nào tạo cho chúng ta có được hạnh phúc hơn.

Những người thông thái nhất ở Tây Phương đang đi tìm con đường mới và đang quay về với Đông Phương để khám phá ra hạnh phúc. Tuy nhiên, (áp dụng) trí tuệ ngàn xưa của đức Giác Ngộ, sẽ tự chứng tỏ đó là giải pháp duy nhất cuối cùng để diệt trừ những điều ác của nhân loại. Con đường mà người trí thức sẽ đi theo là cái đạo trình bày rõ ràng triết lý của nó, và khi thực hành sẽ mang lại những kết quả tốt đẹp.

## THE PERFECT BLUEPRINT OF HAPPINESS

It is a frequent request of Buddhist friends for a summary of Buddhism in a few words. Perhaps the best and shortest definition I can give is that Buddhism is the adaptation of one's life to harmonize with natural laws. Can the Dhamma do this? It both can and does.

The Pali word Dhamma is one of those all-embracing expressions which mean several things, though all of them are related. In its most common use it means Doctrine, Teaching Law, but it also can mean, Justice, Righteousness or simply Nature or Natural Law. These definitions will help us to understand the wide conception of the word and what it stands for.

If each and everyone practises this Dhamma, to the best of his ability, it means he is putting himself in harmony with Nature and the natural laws which govern the universe. This Dhamma provides us with a pattern for living which we can truly call, A Blueprint Of Happiness.

The importance of happiness cannot be overstressed. It can only come about when we live in harmony with the natural laws which bring us health, success, contentment, tranquility and peace of mind. When we live in discord with these laws we experience sickness, failure, discontent, worry and unbalance. In its practical application to our daily life, harmony is the fruit of understanding the Dhamma, while discord is the fruit of our ignorance of it.

First let us examine the negative aspect of discord and the manner in which it arises. Discord arises through Greed, Ill-Will and Delusion:

1. **Greed** is the cause of selfishness and avarice. Selfishness is the cause of envy and jealousy, while avarice is the cause of covetousness and the competitive spirit.

2. **Ill-will** is the cause of resentment and anger. Resentment is the cause of pride and revenge, while anger is the cause of malice and strife.

3. **Delusion** is the cause of attachment and fear.

Attachment is the cause of craving and lust, while fear is the cause of superstition and intolerance.

On the other hand, we can examine the positive aspect of harmony and the manner in which it arises.

**Harmony** arises through Charity, Love và Wisdom.

**Charity** is the cause of unselfishness and generosity.

**Unselfishness** is the cause of sympathy and altruism, while generosity is the cause of equanimity and love.

**Equanimity** is the cause of humanity and goodwill.

**Goodwill** is the cause of compassion and self control.

**Wisdom** is the cause of renunciation and serenity. **Renunciation** is the cause of contentment and mental tranquility, while **serenity** is the cause of sound judgment and tolerance.

The right to be happy is accepted by nearly every nation, but unfortunately, the interpretation of how this happiness is acquired, is producing conflicting results. There is a popular delusion that, when an individual has piled up all the possessions he can,



thơ

### XUÂN LY HƯƠNG

*Xuân về đất khách đẹp bao la  
Toàn thể bà con người Việt ta  
Buồn tiễn Rắn đi, lời tạm biệt  
Vui chào Ngựa đến, tiếng hoan ca  
Thân mong tự tại dù sương phủ  
Tâm nguyện an nhiên mặc tuyết sa  
Cầu Phúc, Lộc và tặng tuổi Thọ  
Lại thêm an lạc khắp muôn nhà.*

### Tâm Minh NGÔ TẶNG GIAO

(Xuân Giáp Ngọ)

he will also have arrived at the state of perfect happiness. In practice we find that a state of sufficiency is never reached and the more people get, the more they want. Like the sorcerer's apprentice, they conjure up a demon which they cannot control.

Science and invention have become debased in the mad scramble to produce more and more of these possessions, till the paraphernalia which begins to clutter up our lives, becomes the weapon of our defeat. Science in many ways has the power to make life easier, but it cannot make us happier.

The wisests in the West are seeking a new path and are turning to the East to find it. The ancient wisdom of the Enlightened One, will yet prove itself to be the only lasting solution to the ills of mankind. The path which the wise will follow is one which expresses clearly its theory and gives good results when put into practice.

(to be continued...)



# XUÂN VÀ TÂM LỰC BỒ ĐỀ

*Thích Thái Hòa*

## Trời xuân cảnh Phật

Chú ngựa đang chờ nặng và khát nước, chú ta thấy trước mặt là cỏ và nước. Lợn cỏ non xanh do người phu ngựa treo lắt léo ở trước mặt chú ngựa với mục đích đánh lừa, khiến chú ngựa phi nhanh. Chú ngựa càng phi nhanh, thì lợn cỏ non xanh lại càng lắt léo chạy về phía trước. Phi càng nhanh, chú ta lại càng khát nước, chú thấy trước mặt có những sóng nước gợn lên giữa đường nhựa trưa hè, chú nỗ lực phóng hết sức, rượt chạy theo cho kịp sóng nước để uống. Càng rượt theo sóng nước, chú ngựa mệt nhoài và quy ngã giữa đường!

Cũng vậy, phần nhiều con người chạy rượt theo hạnh phúc và đã bị những ảo tưởng hạnh phúc nơi chính họ đánh lừa. Áo tưởng nơi chính họ đã tạo ra ảo giác hạnh phúc cho chính họ, khiến họ mỗi ngày đều rượt đuổi theo hạnh phúc phía trước.

Nhưng than ôi, phía trước là hố thẳm! Càng rượt về phía trước, đời sống con người càng rơi vào hố thẳm thất vọng và thương đau!

Lấp cạn hố thẳm trong đời sống con người là bỏ và buông hết thảy mọi ảo tưởng về "một cái tôi và cái của tôi". Buông bỏ mọi ảo tưởng, thì mùa xuân đích thực hiện ra. Mùa xuân đích thực luôn luôn có mặt đó cho ta, nhưng ta không thừa hưởng được hương vị của mùa xuân ấy, vì ta không biết dừng lại để cho mọi ảo tưởng lắng yên. Tâm yên Phật hiện và Phật hiện chính là mùa xuân của đất trời hiện ra. Tâm yên, thì trời xuân cảnh Phật liền hiện ra mà ta không cần phải vọng cầu hay nhọc công tìm kiếm.

## Tín kính và trung kiên

Một trong những tính tốt của ngựa là tín kính, nhanh nhẹn và trung kiên. Nhờ tính tốt này, ngựa được con người xem là vật quý và nó đã góp phần tạo nên những mùa xuân cho chính nó và cho con người. Xuân Giáp Ngọ, xuân Bính Ngọ, xuân Mậu Ngọ, xuân Canh Ngọ, xuân Nhâm Ngọ đều là những mùa xuân mang bản chất

và tính tình của ngựa.

Vì tính tình của ngựa là tín kính, nhanh nhẹn và trung kiên, nên Giáp Ngọ đã tạo ra mùa xuân "cát vàng" để vui thú điền viên; Bính Ngọ đã tạo ra mùa xuân "sông nước thiên nhiên" để một mình nhàn du thỏa thích; Mậu Ngọ đã tạo ra mùa xuân "ngọn lửa thiên thần" để tự bản thân mình trở thành lữ khách chiến chinh viễn xứ; Canh Ngọ đã tạo ra mùa xuân cho "đất trên đường" để tạo thành kẻ công hầu bá tước phương xa; Nhâm Ngọ đã tạo ra mùa xuân cho "cây dương liễu" để tạo thành kẻ vinh sang, trường thọ nhưng lận đận tình yêu giữa cõi đời.

Ngựa nhờ có những tính chất tín kính, nhanh nhẹn và trung kiên, nên ngựa phóng vào cuộc sống, có khả năng tạo thành những mùa xuân đầy sinh lực, linh hoạt và đa dạng mà không hề bị biến mất bản chất của chính nó.

Nên, không có tín kính, ta sẽ không có sinh lực của mùa xuân. Tín kính Tam bảo, ta sẽ có mùa xuân tâm linh để quay về. Tín kính Phật, ta sẽ có mùa xuân của tuệ giác, để nở sinh hoa trái tình yêu vô hạn; Tín kính Pháp, ta sẽ có mùa xuân linh hoạt và sống động để nở sinh hoa trái của tự do và giải thoát; Tín kính

Tăng, ta sẽ có mùa xuân của hòa hợp và thanh tịnh để nở sinh hoa trái đạo đức và an bình; Tín kính cha mẹ, ta sẽ có mùa xuân nhân bản để quay về làm nở sinh hoa trái đôn hậu và nhân văn; Tín kính Tổ tiên, ta sẽ có mùa xuân của huyết thống để quay về, nở sinh hoa trái đoàn tụ và tin yêu; Tín kính Hồn thiêng sông núi, ta sẽ có mùa xuân quê hương để quay về và nở sinh hoa trái huyền quang, tương thân và tương ái.

Nên, tín kính và trung kiên là chất liệu tạo nên mùa xuân cho muôn vật và con người. Trong đời sống, ta thiếu tín kính và trung kiên, mùa xuân trở thành ảo ảnh hay chỉ là những miếng cỏ non treo lắt léo trước mặt cùng với những gợn nước cho vó ngựa rượt đuổi giữa nóng bỏng trưa hè!

## Truyền trao và tiếp nhận

Xuân không tự có mà có từ mùa đông. Đông không tự có mà có từ mùa thu. Thu không tự có mà có từ mùa hạ. Hạ không tự có mà có từ mùa xuân. Bốn mùa không tự có mà có trong sự tương quan, tương sanh, nên bản tánh của mùa nào cũng rộng lặng sáng trong. Điểm sáng trong ấy, gọi là "linh quang nhất điểm", nó không phải đục, không phải trong, không phải đục, không phải ngang, không phải thẳng, không phải cong, không phải trên, không phải dưới, không phải trong, không phải ngoài, không phải pháp, không phải phi pháp, không có bất cứ một loại ngôn ngữ nhị nguyên nào có thể diễn đạt, cứ như thế mà bốn mùa truyền trao cho nhau và tiếp nhận cùng nhau và thay nhau khi ẩn, khi hiện giữa



thời gian vô cùng và không gian vô tận.

Nên, đối với truyền thống tâm linh và văn hóa Việt Nam, giờ phút giao thừa, giữa đông và xuân, giữa năm cũ và năm mới rất quan trọng và linh thiêng.

Quan trọng, vì việc làm của cái cũ không phải chỉ là hoàn tất mà còn hoàn hảo. Mùa đông đã cứu mang, ấp ủ chất xuân của mình trong lạnh lẽo băng giá, để tạo nên một mùa xuân trinh bạch thanh khiết, ấm áp, hồn nhiên và hoàn hảo cho đời.

Linh thiêng, vì cái mới đã hoàn hảo ngay trong từng giây phút ôm ấp của cái cũ. Và chính cái hoàn tất trong từng giây phút ôm ấp ấy, lại là cái hoàn hảo của cái mới tốt cùng. Mỗi khi cái cũ đã hoàn hảo, thì cái cũ không còn là cái cũ nữa, chính cái cũ là cái mới viên dung. Nên, giây phút linh thiêng là giây phút của cái cũ hoàn tất và ẩn tàng để cho một cái mới hoàn hảo tốt cùng biểu hiện.

Nên, đêm giao thừa là đêm quan trọng nhất và linh thiêng nhất của người Việt Nam có đời sống tâm linh và văn hóa đón tết, mừng xuân.

Đón tết là tiếp nhận linh khí tinh anh từ năm cũ truyền trao qua năm mới và mừng xuân là vui mừng, vì nhận được sức sống của ánh sáng màu nhiệm hay "nhất điểm linh quang" từ nơi trái tim nguyên ủy của đất trời khởi phóng và phổ truyền để dưỡng sinh muôn loại.

Sức sống hay ánh sáng màu nhiệm từ nơi trái tim nguyên ủy của trời đất ấy, gọi là pháp tánh và sức sống ấy hàm chứa nơi tâm thức của hết thảy chúng sanh, gọi là Như lai tạng tánh, Phật tánh chúng tử hay Bồ đề tâm địa.

Nên, người đệ tử Phật đón tết, mừng xuân chính là đón nhận rằng, mình vốn có Phật tánh, vốn có Như lai tạng hay Tự tánh bồ đề và nỗ lực làm cho tánh ấy sáng ra trong đời sống của mình, qua đi đứng nằm ngồi, nói năng hành động, để mùa xuân thật sự có mặt một cách đích thật trong đời sống của chúng ta và chính chúng ta là xuân.

### Thệ nguyện và lên đường

Những người con Phật, chính chúng ta là xuân mà không phải là hiện tượng của mùa xuân. Hiện tượng của mùa xuân tự nó bị giới hạn bởi thời gian và không gian, và bị điều kiện hóa bởi các duyên, nên chúng bị sanh thành và hủy diệt, bị tác động để biểu hiện hay



**Tâm Không**

*Từ em bỏ phở lên rừng  
Cỡi trăm năm mộng lưng chừng cuộc đời  
Về mù sương một phương trời  
Viết trang bôi điệp thơm lời mẹ ru.*

*Từ em bỏ lại phù hư  
Đạo chừ hôm sớm kinh thư bạn cùng*

*Lời từ cõi lặng thình không  
Nghĩa từ câu chừ góp cùng nguyện ca.*

*Từ em bỏ lại người – ta  
Đạo tình thanh nhẹ có ta có người  
Chừ em hiểu vẹn nụ cười  
Trên môi Phật nở rạng người tâm không.*

**MẶC KHÔNG TỬ**

*thơ*

ẩn tàng, còn xuân là Như lai, nên xuân là vô hạn.

Chính chúng ta là xuân, vì chính những người con của Phật đều được sinh ra từ tâm xuân của ngài và đã được nuôi lớn từ tâm xuân ấy. Tâm xuân chính là Phật tính hay bồ đề. Từ nơi tâm xuân mà duyên vào đại nguyện để tạo thành tâm lực của mùa xuân, và từ nơi Phật tính mà khởi phát ước thế tử bi, để sinh thành bồ đề nguyện lực, mà lên đường dưới vô số hình thức và tên gọi, vì lợi ích cho hết thảy chúng sanh.

Chúng sanh do vô minh vọng tưởng mà bị trôi dạt vào biển cả tử sinh, biển tâm Phật trở thành tâm chúng sanh; biển trí kiến trở thành tà kiến; biển vô cùng trở thành hữu hạn; biển tương sinh trở thành tương tranh; biển hồ dụng trở thành lạm dụng; biển thanh tịnh trở thành ô nhiễm; biển hòa hợp trở thành phân cách; biển thanh khiết trở thành ô tạp; biển anh em trở thành thù hận; nên mùa

xuân chợt thành mùa hạ; mùa thu chợt hóa mùa đông; chim đại bàng chợt thành sâu kiến.

Vì vậy, những người con Phật, nguyện sống vô tranh giữa những kẻ đua tranh; nguyện sống hoàn hảo giữa những kẻ bất hảo; nguyện sống hết lòng giữa những kẻ phản bội; nguyện sống buông bỏ giữa những kẻ tham chấp; nguyện sống tử bi giữa những kẻ thù hận; nguyện sống dũng cảm giữa những kẻ bạc nhược; nguyện sống giản dị giữa những kẻ xa hoa; nguyện sống im lặng giữa những kẻ lắm lời; nguyện sống bất động giữa những kẻ náo động; nguyện làm mùa xuân ngay trong mùa hạ; nguyện làm làn gió mát giữa trăng thu và nguyện làm những hạt nắng giữa trời đông để nuôi dưỡng tâm xuân và tạo thành mùa xuân giữa cơn rét bão nhân tính và tình người.

Ấy là xuân và tâm lực bồ đề của những người con Phật.

*Xuân Giáp Ngọ - 2014*  
**Thích Thái Hòa**

# ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO VÀ GIỚI LUẬT CHO NGƯỜI TẠI GIA

**Dr. Bodhipriya Subhadra Siriwardena**

*Thị Giới* dịch

Quan điểm Phật giáo về đời sống đạo đức của người tại gia là một chủ đề rộng lớn được đề cập rất nhiều trong những lời dạy của đức Phật. Hiện nay có rất nhiều người băn khoăn về vấn đề đạo đức nói chung, có thể vì đạo đức đang trên đà trượt khỏi sự quan tâm và cách cư xử của nhiều người một cách nhanh chóng.

## Những Vấn Đề Đạo Đức

Trước khi khảo sát quan điểm Phật giáo về đạo đức, chúng ta cần hiểu một cách tổng quát về ý nghĩa từ đạo đức. Từ này gắn liền với sự phân biệt giữa đúng và sai, thiện và ác trong hành động, ý muốn và tính tình. Nó liên quan đến bản chất và sự áp dụng luân lý trong đời sống. Ý thức đạo đức là khả năng hiểu được sự khác biệt giữa đúng và sai. Những khái niệm về đạo đức là những quy định liên quan đến việc khen hay chê cách xử thế, hợp luân lý hay không hợp luân lý, hoặc những lề luật cho cách cư xử đúng.

Gần đây, các phương tiện truyền thông của hầu hết các quốc gia trên thế giới đã báo cáo nhiều sự cố xảy ra ở mức độ địa phương, quốc gia và quốc tế. Với mức báo động càng ngày càng gia tăng, chúng ta được biết những thất bại trầm trọng của con người - nam, nữ, già, trẻ, giàu, nghèo, thông minh có học hoặc ngược lại, bất kể chủng tộc, tôn giáo, màu da và ngôn ngữ. Mặc dù những quy định và luật lệ cộng với những thiết bị để giữ an toàn cho cuộc sống và tài sản, vẫn khó có người sống mà không cảm thấy bất ổn và lo lắng. Phải chăng con người lo lắng về dã thú hay thiên tai? Không. Con người sợ nhất là những phần tử không có kỷ luật, không đáng tin cậy trong chủng loại của mình - những con người khác. Con người sợ những con người ích kỷ, tham lam, không đạo đức, thờ ơ với những bổn phận và trách nhiệm của mình, thờ ơ với quyền lợi của người khác, và những con người suy nghĩ không hợp lý lẽ, tâm thức méo mó làm tổn hại người khác. Những ý nghĩ, hành động và lời nói đi ngược lại xã hội, chống trái bản ngã lan tràn quá rộng, quá nhiều, quá thường và quá phổ biến. Một số những việc thường xảy ra và phổ biến nhất bao gồm việc chế tạo và tiêu dùng nhiều loại thuốc nguy hiểm đe dọa mạng sống, vũ khí, cướp bóc, cưỡng đoạt, lường gạt, bóc lột và tống tiền, đe dọa, hành hạ, khủng bố, quấy nhiễu, hãm hiếp, ngược đãi trẻ con... Những tội ác từ nhỏ đến lớn xảy ra từ mức độ gia đình, ra đến cộng đồng, quốc gia và quốc tế, riêng tư cũng như công cộng. Những người phạm tội này rõ ràng không có vẻ gì chứng tỏ được phú cho hay được rèn luyện để phát triển một ý thức đạo đức hướng dẫn họ đi theo con đường đúng.

Người ta có thể nói rằng không có gì mới mẻ trong những nhận xét về cách cư xử không đẹp phổ

biến đã có từ thời xa xưa này. Đồng thời chúng ta có khuynh hướng tự tôn cho rằng chúng ta ngày nay sống văn minh, tiên bộ, tao nhã, có văn hóa, có khoa học và tân tiến hơn, là những người đã chinh phục không gian, những bậc thầy của những phát minh lỗi lạc. Vâng, chúng ta không nghi ngờ rằng loài người đã tiến bộ nhanh chóng về vật chất, nhưng chúng ta đã thụt lùi về tinh thần. Con người cần chinh phục tâm hồn để hiểu và vui hưởng nền văn minh và tiến bộ trong lẽ phải, với ý nghĩa cao cả nhất và chân thật của từ này.

Nhìn những kết quả xảy ra, chúng ta thấy rằng những khái niệm của chúng ta về văn minh, văn hóa và tiên bộ có vẻ không chính xác và hơi hợt, ở đó con người bị một tâm thức vẩn đục đưa đi lạc hướng. Điều này có thể là một nguyên do khiến cho vấn đề về đạo đức được đưa lên hàng đầu, và nhiều quan điểm và đề nghị đã được những người có trách nhiệm trong giới tu sĩ và cư sĩ của nhiều tôn giáo trong đó có Phật giáo, các nhà giáo dục, các nhà tư vấn và cả chính khách đặt ra. Nói tóm lại, những người bình thường và nhạy cảm đều bị sốc bởi hậu quả của hàng loạt những hành vi trái đạo đức không ngừng xảy ra trong xã hội hiện đại. Đó là một điều nổi bật cho thấy rằng họ đang suy nghĩ theo chiều hướng đúng để giúp nhân loại trở thành một tài sản của nhau.

## Đạo Đức Phật Giáo

Quan điểm Phật giáo về đạo đức có thể tóm lược trong bài kệ sau đây:

*Tránh làm các việc ác  
Giữ tâm ý trong sạch  
Là lời chư Phật dạy.*

Chúng ta cần hiểu thế nào là lành và thế nào là ác trong lời dạy của đức Phật. Một lần nữa đức Phật giải thích về tiêu chuẩn của đạo đức khi ngài khuyên Rahula (La Hầu La):

*"Trước khi làm điều gì, hãy suy nghĩ điều đó có gây tổn hại cho bản thân hay cho người khác hay cho cả bản thân và người khác. Nếu điều đó có thể đưa đến khổ đau thì tránh không làm."*

*"Nếu điều đó có thể đưa đến an vui và không gây tổn hại, hãy thực hành và thực hành."*

Lời dạy trên cho chúng ta thấy rằng việc làm tốt nhất là biết quan tâm đến những điều có ích cho bản thân và cho người khác.

Quan điểm Phật giáo về đạo đức được nói rõ đặc biệt trong các kinh *Sigalovada*, *Vyagghapajja*, *Parabhava*, *Vasala*, *Mangala*, *Metta* và *Dhammika* và dĩ nhiên trong *Dhammapada*. Đạo đức được trình bày và giải thích trong các kinh này không phải là những điều có được từ sự huyền khái. Đó là những điều hợp lý lẽ và thực tiễn đặt nền tảng trên những sự kiện có thể xác minh và qua kinh nghiệm của cá nhân. Cá

nhân thực hành những lời dạy này trong đời sống hằng ngày với nỗ lực và chuyên cần của chính bản thân, rèn luyện kỷ luật tự giác và tự chủ, nương tựa nơi chính mình và tự thanh tịnh hóa cho chính mình. Không có giáo điều để tin và thực hành theo một cách mù quáng, những giáo điều không được suy nghĩ và thử nghiệm. Cầu nguyện đức Phật hay những chúng sanh khác, thực hành những nghi thức và lễ nghi mê tín, những sự hy sinh và hành xác vô nghĩa không có ích lợi gì. Đạo đức trong Phật giáo cung cấp cho con người những hướng dẫn về cách cư xử, nêu ra những điều nên làm và những điều không nên làm với mục đích đem đến lợi ích cho bản thân và cho người khác. Nó hướng dẫn người con người đạt được và vui hưởng những tiến bộ vật chất trong sự hài hòa với niềm vui và sự thăng hoa về tinh thần. Nó dẫn chúng ta đến một đời sống an tịnh, hóa giải những mâu thuẫn giữa khối óc và con tim, giúp chúng ta tiến tới trong công việc, nhiệm vụ, bổn phận với tâm bình an và hi lạc.

Giới luật được đức Phật đưa ra không khó hiểu và khó thực hành trong mỗi giây phút ý thức của cuộc sống chúng ta. Giới luật đó không cần phải đợi đến khi về hưu hay đến một thời gian nào đó. Nó cần được thực hiện trong ý nghĩ, lời nói và hành động trong đời sống tu tập hằng ngày của chúng ta.

Chúng ta cũng nên dạy trẻ con thực hành giới luật.

Giới luật phải được coi là một phần trong sự giáo dục không chính thức và chính thức của chúng ta. Những người có trách nhiệm không chỉ dạy dỗ bằng sự khuyên bảo, giáo huấn, mà còn phải là tấm gương cho trẻ con noi theo. Những người lớn này trước tiên là những bậc cha mẹ, thầy cô giáo, tu sĩ, và những người cần tiếp xúc với trẻ con.

### Giới Luật Phật Giáo Cho Người Tại Gia

Đối với những người tại gia như chúng ta thì Phật giáo đưa ra Năm Giới kết hợp chặt chẽ với Tám Chánh Đạo (tám con đường chân chánh.)

Nhận lãnh và thực hành Tám Chánh Đạo là quyền và đặc ân của bất cứ người nào muốn, là quyền và đặc ân của tất cả những người tại gia như chúng ta. Đó là cây kim chỉ nam không bao giờ sai cho cách cư xử của chúng ta trong cuộc đời này. Nó cần được chiếu rọi vào mọi mối quan hệ tương giao của chúng ta như vợ và chồng, cha mẹ và con cái, thầy và trò, anh chị em, bạn bè, người thân, chủ và người làm, tu sĩ và cư sĩ, chính quyền và dân chúng cũng như trong mỗi liên hệ quốc tế, giữa các tôn giáo và giữa các chủng tộc.

Sau đây, chúng ta phân tích ảnh hưởng của Năm Giới kết hợp với **Tám Chánh Đạo** trong đời sống hằng ngày của chúng ta nói riêng, trong sự thanh bình và hài hòa của xã hội nói chung. Việc này sẽ làm sáng tỏ quan điểm của Phật giáo về đạo đức của người tại gia.

1. Sự sống là quý giá đối với mọi sinh linh và không ai có quyền hủy hoại đời sống của kẻ khác với bất kỳ lý do nào. Nhưng chúng ta biết rằng con

người đã giết hại kẻ khác, cá nhân hay tập thể, dưới danh nghĩa nhân quyền, tôn giáo, hòa bình, chủng tộc, văn hóa và kiểm soát dân số - tất cả đều cho là với mục đích tốt. Ganh ghét, đố kỵ, quyền lực, tham lam, dã tâm, ích kỷ, độc ác, tàn nhẫn, kiêu hãnh, ngu muội là những động cơ tạo ra và hướng dẫn con người dẫn thân vào sự giết hại. Điều này đi lệch ra ngoài Chánh tri kiến (hiểu biết chân chánh), Chánh tư duy (suy nghĩ chân chánh), Chánh nghiệp (hành động chân chánh) của Tám Chánh Đạo.

Trong thời gian gần đây chúng ta được nghe những tin tức về việc trẻ con giết trẻ con, cha mẹ giết con, học sinh giết thầy, giết hại lẫn nhau và nhiều hành động tàn ác xảy ra.

Nếu bầu không khí gia đình được tạo thành với những phần tử có tinh thần cao thượng với tâm từ bi, thiện lành, cảm thông và trầm tĩnh, trẻ con sẽ không bị hướng dẫn vi phạm giới thứ nhất, đạo đức sẽ ở trong chúng, sẽ hướng dẫn những suy nghĩ của chúng trước những sự khủng hoảng, làm nảy nở những ý nghĩ trong lành và loại bỏ những ý nghĩ xấu ác.

2. Giới thứ hai - không trộm cắp - có thể bao gồm từ việc trộm cắp một vật nhỏ như viên kẹo hay một đồ chơi cho đến những việc cướp bóc, ăn trộm, hối lộ, lừa đảo, mao danh v.v... lớn hơn ở nhiều cấp độ.

Tôn trọng tài sản của mình và của người, mở rộng lòng với những người cần giúp đỡ,

không ích kỷ, vui vẻ, đơn giản, chân thật, tin cẩn là những đức tính có thể được trau dồi dễ dàng từ khi còn niên thiếu ở trong gia đình. Người có những đức tính đó sẽ giữ mình tránh mọi hình thức trộm cắp lộ liễu hay lén lút. Trừ phi một người được thuyết phục để biết rằng trộm cắp là xấu ác, sự trừng phạt, áp chế v.v... sẽ không có tác dụng bao nhiêu. Do đó, Chánh tri kiến (hiểu biết chân chánh) là một đức hạnh thiết yếu, cơ bản và nền tảng cho giới thứ hai này.

Và chúng ta thấy rằng số lượng mất mát do trộm cắp đưa đến hậu quả nghèo khổ, thất vọng, sự hãi của nạn nhân, những lo toan, hình phạt của chính phủ v.v... lại được chuyển giao cho người đóng thuế phải gánh chịu.

3. Không tà dâm có thể được coi là một giới rất cần thiết cho bất kỳ xã hội nào hiện nay trên khắp thế giới. Sự vi phạm giới này đã và đang gây ra vô số những hậu quả thảm khốc và đáng báo động: binh hoạn về thể xác và tinh thần của cá nhân, sự đổ vỡ của gia đình, sự lẩn trốn trách nhiệm làm chồng, làm vợ, làm cha mẹ, đưa con cái vào con đường khốn đốn, nguy hiểm.

Ngày 01 tháng Mười Hai mỗi năm, được lấy làm *Ngày Thế Giới Về Bệnh AIDS*, nói lên sự báo động về cơn dịch trầm trọng đang đe dọa tiêu diệt loài người chúng ta. Có những đứa trẻ, những người vợ, những người chồng, những bệnh nhân chưa bao giờ phạm vào giới tà dâm này cũng đã và đang là nạn nhân của chứng bệnh chết người này.

Bao hành đối với trẻ con, hiếp dâm, loạn luân và nhiều loại quan hệ đồi trụy khác của con người





dường như đang trôi lên trong mọi xã hội, Đông phương cũng như Tây phương. Những tội phạm đa phần là những người đã trưởng thành, không phải là những đứa trẻ. Việc không tự chủ, không có một nền tảng hiểu biết về đúng và sai, sống ích kỷ, ham tiền và những động cơ thương mại khác đã đưa con người đến chỗ phạm vào giới này và căm dỗ người khác phạm theo. Trẻ con thường xuyên chứng kiến những thói hư tật xấu, sẽ nghĩ rằng đó là những chuyện bình thường, dẫn chúng đi vào con đường lầm lỗi. Chánh tư duy (suy nghĩ chân chánh), Chánh tinh tấn (cố gắng chân chánh) và Chánh nghiệp (hành động chân chánh) bị xâm phạm, trong khi những đức hạnh này có thể được phát triển và nuôi dưỡng không mấy khó khăn.

4. Giới thứ tư đề cập đến lời nói hay Chánh ngữ (lời nói chân chánh) trong Tám Chánh Đạo. Đây là một phần thường đặc biệt dành cho con người. Chánh ngữ bao gồm việc tránh những lời nói không đúng sự thật, vu khống, nói lời cộc cằn thô lậu và nói lời ba hoa vô ích. Quán sát những giới khác cũng có thể đưa đến kết quả có được sự thành thật, uy tín, thân thiện, vui vẻ, lịch sự, có ý nghĩa và hiệu quả trong những điều nói ra. Những lời viết xuống hay in ra cũng nằm trong phạm vi của giới này.

Những tính chất tốt đẹp đó của lời nói có thể được rèn luyện một cách dễ dàng cho trẻ con ngay từ lúc chúng bắt đầu tập nói. Chỉ cần cho chúng được nuôi dưỡng trong môi trường chỉ có những lời nói đẹp để và không tổn hại, thận trọng, thuyết phục, thỏa đáng, lợi ích, tử tế, rõ ràng và lịch sự. Mỗi người đều có thể nói lời tốt đẹp mà không cần qua một khóa học cấp tốc về ngôn ngữ. Nếu trong gia đình có những tiêu chuẩn đứng đắn được thực hiện, một đứa trẻ lớn lên trong đó sẽ ít bị ảnh hưởng từ bên ngoài. Do đó, việc thực hành theo Tám Chánh Đạo có thể bắt đầu từ lúc còn thơ ấu.

5. Giới thứ năm là tránh dùng những chất làm say dưới mọi hình thức. Giới này liên quan đến Chánh niệm (nhớ nghĩ chân chánh), Chánh tri kiến (hiểu biết chân chánh), Chánh tư duy (suy nghĩ chân chánh), Chánh mạng (nghề nghiệp chân chánh), Chánh nghiệp (hành động chân chánh) và Chánh tinh tấn (cố gắng chân chánh) trong Tám Chánh Đạo. Giữ được giới này có thể tránh phạm nhiều điều trong Tám Chánh Đạo và ngược lại.

Dưới ảnh hưởng của chất làm say, con người mất tự chủ về cả thể xác và tinh thần đưa đến việc gây ra nhiều vấn đề cho bản thân và xã hội. Rượu chè, ma túy... là một vấn nạn toàn cầu ở mọi lứa tuổi, mọi giống phái, chủng tộc và tôn giáo. Trong nhà, ở trường và bất cứ nơi nào có sự tụ tập đều bị ảnh hưởng, và số nạn nhân liên hệ ngày càng gia tăng. Đồ vỡ gia đình, tổn hại trẻ con, cướp bóc, bình hoạn, giết người, lạm dụng, chết chóc, mất mát của cải v.v... được biết đến rất nhiều. Nhiều người với

tâm độc ác và bất bình thường đã chế tạo, phân phối và bán ra thị trường những sản phẩm này để làm giàu với giá phải trả là đời sống của hàng triệu đồng loại. Các chính phủ không giúp gì ngoài việc chi tiền vào những phương tiện kèm chế sự lưu hành ma túy, chữa trị và phục hồi người nghiện, đưa ra tòa, bắt bỏ tù v.v... Kết quả là sự xuống cấp thảm thương về đạo đức của xã hội, sự khốn đốn của thân nhân của những người vướng vào những thứ đó, khi họ đánh mất lý trí, không còn trí nhớ, không còn khả năng suy nghĩ, sức khỏe bạc nhược...

### Đặc Điểm Của Giới Luật Phật Giáo

Trước tiên và trên hết giới luật Phật giáo được đặt nền tảng trên trí tuệ, tự do tư tưởng, tự do tra vấn và luật nhân quả. Không giáo điều, không ép buộc, không đe dọa, không bắt tin theo một cách mù quáng. Phật giáo lấy **Từ** (metta), **Bi** (karuna), **Bất hại** (ahimsa - không tổn hại) và **Nhẫn** (khanti) để nuôi dưỡng đạo đức. Những mối quan hệ qua lại như chồng và vợ, cha mẹ và con cái, anh chị em, bạn bè, người thân, thầy và trò, chủ và người làm, tu sĩ và cư sĩ được nêu rõ.

Điều được khuyến khích trong việc dạy dỗ của Phật giáo là không bóp méo hay linh động để thích ứng với sự xấu ác. Giết hại là một hành động bất thiện (akusala kamma), dù được nhân danh tôn giáo hay tổ quốc. Chế tạo và bán vũ khí không thể được coi là chính đáng dù nó đem đến lợi tức lớn lao cho quốc gia như Hoa kỳ và nước Anh. Không ai có thể tha lỗi và xá tội cho những hành động tàn ác của một người dù người đó cầu nguyện bao nhiêu đi nữa. Có một số tôn giáo nghĩ như vậy. Hành động tốt sẽ đem đến kết quả tốt và hành động xấu sẽ đem đến kết quả xấu, cho dù người đó là vua hay người cùng đinh. Cũng theo Phật giáo, dạy lỗi sống đạo đức bằng việc nêu gương được coi là cách dạy tốt nhất. Đức Phật là một điển hình. Đó là một nền đạo đức thực tiễn giúp con người cư xử một cách hài hòa và công bằng với mọi người.

Con người được rèn luyện để cảm thấy có trách nhiệm và giá trị trong những việc làm của mình. Đạo đức Phật giáo hình thành những tiêu chuẩn và nguyên tắc về cách cư xử tốt thể hiện trong lời nói và hành động theo con đường chân chánh và tự chủ. Những đức tính này phát triển từ sự tự giác, không từ sự sợ hãi hay hình phạt. Chúng hướng dẫn chúng ta cách làm người, thực hiện những điều tốt và tránh xa những điều xấu.

Đạo đức Phật giáo - giới, đi cùng với định và tuệ - giới, định, tuệ. Trí tuệ ở đây không phải chỉ là sự thông thái. Nếu chỉ có thông thái mà không có trí tuệ, sự thông thái có thể trở thành một hiểm họa.

Sống một đời sống tích cực và tốt đẹp trên thế gian theo những hướng dẫn của đạo Phật sẽ đem đến hạnh phúc, bình an và niềm vui cho mình và cho người. Đời sống đó thật sự có giá trị hơn nhiều so với đời sống bon chen để thỏa mãn bản ngã và lòng tham. Đời sống đó cũng thiết lập một hợp đồng bảo hiểm cho tương lai sau khi chết. Nếu chúng ta có thể nói một cách thành thật và nghiêm túc cho nhau rằng anh hay chị là một phúc lành cho chúng tôi, chúng ta là những hành giả trên con đường đạo đức Phật giáo, đang đi trên con đường Tám Chánh Đạo. Một bộ luật cho đời sống đạo đức được thử nghiệm qua thời gian, hợp lý, thực tiễn là cần yếu cho mọi người, giống như người lái xe cần hiểu biết và tuân hành luật lệ đi đường. Lời dạy của đức Phật cho chúng ta một bộ luật như vậy nếu chúng ta chấp nhận và sống theo.

# TỔ ĐÌNH MINH ĐĂNG QUANG KHAI MẠC LỄ HỘI PHẬT NGỌC

Santa Ana (Bình Sa)- Vào lúc 2 giờ chiều Thứ Bảy 4 tháng 1 năm 2014 tại Tổ Đình Minh Đăng Quang số 3010 W. Harvard St, Santa Ana, hàng trăm Chư tôn đức Tăng Ni, hàng ngàn đồng hương Phật tử đã tham dự buổi khai mạc Lễ Hội Phật Ngọc Hòa Bình Thế Giới.

Ngoài Chư Tôn Đức Tăng Ni, còn có quý vị đại diện chính quyền, quý vị dân cử địa phương, trung ương trong số có Giám Sát Viên Janet Nguyễn; Thị Trưởng Thành Phố Santa Ana và các Nghị Viên cùng ông Khanh Nguyễn; Thị Trưởng Thành Phố Westminster và các Nghị Viên; Nghị Viên Thành Phố Garden Grove; Phái đoàn Châu Đạo Cao Đài do Hiền Tài Phạm Văn Khảm hướng dẫn; Phái đoàn Phật Giáo Hòa Hảo do Giáo Sư Nguyễn Thanh Giàu hướng dẫn. Ngoài ra còn có sự hiện diện của một số quý vị đại diện Cộng Đồng, các hội đoàn, đoàn thể, các cơ quan truyền thông và hàng ngàn Đồng Hương Phật tử tham dự. Chư tôn Giáo Phẩm có Hòa Thượng Thích Thắng Hoan, Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTN/HK, HT. Thích Chơn Thành, HT. Thích Giác Lượng, HT. Thích Phước Thuận, HT. Thích Nguyên Trí, HT. Thích Nguyên Siêu, HT. Thích Từ Diệu, HT. Thích Giác Sĩ, HT. Thích Nhật Quang, HT. Thích Như Minh, HT. Thích Minh Mẫn, HT. Thích Minh Dung, HT. Thích Giác Huệ đến từ Âu Châu... cùng quý Ni Trưởng, Ni Sư... Đặc biệt có sự hiện diện của Ông bà Ian Green Chủ Tôn Tượng Phật Ngọc.

đồng hương Phật tử đã đóng góp công sức để Lễ Hội có được ngày hôm nay. Hòa Thượng tiếp: "Sống hòa bình an vui là niềm mong ước của mỗi con người sống trong vũ trụ này. Hòa bình được hiểu và định nghĩa như một quan hệ hòa hợp giữa người và người trong một xã hội không chiến tranh hận thù và tội ác. Thế giới hiện nay đang phải đối diện với những khủng hoảng nghiêm trọng về chiến tranh, thiên tai và tội ác thì niềm tin hướng thiện làm tăng trưởng tình yêu thương và xây dựng nền tảng tâm linh, giúp xây dựng một đất nước bình an là cần thiết cho chúng ta và cho xã hội ngày nay... Cuộc đời vốn dĩ có nhiều phiền não và khổ đau, nhưng người học Phật phải biết thực nghiệm lời dạy của bậc Thiên Nhơn sư để chuyển hóa phiền muộn thành bồ đề, chuyển hóa si mê thành giác ngộ, tỉnh thức, chuyển hóa hận thù thành cảm thông, bao dung. Tâm hòa bình tức cảnh hòa bình và nơi đâu cũng tràn đầy an lạc và yêu thương, do đó chúng ta nhìn đâu cũng là chân tướng Phật, từ đất, đá xi măng, kim cương hay ngọc thạch có dấu ấn khởi tâm từ bi là tự nhiên sự biểu tượng hòa bình, Phật tánh xuất hiện. Dù biết vậy, nhưng trong phạm vi hạn hẹp nào đó thì sự giới hạn của cảm ứng và mẫu nhiệm hòa bình cũng chỉ trong khung trời nhỏ hẹp. Chúng ta đón đợi một biểu tượng hùng vĩ, trọng thể và tôn nghiêm cho niềm an lạc đại chúng trong ý thức sáng ngời của lòng tin mãnh liệt vì tự do và hòa bình nhân loại thì đây là cơ duyên thù thắng vô cùng...



Hình ảnh Lễ Hội Phật Ngọc



Hình ảnh Lễ Hội Phật Ngọc.

Điều hợp chương trình MC. Nguyễn Hồ Dững, Ni Sư Tiên Liên và đạo hữu Phát Bùi.

Sau phần nghi thức chào quốc kỳ Việt nam Cộng Hòa, Hoa Kỳ, Phật Giáo Kỳ và phút nhập Tử Bi Quán. Tiếp theo Hòa Thượng Thích Minh Tuyên, Viện Chủ Tổ Đình Minh Đăng Quang, Trưởng Ban Tổ Chức Lễ Hội Phật Ngọc Hòa Bình Thế Giới lên ngỏ lời chào mừng và cảm ơn sự hiện diện của Chư Tôn Đức, Quan Khách và quý vị mạnh thường quân, quý vị thiện nguyện viên, quý cơ quan truyền thông cùng

Trong không khí thanh tịnh và trang nghiêm sau ba tháng ròng rã chuẩn bị và trang hoàng, cuối cùng chúng ta cũng được hân hoan thân hành cung nghinh tôn trí đấng Điều Ngự Trượng Phu và chiêm bái Ngọc Xá Lợi, cũng như chính thức cử hành Đại lễ cung nghinh và khai mạc tôn tượng quý giá cả về vật chất lẫn tinh thần thời gian từ đây đến ngày 19 tháng 1 năm 2014, nơi Tổ Đình Minh Đăng Quang sẽ diễn ra nhiều pháp hội tu học, cầu nguyện, trai đàn bạt độ, hội thảo về tương lai thế giới trong cuộc

sống từ ái, hiền lương, đàn tràng bá sám chỉ vì hai chữ hòa bình thật sự cho mọi trái tim, cho địa phương Santa Ana, cho Miền Nam California cho Việt Nam và cho cộng đồng thế giới, ngưỡng mong nhân loại sớm chấm dứt chiến tranh, khắc phục mọi thiên tai và nhân họa, chung hưởng một đời sống an lạc, hạnh phúc chân thật. Với chương trình như trên, Ban tổ chức chúng tôi muốn nhấn mạnh ý nghĩa đích thực của việc chiêm bái "Phật Ngọc Vì Hòa Bình Thế Giới" là mỗi trái tim chúng ta, trước biểu tượng tôn nghiêm của Đức Thích Ca mâu Ni hãy tự mình thắp đuốc, tinh tấn thực hành lời dạy của Ngài để chuyển hóa tâm thức tự ngã được an bình, thì thế giới sẽ tự nó có hòa bình và an lạc."



Hình ảnh Lễ Hội Phật Ngọc

Sau phần diễn văn khai mạc, Chư tôn đức đã phóng sanh chiêm bô cầu và Tôn Tượng Phật Ngọc cũng được hiện ra sau tấm vải che trước mặt mọi người, trong lúc này những tràng pháo tay đã làm vang dội khuôn viên lễ hội. Tiếp tục chương trình là phần phát biểu và tặng bằng tưởng lục của quý vị dân cử và chính quyền địa phương. Sau đó là phần đọc Thư chúc mừng của Tổng Thống Obama, Thống Đốc Tiểu Bang California và các vị dân cử các Tiểu Bang. Tiếp theo lễ cầu nguyện và sau đó Ban tổ chức cúng dường trai tăng, đồng hưởng Phật tử thường thức chương trình văn nghệ thật xuất sắc do các nghệ sĩ tên tuổi Nam California trình diễn.



## HÌNH ẢNH LỄ BẾ MẠC LỄ HỘI PHẬT NGỌC HÒA BÌNH THẾ GIỚI tại TỔ ĐÌNH MINH ĐĂNG QUANG - SANTA ANA - CALIFORNIA, HOA KỲ

Vào lúc 2 giờ chiều ngày 19 tháng 1 năm 2014, Lễ Bế Mạc LỄ HỘI PHẬT NGỌC HÒA BÌNH THẾ GIỚI, được trang trọng tổ chức tại Tổ Đình MINH ĐĂNG QUANG, TP Santa Ana, California, Hoa Kỳ.



## **THÔNG BẠCH** **Cầu Nguyện và Kỷ Niệm 50 Năm thành lập GHPGVNTN**

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni,  
Kính thưa quý Thiện Nam, Tín Nữ Phật tử,

Cách nay tròn 50 năm, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN) đã được thành lập qua Đại Hội Thống Nhất Phật Giáo Việt Nam quy tụ 11 tập đoàn Phật Giáo Tăng Già và Cư Sĩ đại diện cho Tăng Tín Đồ Phật Giáo Việt Nam đại diện 3 miền Nam, Trung, Bắc vào các ngày từ 31 tháng 12 năm 1963 đến ngày 04 tháng 01 năm 1964, tại Chùa Xá Lợi, Sài Gòn. Đó là biến cố lịch sử trọng đại trong dòng vận hành hai ngàn năm Phật Giáo Việt Nam, vì là lần đầu tiên có sự kết hợp hòa hiệp giữa Tăng Già và Cư Sĩ, cũng như giữa hai truyền thống Phật Giáo Nam Tông, Bắc Tông.

Năm mươi năm qua, GHPGVNTN đã kế thừa nghiêm cẩn sứ mệnh hoằng dương Chánh Pháp để góp phần giải khổ quần sinh của đức Phật và Lịch Đại Tổ Sư. GHPGVNTN cũng đã thực hiện đúng tôn chỉ và mục đích cao cả mà Hiến Chương của Giáo Hội đã đề ra là **“Công bố lý tưởng hòa bình của Giáo Lý Đức Phật,”** và **“GHPGVNTN không đặt sự tồn tại của mình nơi nguyên vị cá biệt mà đặt sự tồn tại trong sự tồn tại của nhân loại và dân tộc.”** Do vậy, GHPGVNTN suốt nửa thế kỷ nay đã không ngừng đóng góp sức mình cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước và dân tộc qua nhiều lãnh vực như tôn giáo, văn hóa, giáo dục, và từ thiện xã hội, v.v... Chính trong ý nghĩa đó mà dù trải qua bất cứ hoàn cảnh thăng trầm và bi thống nào, GHPGVNTN vẫn sống mãi trong tâm khảm của Tăng, Ni và Phật tử trong và ngoài nước.

Đề kỷ niệm 50 năm ngày thành lập và công bố Hiến Chương lịch sử của GHPGVNTN, Văn Phòng Điều Hợp GHPGVNTN Liên Châu thành tâm khuyến thỉnh chư tôn đức Tăng, Ni và Cư Sĩ của các GHPGVNTN tại Úc Đại Lợi và Tân Tây Lan, Châu Âu, Hoa Kỳ, và Canada tùy hoàn cảnh sở tại tổ chức lễ tưởng niệm chư Thánh Tử Đạo, chư tôn Tăng Thông và chư tôn đức Tăng Ni và Phật tử đã hy hiến đời mình cho sự tồn tại và phát triển của GHPGVNTN trong và ngoài nước.

Nhất tâm nguyện cầu cho GHPGVNTN cứu trợ và thành tâm kính chúc chư tôn đức Tăng, Ni pháp thể khinh an, chúng sinh dị độ và Phật sự thành tựu; đồng kính chúc quý Nam Nữ Phật Tử bỏ đề tâm kiên cố, thân tâm thường an lạc.

Nam Mô Việt Nam Phật Giáo Lịch Đại Tổ Sư tác đại chứng minh.

*Phật Lịch 2557, Irving, ngày 29 tháng 12 năm 2013*  
Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Liên Châu  
Văn Phòng Điều Hợp  
Chánh Văn Phòng

**Sa Môn Thích Tín Nghĩa**

Nơi nhận:

GHPGVNTNHN Tại Úc Đại Lợi và Tân Tây Lan,  
GHPGVNTN Âu Châu,  
GHPGVNTN Hoa Kỳ,  
GHPGVNTNHN Tại Canada,  
Hồ sơ lưu.



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT  
VĂN PHÒNG ĐIỀU HỢP LIÊN CHÂU

**TUYÊN BỐ CHUNG**

**của GHPGVNTN ÂU CHÂU, ÚC ĐẠI LỢI – TÂN TÂY LAN, HOA KỲ VÀ GIA NÃ ĐẠI,  
nhân KỶ NIỆM 50 NĂM (1964 – 2014)  
NGÀY CÔNG BỐ HIẾN CHƯƠNG Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất**

Đạo Phật truyền vào Việt Nam từ đầu kỷ nguyên dương lịch. Từ thời sơ nguyên ấy đến nay, trải bao triều đại suy-thịnh, phế-hưng, đất nước có khi đổi tên theo các triều đại, chính thể, nhưng Đạo Phật Việt vẫn là một dòng chảy nhất quán, bất tuyệt suốt 2000 năm.

Nhất quán không phải là sự đồng nhất, không thay đổi nơi danh xưng tổng hội, giáo hội...; cũng không phải từ những ngôi vị tăng trưởng, đạo thống, tăng thống... Nhất quán là ở chỗ đồng tâm hiệp ý về bản hoài hoằng dương chánh pháp để phục vụ nhân loại và dân tộc. Nhờ bản hoài này mà Đạo Phật có thể song hành với đất nước và dân tộc một cách hài hòa, tương hợp theo chiều dài lịch sử.

Vậy, nói “kế thừa 2000 năm Phật Việt trên quê hương” là kế thừa yếu chỉ tu tập và kế thừa chí nguyện truyền bá chánh pháp, để mang lại hạnh phúc an lạc cho muôn dân; đi xa hơn là cho cả nhân loại, chúng sanh.

Trong ý nghĩa ấy, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất được xem là tập thể thừa tự di sản Phật Việt; và “thống nhất” ở đây không có nghĩa là duy nhất, độc nhất, độc quyền, mà chính là nơi kết tụ hòa hợp những cá nhân và các tập thể con Phật dưới một mái nhà chung; ở đó, không ai là chủ nhân ông, không ai là kẻ nắm uy quyền tối thượng. Tất cả các thành viên đều được bình đẳng nơi thể tánh như Phật dạy, cũng như bình đẳng nơi ý chí và tâm nguyện trong mọi sinh hoạt giáo hội, mọi sinh hoạt Tăng đoàn.

**NGUYỆN VỌNG THỐNG NHẤT**

Nhìn lại trang sử cận đại, vào hậu bán thế kỷ thứ 20, trong thời kỳ đất nước bị ngoại xâm và chia làm ba miền (tam kỳ: Bắc, Trung, Nam), Tăng tín đồ Việt Nam đã hoài bão một nền Phật giáo thống nhất toàn quốc để cùng xiển dương đạo pháp và để phục vụ dân tộc hữu hiệu hơn. Hoài bão ấy đã được thành tựu qua Hội Nghị Phật Giáo Toàn Quốc, họp tại Chùa Từ Đàm - Huế vào ngày 06.5.1951, qui tụ 51 đại biểu thuộc 6 tập đoàn Phật giáo của ba miền, tiến đến việc thành lập Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam.

Tuy vậy, trên danh nghĩa là một tổ chức Phật giáo toàn quốc, Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam trong giai đoạn phôi thai vẫn chưa thực hiện được hoài bão thống nhất và kết hợp chỉ đạo một cách trọn vẹn.

Cho đến Pháp nạn năm 1963, toàn thể Phật giáo đồ Việt Nam—qua các tập đoàn và tổ chức Phật giáo—mới nhận thức rõ ràng hơn về tầm quan trọng của thống nhất và nhu cầu kết hợp chặt chẽ để tồn tại, và cùng chung lo hoằng pháp, phục vụ dân tộc và nhân loại.

Chính trong thời kỳ pháp nạn này, Phật giáo đồ đã phải chịu nhiều cay đắng tủi nhục, kỳ thị và khủng bố, lao tù và trấn áp; hơn thế nữa, nhiều Tăng Ni, Cư sĩ đã trải cả xương máu, để khẳng định sự tồn tại của Đạo Pháp trong dòng sinh mệnh dân tộc. Cuối cùng, ngay sau khi đất nước chuyển mình và Phật giáo vượt qua pháp nạn, nguyện vọng thống nhất Phật giáo đã được kết tinh, tựu thành trong đại hội của Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam và các tổ chức Phật giáo toàn miền Nam, diễn ra tại Chùa Xá Lợi, Sài-gòn, vào ngày 31.12.1963. Đại hội đã đồng tâm quyết nghị thành lập tổ chức Phật giáo hợp nhất và tiêu biểu của nền Phật Việt: **Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất**. Đến ngày 04.01.1964 thì bản Hiến Chương của Giáo Hội được công bố, với “Lời Mở Đầu” xác định đường hướng nhất quán và chỗ đứng của Giáo Hội trên quê hương Việt Nam như sau:

*“Công bố Lý tưởng Hòa bình của giáo lý Đức Phật, các tông phái Phật giáo, Bắc tông và Nam tông tại Việt Nam, thực hiện nguyện vọng thống nhất thực sự đã hoài bão từ lâu để phục vụ nhân loại và dân tộc: đó là lập trường thuần nhất của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.*

*Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất không đặt sự tồn tại nơi nguyên vị cá biệt mà đặt sự tồn tại ấy trong sự tồn tại của nhân loại và dân tộc.*

*Quan niệm thống nhất Phật Giáo Việt Nam được thể hiện theo chủ trương điều hợp, nghĩa là giáo lý, giới luật và nếp sống của các tông phái, cũng như của hai giới Tăng sĩ và Cư sĩ, chẳng những được tôn trọng mà còn phải nỗ lực phát triển trong sự kết hợp có chỉ đạo. Chính đó là sắc thái đặc biệt của nền Phật giáo thống nhất tại Việt Nam.”*

**CỐT TỦY CỦA HIẾN CHƯƠNG THỐNG NHẤT**

Hiến Chương GHPGVNTN với **Lời Mở Đầu**, là tiếng nói Bi-Trí của toàn thể Phật giáo đồ Việt Nam sau cơn Pháp nạn; với **Mục Đích** cao đẹp xứng đáng kế thừa di sản hoằng truyền Phật đạo của Lịch Đại

Tổ Sư; và với **Hệ Thống Tổ Chức** dựa trên nguyên tắc yết-ma của Tăng đoàn, là nền tảng vững chắc cho mọi sinh hoạt dân chủ, hòa hợp của toàn thể thành viên Giáo Hội.

Hiển Chương ấy được viết nên bởi trí tuệ, từ bi và hùng lực của Phật giáo đồ Việt Nam trong cơn Pháp nạn 1963; được chính thức công bố ngày 04.01.1964 như là chứng tích trường tồn của Đạo Phật trong dòng sử Việt, và đã được tu chính lần sau cùng ngày 12.12.1973 trước khi có Pháp nạn 1975. Cho đến hôm nay, ngày 04.01.2014, vừa đúng 50 năm, Hiển Chương GHPGVNTN vẫn còn là linh hồn, là biểu tượng kết tinh tâm nguyện hoằng pháp lợi sinh của người con Phật trong mọi thời đại. Tuân thủ Hiển Chương thì Hiển Chương còn; Hiển Chương còn, Giáo Hội còn. GHPGVNTN không ép buộc ai phải là thành viên, cũng không ép buộc ai phải rời bỏ; nhưng ai không muốn tuân thủ Hiển Chương thì hãy tự đặt mình ra khỏi GHPGVNTN, không được quyền dẫm đạp lên Hiển Chương để ban hành những văn kiện phi chánh pháp, phi dân chủ, trái yết-ma tăng.

Hiển Chương GHPGVNTN nói, *"không đặt sự tồn tại nơi nguyên vị cá biệt, mà đặt sự tồn tại ấy trong sự tồn tại của Nhân loại và Dân tộc."* Chính từ tuyên ngôn vô ngã này, về mặt tinh thần, giáo hội trở thành bất tử; về mặt hình thức, giáo hội có thể tùy duyên bất biến: tùy theo trú xứ và thời đại mà hiện thân, hóa thân trong hình thức này hoặc hình thức khác, nhưng *"lập trường thuần nhất"* vẫn là *"phục vụ Nhân loại và Dân tộc."* Vì vậy, GHPGVNTN không phải của riêng ai. Không ai là sở hữu chủ của GHPGVNTN dù ở ngôi vị tối cao lãnh đạo. Tất cả thành viên đều chung mang sứ mệnh thực hiện lý tưởng và mục đích Hoằng dương Chánh Pháp cũng như trách nhiệm đối với sự tồn vong của đạo pháp và dân tộc.

Hệ luận của ý nghĩa trên là, dù có những biến động ngoại tại hay nội tại, đoản hạn hay trường kỳ, phát xuất từ một nhóm người hay cá nhân, dù một vài lãnh đạo có từ chức hay bị cách chức, dù cơ cấu và nhân sự của Viện Hóa Đạo hay Viện Tăng Thống có bị thế quyền đầy đọa hay thăm sát, dù cơ chế giáo hội có nhất thời tiêu trầm hay suy vong bởi người này hay người khác, ở thời điểm này hay thời điểm khác, nơi chốn này hay nơi chốn khác, thì trên đại thể, **đại bộ phận của GHPGVNTN vẫn tồn tại trên bước chân hoằng truyền Phật đạo, phụng sự chúng sinh của những thành viên "chấp nhận bản Hiến Chương" và tuân thủ các nguyên tắc yết-ma truyền thống của Tăng đoàn.**

## TUYÊN BỐ CHUNG

Suy nghiệm nguyên do, mục đích và cốt tủy của Hiến Chương GHPGVNTN nói trên, chúng tôi, toàn thể Tăng, Ni, Cư sĩ và Huynh trưởng Gia Đình Phật Tử sinh hoạt trong các tổ chức GHPGVNTN tại hải ngoại thuộc Âu châu, Úc châu, Hoa Kỳ và Gia Nã Đại, sau khi thảo luận trong tinh thần hòa hợp và ý

thức tự giác, dẫn đến sự hiệp ý đồng tâm, xin long trọng tuyên bố:

1) Tiếp tục sứ mệnh **"phục vụ Nhân loại và Dân tộc bằng cách Hoằng dương Chánh Pháp"** như Hiến Chương GHPGVNTN đề ra, dù ở trong bất cứ hoàn cảnh khó khăn nào;

2) Kiên trì theo đuổi và yểm trợ công cuộc phục hoạt GHPGVNTN tại quê nhà và nỗ lực phát huy các tổ chức GHPGVNTN tại hải ngoại; tích cực hỗ trợ công cuộc bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ trước mọi hiểm họa xâm lăng, đồng thời toàn tâm vận động không ngừng cho tự do, dân chủ và nhân quyền cho toàn dân Việt Nam;

3) Cương quyết bác bỏ mọi tuyên truyền, xuyên tạc, phỉ báng đầy ác ý phá hoại và gây chia rẽ của các cá nhân và tổ chức thế tục, tôn giáo, hoặc các nhóm người mượn danh Phật tử, mượn danh giáo hội, đang nhắm vào tập thể Tăng Ni và Cư Sĩ GHPGVNTN nói riêng, Phật giáo Việt Nam nói chung;

4) Khẳng định rằng GHPGVNTN vẫn tồn tại và tiếp tục phát triển vững mạnh tại hải ngoại, trong sự hiện thân hoặc hóa thân của rất nhiều tổ chức giáo hội, tông môn, pháp phái đã được lần lượt sáng lập và phát huy suốt 39 năm qua, để bảo tồn và xiển dương nền Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại; và nhất là với sự hình thành thích thời vào năm 2009 của "Văn Phòng Điều Hợp Liên Châu" nhằm kết nối tâm chí và những hành hoạt trọng yếu giữa bốn [4] Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Âu châu, Úc Đại Lợi – Tân Tây Lan, Hoa Kỳ và Gia Nã Đại.

Chúng tôi thiết tha kêu gọi toàn thể Tăng Ni và Phật giáo đồ Việt Nam trong nước và hải ngoại hết sức bình tâm, tỉnh giác về các vấn đề nhạy cảm trong nội bộ Phật giáo, không để các thế lực ác lợi dụng danh nghĩa Phật giáo để phá hoại Phật giáo, hủy báng Tăng-đoàn; khuyến thỉnh các cơ sở thuộc Giáo Hội các cấp thường xuyên tổ chức các khóa tu tập và sám hối đúng tinh thần Chánh Pháp, để củng cố nội lực và giải trừ chướng nạn của Giáo Hội nói riêng và Phật giáo nói chung; khuyến thỉnh chư vị nam nữ Phật tử giữ vững niềm tin đối với Tam Bảo, vun bồi tâm bồ-đề và nỗ lực tu học để ủng hộ đạo pháp, góp phần cùng Tăng Ni xiển dương Chánh Pháp, ngõ hầu làm hiển lộ giáo lý chân-thực bất-hư của Đức Thế Tôn.

*Phật lịch 2557, ngày 04.01.2014*

Thành viên Tăng Ni, Cư sĩ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại các châu lục và quốc gia đồng ký tên:

## GHPGVNTN HOA KỲ:

1. HT. Thích Thặng Hoan, Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm
2. HT. Thích Phước Thuận, Thành viên HĐGP
3. HT. Thích Tín Nghĩa, Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành

4. HT. Thích Nguyên Trí, Phó Chủ tịch Nội vụ HĐĐH
5. HT. Thích Minh Tuyên, Phó Chủ tịch HĐĐH
6. HT. Thích Nguyên An, Phó Chủ tịch Ngoại vụ
7. HT. Thích Thái Siêu, Tổng vụ trưởng Tổng vụ Giáo Dục
8. HT. Thích Nguyên Siêu, Tổng Thư ký HĐĐH
9. HT. Thích Minh Hôi, Tổng vụ trưởng TV Kiến Thiết
10. HT. Thích Tâm Vân, Tổng vụ phó TV Tăng Sự
11. HT. Thích Thiện Long, Tổng vụ trưởng TV Kinh Tế Tài Chánh
12. HT. Thích Giác Sĩ, Tổng vụ phó TV Hoằng Pháp
13. HT. Thích Nhật Quang, Ban Giao Tế HĐĐH
14. HT. Thích Thông Hải, Tổng vụ trưởng TV Từ Thiện Xã Hội
15. TT. Thích Minh Dung, Tổng vụ trưởng TV Văn Hoá
16. TT. Thích Hạnh Tuấn, Tổng vụ trưởng TV Thanh Niên
17. TT. Thích Nhật Huệ, Tổng vụ phó TV Từ Thiện Xã Hội
18. TT. Thích Nguyên Kim, Tổng vụ phó TV Giáo Dục
19. TT. Thích Tâm Tường, Tổng vụ phó TV Tăng Sự
20. TT. Thích Đồng Trí, Tổng vụ trưởng TV Hoằng Pháp
21. TT. Thích Nhật Trí, Tổng vụ trưởng TV Nghi Lễ
22. TT. Thích Tâm Thành, Thành viên TV Nghi Lễ
23. TT. Thích Giác Minh, Tổng vụ phó TV Nghi Lễ
24. TT. Thích Tuệ Uy, Tổng vụ phó TV Nghiên Cứu Kế Hoạch
25. TT. Thích Hải Chánh, Tổng vụ phó TV Nghi Lễ
26. TT. Thích Thánh Minh, Tổng vụ trưởng TV Cư Sĩ
27. TT. Thích Phước Mỹ, Tổng vụ phó TV Hoằng Pháp
28. TT. Thích Ấn Long, Tổng vụ phó TV Hoằng Pháp
29. TT. Thích Thông Lý, Tổng vụ phó TV Cư Sĩ
30. TT. Thích Hải Thông, Tổng vụ phó TV Cư Sĩ
31. TT. Thích Trí Thọ, Tổng vụ phó TV Kinh tế Tài Chánh
32. TT. Thích Định Quang, Tổng vụ phó TV Nghi Lễ
33. TT. Thích Hạnh Đức, Tổng vụ phó TV Giáo Dục
34. TT. Thích Minh Tuệ, Tổng vụ phó TV Hoằng Pháp
35. Đại Đức Thích Tịnh Hải, Thành viên TV Từ Thiện Xã Hội
36. ĐĐ. Thích Tâm Bình, Thành viên TV Nghi Lễ
37. ĐĐ. Thích Chúc Hiền, Thành viên TV Từ Thiện Xã Hội
38. ĐĐ. Thích Đồng Châu, Thành viên TV Truyền Thông
39. ĐĐ. Thích Minh Trọng, Phụ tá Tổng vụ trưởng TV Pháp Chế
40. ĐĐ. Thích Quảng Định, Tổng vụ phó TV Giáo Dục
41. ĐĐ. Thích Hạnh Tuệ, Tổng vụ phó TV Hoằng Pháp
42. ĐĐ. Thích Huệ Nhân, Tổng vụ phó TV Văn Hoá
43. ĐĐ. Thích Quảng Văn, Tổng vụ phó TV Văn Hoá
44. ĐĐ. Thích Nhuận Tấn, Thành viên TV Giáo Dục
45. ĐĐ. Thích Minh Hiếu, Thành viên TV Thanh Niên
46. ĐĐ. Thích Thường Tịnh, Thành viên TV Từ Thiện Xã Hội
47. ĐĐ. Thích Nhật Thiện, Tổng vụ phó TV Nghi Lễ
48. ĐĐ. Thích Thường Giới, Thành viên TV Nghi Lễ
49. ĐĐ. Thích Minh Nguyên, Tổng vụ phó TV Kiến Thiết
50. SB. Thích Nữ Như Nguyệt, Tổng vụ trưởng TV Ni Bộ
51. NS. Thích Nữ Minh Phước, Tổng vụ phó TV Ni Bộ
52. NS. Thích Nữ Như Định, Tổng vụ phó TV Ni Bộ
53. NS. Thích Nữ Giới Châu, Thành viên TV Giáo Dục
54. NS. Thích Nữ Diệu Tánh, Tổng Thủ Quỹ HĐĐH
55. NS. Thích Nữ Tiến Liên, Tổng vụ phó kiêm Thư ký TV Ni Bộ
56. NS. Thích Nữ Tuệ Từ, Phó Tổng Thủ Quỹ HĐĐH
57. NS. Thích Nữ Như Quang, Tổng vụ phó TV Kinh Tế Tài Chánh
58. NS. Thích Nữ Luân Liên, Thành viên TV Từ Thiện Xã Hội
59. NS. Thích Nữ Nguyên Bốn, Tổng vụ phó TV Kinh Tế Tài Chánh
60. NS. Thích Nữ Huệ Nghiêm, Tổng vụ phó TV Kinh Tế Tài Chánh
61. SC. Thích Nữ Tịnh Quang, Thành viên TV Giáo Dục
62. SC. Thích Nữ Nguyên Hương, Thành viên TV Hoằng Pháp
63. SC. Thích Nữ Giới Định, Thành viên TV Văn Hoá
64. SC. Thích Nữ Hạnh Nguyên, Thành viên TV Cư Sĩ
65. Cư sĩ Tâm Đức - Trần Quang Thuận, Tổng vụ trưởng TV Nghiên Cứu Kế Hoạch
66. Cs. Quảng Thành - Bùi Ngọc Đường, Tổng vụ trưởng TV Truyền Thông
67. Cs. Nguyễn Lượng, Tổng vụ phó TV Cư Sĩ
68. Cs. Quảng Phước - Huỳnh Tấn Lê, Tổng vụ trưởng TV Pháp Chế
69. Cs. Tâm Huy - Huỳnh Kim Quang, Phó Tổng Thư Ký HĐĐH
70. Cs. Tâm Quang - Vĩnh Hào, Phụ tá Tổng Thư Ký HĐĐH
71. Cs. Dina Linh Nguyễn, Tổng vụ phó TV Pháp Chế
72. Cs. Quảng Trà - Nguyễn Thanh Huy, Phụ tá Tổng vụ trưởng TV Pháp Chế
73. Cs. Đoàn Thùy, Thư ký TV Pháp Chế
74. Huỳnh trưởng Phan Duy Chiêm, Vụ trưởng GDPT Vụ
75. Htr. Nguyễn Quốc Hưng, Thư ký TV Thanh Niên
76. Htr. Tâm Hoà - Lê Quang Đạt, Thành viên TV Truyền Thông
77. Cs. Trần Quý Hùng, Tổng vụ phó TV Pháp Chế
78. Cs. Lam Nguyên, Thành viên TV Văn Hóa
79. Cs. Nguyễn Ngọc - Thái Kế An, Thành viên TV Cư Sĩ
80. Cs. Thiện Đồng - Trần Huy, Thành viên TV Cư Sĩ
81. Cs. Trần Thị Cát Tường, Thành viên TV Cư Sĩ
82. Cs. Lê Tú, Thành viên TV Từ Thiện Xã Hội
83. Cs. Nguyễn Thị Hiền, Thành viên TV Từ Thiện Xã Hội
84. Cs. Trần Thuận Hiền, Thành viên TV Kinh Tế Tài Chánh
85. Cs. Quảng Hải - Phan Trung Kiên, Thành viên TV Truyền Thông
86. Cs. Đức Diệu Tường, Thành viên TV Truyền Thông.

### **GHPGVNTN ÂU CHÂU:**

1. HT. Thích Tấn Thiết, Quyền Chủ tịch HĐĐH
2. HT. Thích Như Điển, Tổng Thư Ký HĐĐH
3. TT. Thích Minh Giác, Tổng vụ trưởng TV Tăng Sự
4. TT. Thích Quảng Hiền, Tổng vụ trưởng TV Hoằng Pháp
5. TT. Thích Tâm Huệ, Tổng vụ trưởng TV Giáo Dục
6. TT. Thích Giác Thanh, Tổng vụ trưởng TV Cư Sĩ
7. TT. Thích Thông Trí, Tổng vụ trưởng TV Thanh Niên
8. TT. Thích An Chí, Tổng vụ trưởng TV Nghi Lễ

9. TT. Thích Nguyên Lộc, Tổng vụ trưởng TV Văn Hóa
10. TT. Thích Hạnh Thông, Phụ tá Tổng vụ trưởng TV Cư Sĩ
11. TT. Thích Phật Đạo, Phụ tá Tổng vụ trưởng TV Văn Hóa
12. TT. Thích Phước Huệ, Phụ tá Tổng vụ trưởng TV Tăng Sự
13. TT. Thích Quảng Đạo, Phụ tá VP Tổng vụ Tăng Sự
14. TT. Thích Từ Trí, Phụ tá Tổng vụ trưởng TV Cư Sĩ
15. TT. Thích Tịnh Phước, Phụ tá Tổng vụ trưởng TV Từ Thiện Xã Hội
16. ĐĐ. Thích Viên Tịnh, Phụ tá Tổng vụ trưởng TV Từ Thiện Xã Hội
17. ĐĐ. Thích Viên Giác, Phụ tá Tổng vụ trưởng TV Văn Hóa
18. ĐĐ. Thích Tịnh Thông, Phụ tá Tổng vụ trưởng TV Hoằng Pháp
19. ĐĐ. Thích Hạnh Vân, Phụ tá Tổng vụ trưởng TV Nghi Lễ
20. ĐĐ. Thích Hạnh Giới, Phụ tá Tổng Thư Ký HĐĐH
21. ĐĐ. Thích Pháp Quang, Phụ tá Tổng vụ trưởng TV Thanh Niên
22. Ni trưởng Thích nữ Diệu Tâm, Vụ trưởng Vụ Ni Bộ Bắc Tông
23. Ni trưởng Thích nữ Như Viên, Phụ tá Vụ trưởng Vụ Ni Bộ Bắc Tông
24. Ni sư Thích nữ Diệu Phước, Thủ Quỹ HĐĐH
25. NS. Thích nữ Diệu Trâm, Phụ tá Vụ trưởng Vụ Ni Bộ Bắc Tông
26. NS. Thích nữ Minh Hiếu, Phụ tá Tổng vụ trưởng TV Từ Thiện Xã Hội
27. Sư cô Thích nữ Như Quang, Phụ tá Tổng vụ trưởng TV Thanh Niên
28. SC. Thích Nữ Hạnh Khánh, Phụ tá Tổng vụ trưởng TV Giáo Dục
29. SC. Thích nữ Tuệ Đàm Nghiêm, Phụ tá Tổng vụ trưởng TV Giáo Dục
30. Htr. Tâm Bạch - Trần Huyền Đan, Trưởng Ban HDTƯ GDPT Âu Châu
31. TT. Thích Như Định, Tổng vụ phó TV Nghi Lễ
32. TT. Thích Tịnh Đạo, Tổng vụ trưởng TV Văn Hóa Giáo Dục
33. TT. Thích Tâm Phương, Tổng vụ trưởng TV Từ Thiện Xã Hội
34. TT. Thích Thiện Hiền, Tổng vụ trưởng TV Nghi Lễ
35. TT. Thích Phổ Hương, Trụ trì Chùa Long Quang, Thành viên Tăng Ni GH
36. TT. Thích Nguyên Tạng, Phó Tổng Thư Ký HĐĐH
37. TT. Thích Giác Tín, Phó Tổng Thư Ký HĐĐH
38. TT Thích Đạo Thông, Trụ trì Chùa Hưng Long, Thành viên Tăng Ni GH
39. TT Thích Minh Hội, Trụ trì TV Minh Quang Sydney, Thành viên Tăng Ni GH
40. TT Thích Minh Thường, Trụ trì TV Minh Quang Nam Úc, Thành viên Tăng Ni GH
41. TT Thích Minh Thiên, Trụ trì TV Minh Quang Tây Úc, Thành viên Tăng Ni GH
42. ĐĐ Thích Viên Trí, Tổng vụ phó TV Từ Thiện Xã hội
43. ĐĐ Thích Viên Tịnh, Tổng vụ phó TV Nghi lễ
44. ĐĐ Thích Nhuận Chơn, Tổng vụ phó TV Nghi lễ
45. ĐĐ Thích Đồng Thanh, Tổng vụ phó TV Cư Sĩ
46. ĐĐ Thích Hạnh Tri, Tổng vụ phó TV Văn Hóa Giáo Dục
47. ĐĐ Thích Đạo Hiển, Tổng vụ phó TV Thanh Niên GDPT
48. ĐĐ Thích Phổ Huân, Trụ trì Chùa Pháp Bảo, Thành viên Tăng Ni GH
49. ĐĐ Thích Thông Hiếu, Tổng vụ phó TV Cư Sĩ
50. Ni trưởng Thích Nữ Phước Trí, Vụ Trưởng Ni Bộ
51. NT. Thích Nữ Chơn Đạo, Vụ phó Vụ Ni Bộ
52. NS. Thích Nữ Tâm Lạc, Tổng vụ trưởng TV Tài chánh
53. Ni Sư Thích Nữ Như Tuyết, Chánh Thủ Quỹ HĐĐH
54. NS. Thích Nữ Viên Thông, Phó Thủ Quỹ HĐĐH
55. NS. Thích Nữ Chân Kim, Tổng vụ phó TV Tài Chánh
56. Sư Cô Thích Nữ Nguyên Khai, Tổng vụ phó TV Từ Thiện Xã hội
57. SC. Thích Nữ Thành Liên, Tổng vụ phó TV Tài chánh
58. SC. Thích Nữ Huệ Khiết, Trụ trì Chùa Báo Ân, Thành viên Tăng Ni GH
59. SC. Thích Nữ Như Như, Thành viên Tăng Ni GH
60. SC Thích Nữ Đạo Hỷ, Thành viên Tăng Ni GH
61. SC Thích Nữ Thảo Liên, Thành viên Tăng Ni GH
62. SC Thích Nữ Thuận Liên, Thành viên Tăng Ni GH
63. SC Thích Nữ Đạo Từ, Thành viên Tăng Ni GH
64. SC Thích Nữ Đạo Hương, Thành viên Tăng Ni GH
65. SC Thích Nữ Đạo Hạnh, Thành viên Tăng Ni GH
66. SC Thích Nữ Đạo Thanh, Thành viên Tăng Ni GH
67. SC Thích Nữ Đạo Tịnh, Thành viên Tăng Ni GH
68. SC Thích Nữ Đạo An, Thành viên Tăng Ni GH
69. SC Thích Nữ Hạnh Nguyên, Thành viên TN GH
70. SC Thích Nữ Huệ Nhẫn, Thành viên TN GH
71. SC Thích Nữ Viên Thường, Thành viên TN GH
72. SC Thích Nữ Giác Anh, Thành viên Tăng Ni GH
73. SC Thích Nữ Giác Duyên, Thành viên Tăng Ni GH
74. SC Thích Nữ Giác Trí, Thành viên Tăng Ni GH

**GHPGVNTN HẢI NGOẠI TẠI ÚC ĐẠI LỢI  
- TÂN TÂY LAN:**

1. HT. Thích Huyền Tôn, Tăng Giáo Trưởng Hội Đồng Giáo Phẩm
2. HT. Thích Như Huệ, Hội Chủ Hội Đồng Điều Hành
3. HT. Thích Bảo Lạc, Phó Hội Chủ Điều Hành HĐĐH
4. HT. Thích Quảng Ba, Phó Hội Chủ Ngoại Vụ HĐĐH
5. HT. Thích Trường Sanh, Phó Hội Chủ HĐĐH Đặc Trách Tân Tây Lan
6. HT. Thích Minh Hiếu, Tổng vụ phó TV Hoằng Pháp
7. TT. Thích Tịnh Minh, Tổng vụ phó TV Tăng Sự
8. TT. Thích Bốn Điền, Viện chủ Chùa Huyền Quang, Thành viên Tăng Ni GH
9. TT. Thích Nguyên Trực, Tổng vụ trưởng TV Cư Sĩ
10. TT. Thích Nhật Tân, Tổng Thư Ký HĐĐH
11. TT. Thích Tâm Minh, Tổng vụ trưởng TV Thanh Niên - GDPT

56. SC Thích Nữ Giác Niệm, Thành viên Tăng Ni GH
57. Ni Cô Thích Đạo Hiếu, Thành viên Tăng Ni GH
58. Ni Cô Thích Liên Hạnh, Thành viên Tăng Ni GH
59. Ni Cô Thích Liên Như, Thành viên Tăng Ni GH
60. Ni Cô Thích Liên Thiện, Thành viên Tăng Ni GH
61. Cư sĩ Lâm Như Tạng, Tổng Vụ phó TV Hoảng Pháp

### **GHPGVNTN HẢI NGOẠI TẠI CANADA:**

1. HT. Thích Bốn Đạt, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành
2. HT. Thích Trường Minh, Thành viên
3. TT. Thích Thiện Quang, Phó Chủ Tịch Nội Vụ HĐĐH
4. TT. Thích Trường Phước, Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ HĐĐH
5. TT. Thích Nguyên Lạc, Chủ Tịch Hội Đồng Giám Sát
6. TT. Thích Trí Thành, Tổng vụ trưởng TV Tăng Sự
7. TT. Thích Viên Diệu, Tổng vụ trưởng TV Cư Sĩ
8. TT. Thích Tâm Hòa, Tổng vụ trưởng TV Hoảng Pháp
9. TT. Thích Nhật Trí, Tổng Thư Ký HĐĐH
10. TT. Thích Nhật Quán, Tổng vụ trưởng TV Văn Hóa
11. TT. Thích Tâm Đăng, Tổng vụ trưởng TV Thanh Niên
12. TT. Thích Đạo Hạnh, Tổng vụ trưởng TV Nghi Lễ
13. TT. Thích Tâm Minh, Tổng vụ phó TV Hoảng Pháp
14. Đại Đức Thích Nguyên Mãn, Tổng vụ trưởng TV Tài Chánh
15. ĐĐ. Thích Đạo Quang, Tổng vụ phó TV Nghi Lễ
16. ĐĐ. Thích Pháp Lạc, Thành viên
17. ĐĐ. Thích Từ Nhẫn, Thành viên
18. ĐĐ. Thích Tín Tâm, Thành viên
19. ĐĐ. Thích Phước Tuệ, Thành viên
20. ĐĐ. Thích Thông Giới, Thành viên
21. ĐĐ. Thích Phước Toàn, Thành viên
22. Ni Sư Thích Nữ Bảo Quang, Tổng vụ trưởng TV Từ Thiện Xã Hội
23. NS. Thích Nữ Như Đức, Vụ Trưởng Vụ Ni Bộ Bắc Tông
24. NS. Thích Nữ Từ Diệu, Tổng Thủ Quỹ HĐĐH
25. NS. Thích Nữ Đức Nghiêm, Thành viên
26. Sư cô Thích Nữ Viên Tánh, Thành viên
27. SC. Thích Nữ Tịnh Niệm, Thành viên
28. SC. Thích Nữ Như Minh, Thành viên
29. SC. Thích Nữ Huệ Thuận, Thành viên
30. SC. Thích Nữ Phổ Tánh, Thành viên
31. SC. Thích Nữ Diệu Hiếu, Thành viên
32. SC. Thích Nữ Thông Huệ, Thành viên
33. SC. Thích Nữ Nhất Nguyên, Thành viên
34. SC. Thích Nữ Thông Tịnh, Thành viên
35. SC. Thích Nữ Hỷ An, Thành viên
36. SC. Thích Nữ Hỷ Lạc, Thành viên
37. SC. Thích Nữ Khánh Từ, Thành viên
38. SC. Thích Nữ Tánh Hiền, Thành viên
39. Cư sĩ Hạnh Cơ, Phụ tá Tổng vụ trưởng TV Giáo Dục, đặc trách Phiên dịch
40. Cư sĩ Minh Chơn - Nguyễn Văn Chính, Trưởng Ban HDTƯ GDPTVN tại Canada



thơ

### **'MỘT TIẾNG NÓI CHUNG' OAI HÙNG NHƯ SƯ TỬ**

*Một tiếng vang sáng cả bầu trời u tối  
Tâm lòng chung làm rạn vỡ cả nhân thiên  
Nửa thế kỷ qua trong thẳm trầm vinh nhục  
Đôi lời... mà bao thế hệ được bình yên!*

*Tiếng hùng lực của chính loài sư tử chúa  
Gầm thét lên cho rừng núi được xanh tươi  
Mặt trời mọc muôn loài hân hoan nhảy múa  
Thế nhân ơi, ôi đẹp quá những nụ cười!*

*Giậu đổ, bìm leo ngôi nhà chung hoang vắng  
Rắn, rết, lên bờ cóc nhái cũng nghinh ngang  
Một thời loanh quanh, ngòi cùng nhau im lặng  
Cho nỗi buồn từng lần át tiếng thở than!*

*Giòng lịch sử của mấy ngàn năm thuở trước...  
Cha ông mình mang bao dung đi dựng nước  
Năm mươi năm tròn con nước vẫn đây voi  
Tiếng nói chung quà 'bi, tri' tặng cho đời!*

*Niềm hy vọng dưỡng nuôi nhau tròn ước vọng  
Dựng lại những gì từng đổ nát thương đau  
Xin sẽ giữ hết cho dù là gạch ngói  
Trái con đường rộng vì con cháu mai sau.*

### **NHẬT TRÍ**

Thanh kính đánh lễ chư tôn đức tăng già  
ở khắp mọi châu lục.

# SƯ TỬ TRÙNG

(*Câu Chuyện Dưới Cờ* — bài viết hàng tuần của GDPT do **Nhóm Áo Lam** thực hiện)



*Ba nguồn công đức nghiệp  
Cứu độ khắp quần sanh*  
(234)

Thưa Anh Chị Em Huynh trưởng bốn phương,

Mặc dù kho tàng kinh điển Phật giáo rất đồ sộ, các vị học giả nghiên cứu Phật học đều nói rằng “Phật pháp cao siêu màu nhiệm” nhưng khi đức Phật còn tại thế, hằng ngày sống trong Tăng đoàn, ngài không quên uốn nắn cho đệ tử của mình những cử chỉ nhỏ nhặt, tầm thường, sao cho những hành động của thân, miệng, ý được thanh tịnh, trang nghiêm. Thật vậy, bản thân ngài khi xuất hiện trong kinh Kim Cang cũng bình dị, đơn sơ như một vị tỷ kheo thường thấy, ôm bình bát vào thành Xá Vệ khất thực. Hình ảnh thân thiết gần gũi với chúng sanh ấy nói lên sức mạnh tâm linh, sức mạnh mà tên cướp Angulimala phải cúi đầu khuất phục, sức mạnh làm cho ngài mãi ngự trị trong lòng Phật tử trên toàn thế giới cho đến ngày nay—đã 25 thế kỷ qua rồi—ngài trở thành tấm gương sáng muôn đời cho thế nhân.

Trong CCDC hôm nay, xin kể ACE nghe chuyện “**Sáu vị tỷ kheo mang quốc**” để chúng ta thấy rõ giáo dục Phật giáo hay cách giáo huấn đệ tử của đức Phật tử ngàn xưa vẫn là giữ chánh niệm trong từng động tác của thân, lời, ý... sao cho đừng gây tổn hại cho người khác, trước nhất là những người chung quanh mình.

Lúc ấy đức Phật đang ở Tinh xá Trúc Lâm gần thành Vương Xá, trong Tăng đoàn có 6 vị tỷ kheo thường mang quốc đi qua lại trên sân chùa làm bằng đá, làm kinh động những vị tỷ kheo khác đang ngồi thiền. Tiếng quốc vang đến chỗ của đức Phật, khiến ngài phải gọi tôn giả A nan vào để hỏi xem cho biết tiếng động gì mà vang lên mãi như thế. Khi biết được đó là do 6 vị tỷ kheo mang quốc đi lại trong sân đức Phật bèn chỉ thị cho đại chúng, cấm tỷ kheo không được mang quốc. Ngài còn dạy thêm rằng, tỷ kheo phải biết giữ gìn ba nghiệp cho thật trong sạch: **giữ thân chẳng hành**

**động sai quấy, giữ miệng chẳng nói lời cộc cằn, giữ tâm ý chẳng nghĩ những điều đen tối.** Rồi đức Phật nói lên các bài kệ sau đây:

*Đừng hờn giận, giữ thân mình  
Chớ vì cau có, thân sanh làm  
xăng  
Hành vi xấu, thân hằng dứt bỏ  
Cử chỉ lành, thân cố giữ gìn*  
(Kinh Pháp Cú - kệ số 231)

*Đừng hờn giận, giữ miệng  
minh,  
Chớ vì cau có miệng sanh cộc  
cằn  
Lời thô ác miệng hằng dứt bỏ  
Tiếng dịu hiền miệng cố giữ  
gìn*  
(KPC\_kệ số 232)

*Đừng hờn giận, giữ ý mình  
Chớ vì cau có ý sanh dữ dẫn  
Tà kiến ác, ý hằng dứt bỏ  
Chánh tư duy ý cố giữ gìn*  
(KPC\_kệ số 233)

*Bậc hiền trí chế phục thân  
Giữ gìn cửa miệng, giữ an tâm  
minh  
Giữ ba nghiệp: thân miệng ý  
Thanh tịnh hoàn toàn: điều  
phục xong*  
(KPC\_kệ số 234)

Đó là những bài Việt dịch của cư sĩ Thiện Nhựt, sau đây là những bài dịch của thiền sư Phạm Thiên Thư—thi hoá từ tưởng Pháp Cú thành “Suối Nguồn Vi Diệu”:

*Giữ thân sạch phiền não  
Như tia lá ươm hoa  
Hương thơm thoảng gió mát  
Dâng khắp cõi trần sa*  
(231)

*Giữ lời sạch tham giận  
Nói lời cho chánh chân  
Lìa xa thói thô ác  
Nói theo gương hiền nhân*  
(232)

*Gìn ý khỏi nóng giận  
Điều phục ý tinh thuần  
Thoắt lìa mê vọng nghiệp  
Thoắt ngộ lời chính chân*  
(233)

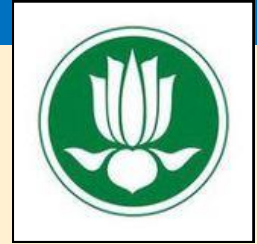
*Bậc trí huệ điều ngự  
Thân, Khẩu, Ý trọn lành*

Thưa Anh Chị Em,  
Chỉ mới có 6 vị tỷ kheo đi quốc làm trở ngại việc ngồi thiền của chư Tăng mà đức Phật đã nói lên đến 4 bài kệ để cảnh giác; nếu đức Thế Tôn còn tại thế hôm nay, không biết ngài phải nói bao nhiêu lời giáo huấn cho đàn hậu duệ “**sư tử trùng**” quá ngang tàng của ngài! Họ đánh phá người tốt để câu nói của ngài đã ứng hiện “*chỉ có sư tử trùng mới ăn thịt được sư tử.*”

Chúng ta còn nhớ rõ lời của ma Ba Tuần “tiền tri” với đức Phật, Ma Ba Tuần nói: “Bây giờ ngài đạo cao đức trọng, tôi không thể quấy phá ngài được nhưng sau này khi con cháu của ngài đã thoái hoá, đạo của Ngài sẽ suy tàn, vì tôi sẽ cho con cháu của tôi hiện thân làm Tăng, Ni, Phật tử... để phá Đạo của ngài.” Thật vậy, nếu người Phật tử không tự cảnh giác mình, không giữ gìn ba nghiệp thanh tịnh, không sợ nhận quả báo ứng, ăn nói bậy bạ, hỗn hào vô phép, hùa theo người ngoài, không biết gì cả mà cứ viết loạn xạ, nói vung vít... hậm chí dám yu oan giá họa cho quý Thầy quý Ông của mình những điều động trời, không thể tưởng tượng được, v.v... thì những người ấy sẽ trở thành con cháu của ma Ba Tuần đó, không còn xứng đáng mang danh Phật Tử nữa.

Mỗi người đều có Phật tánh, mỗi ACE chúng ta đều có ngọn đuốc trong lòng... Hãy cẩn trọng thắp đuốc lên mà đi, đừng nghe “ma quỷ” xúi giục đi trên đường xấu, làm những điều xằng bậy để một ngày kia hối hận, muốn quay lại cũng không kịp nữa rồi!!

Trần trọng,  
**BBT**



# HẠNH HIỆN THÂN

(**Phật Pháp Thứ Năm** — bài viết hàng tuần của GDPT do **Nhóm Áo Lam** thực hiện)

Thưa Anh Chị Em Áo Lam ,  
Đức Quán Thế Âm là vị bồ tát rất quen thuộc với chúng sanh, nhất là đối với ACE Huynh trưởng GDPT—vì người Phật tử chúng ta học kinh Pháp Hoa, tụng Phổ Môn, thực hành hạnh Từ Bi của đức Quán Thế Âm trong cuộc sống. Thế nhưng trong Phẩm Phổ Môn, chúng ta biết ngài còn có nhiều hạnh nữa như hạnh Hiện thân chẳng hạn:

*... Cụ túc thân thông lực  
Quảng tu trí phương tiện  
thập phương chư quốc độ  
vô sát bất hiện thân”*

*...  
(Đầy đủ sức thân thông  
Rộng tu trí phương tiện  
Các cõi nước 10 phương  
Không cõi nào chẳng hiện...)*

Hiện thân là gì? ACE chúng ta có thể học theo hạnh này của ngài không? — “Hiện thân” là hạnh nguyện đem thân này gởi vào Phật Pháp nghĩa là nếu có ai khổ, cần đến sự giúp đỡ của chúng ta, chúng ta sẽ đến đó; ai cần được lắng nghe, được an ủi, chúng ta nguyện đến đó để lắng nghe, để an ủi; ai cần sẵn sóc phục vụ chúng ta sẵn sàng sẵn sóc, giúp đỡ, phục vụ v.v... Thực hiện hạnh này, chúng ta có quyết tâm chuyên hoá thói xấu ích kỷ, đố kỵ,... thành tính tốt tùy hỷ, vị tha, làm lợi ích cho tha nhân, biết quan tâm, biết thương xót, biết vui với cái vui của người khác, biết khóc với người đau khổ, đang khóc, dành thời gian cho người khác v.v... Thực hành hạnh này, chúng ta sống trong tâm Phật và chư bồ tát: mong muốn mọi điều tốt cho người, vui với sự thành công của người, giúp đỡ người hoàn thành mục đích tốt đẹp của họ, không quấy phá, làm hại người khác, sẵn sàng nhín thời gian của mình cho người đang cần mình giúp đỡ v.v...

Thực hành hạnh này chúng ta sẽ từ bỏ được tính xấu phân biệt, kỳ thị, thành kiến, cố chấp v.v... để trở nên cởi mở,

rộng rãi, tha thứ, bao dung nghĩa là biểu hiện của tình thương không phân biệt, vô điều kiện, để thực tập lòng từ bi của Bồ tát Quán Âm.

Thưa Anh Chị Em,  
Người Huynh trưởng chúng ta, hằng tuần, không cần ai mời thỉnh, không cần ai trả lương, vẫn chuyên cần đi sinh hoạt Gia Đình, giảng dạy Phật Pháp, Việt Ngữ, Hoạt Động Thanh Niên, Cứu thương v.v... cho các em đoàn sinh của mình. Em nào gia đình không có xe đưa đón, Anh/Chị Huynh trưởng sẽ đến đón đi sinh hoạt; nếu đói bụng, khát nước, Anh/Chị trưởng mua thức ăn, nước uống cho các em trước hay sau khi đến sinh hoạt hay từ Đoàn quán trở về nhà... Có khi cha mẹ các em bận công việc làm ăn không đến đón các em giờ chia tay ra về, Anh/Chị trưởng phải đóng vai “babysit” trong mấy tiếng đồng hồ hay có khi cả buổi... Tất cả những việc này không chỉ xảy ra một hai lần mà gần như quanh năm suốt tháng, mùa hè cũng như mùa đông... không một ai than van phàn nàn gì cả, xem như đó là nhiệm vụ của mình... Có lẽ đây là yếu tố giúp tổ chức chúng ta tồn tại và phát triển mạnh và nhanh nhất trong tất cả các đoàn thể trên thế giới. (Tổ chức nào cũng có lương, có “fund”, riêng GDPT



hoàn toàn không nhận tài trợ của bất cứ cơ quan đoàn thể nào)

Có những Anh /Chị đã cao tuổi, được mời đến giảng cho các tại huấn luyện, hay những buổi hội thảo... phải tự túc đến đất trại, không được thù lao một đồng tiền cắc bạc nào cả, có khi còn bỏ tiền túi tặng quà cho Trại nữa, ấy thế mà vẫn vui vẻ hăng hái còn hơn khi được làm giáo sư thỉnh giảng cho các trường, công ty mà họ được trả lương hậu hĩnh nữa.

Nói tóm lại, anh chị em Huynh trưởng chúng ta, dù ở độ tuổi nào cũng lấy việc cống hiến thời gian, sức khoẻ, trí tuệ... của mình cho tổ chức, cho các thế hệ đàn em... Như vậy, không phải chúng ta đã thực hành hạnh nguyện hiện thân của đức Quán Thế Âm rồi hay sao? Điều quan trọng là chúng ta làm những gì không thấy mình có làm cái gì cả, không thấy mình đã làm ơn làm phúc cho ai cả, và cũng không thấy có người nào “nợ” của mình cả... đó mới chính là đúng theo tinh thần vô ngã của đạo Phật. Từ đó chúng ta không bao giờ khoe khoang hay kể công... Nếu chúng ta trong một phút bất giác nào đó tưởng mình là “công thần”, “khanh tướng”... vì đã có công lớn với GDPT, đòi hỏi ACE phải biết ơn mình, ca tụng mình, tôn xưng mình v.v... thì ngay lúc đó, chúng ta coi như đã bị “tẩu hoá nhập ma” rồi, chúng ta không phải học Kinh / Phật Pháp , thăm nhuần Kinh/ Phật Pháp mà trái lại đã bị bệnh nặng vì không tiêu hoá được Kinh / Phật Pháp đến nỗi không có lợi mà còn bị hại! Như vậy thì thật là đáng buồn, đáng tiếc!

Thân kính chúc ACE chúng ta luôn giữ Chánh niệm để sống đời Huynh Trưởng GDPT một cách chân chính nhất, xứng đáng với danh hiệu “GDPT cũng là một pháp môn tu.”

Trân trọng,  
**BBT**



**Lá Thư Đầu Tuần:**

Bài viết hàng tuần của GDPT trên trang nhà GDPTVN Trên Thế Giới

# CHO VÀ NHẬN

Thưa Anh Chị Em Lam viên bốn phương ,

Kinh Kim Cang có dạy: "...  
*Đối với các pháp, nên không có chỗ trụ mà làm việc bố thí. Chẳng trụ nơi Sắc mà bố thí, chẳng trụ nơi Thanh mà bố thí... Bố thí như vậy thì phước đức có được sẽ vô cùng lớn.*"

Khi đọc đến đây, vài ACE trong chúng ta thắc mắc rằng: Phần nhiều bố thí là bố thí tiền bạc, áo quần, thuốc men, thức ăn v.v... tất cả đều là "sắc" chứ sao đức Phật lại dạy là đừng trụ vào sắc mà bố thí? Những thứ này không phải là "sắc" hay sao? Lại nữa, khi bố thí thì phải nói, phải giải thích, v.v... chứ làm sao mà không trụ vào (âm) thanh được?

- Xin thưa, không phải ý như vậy!

Bố thí không trụ vào sắc có nghĩa là bố thí mà không dính mắc, không cố chấp ("bố thí" là "cho" là xả, còn "trụ" là bám víu, dính mắc, chấp thủ).

Thật vậy, khi CHO - bố thí - là cứu giúp, cứu khổ, cứu trợ v.v... những người đang thiếu thốn, đang đói lạnh, đang đau khổ đang cần sự giúp đỡ của mình; mình đem CHO họ cơm áo, gạo, tiền, thuốc men... với tình thương vô điều kiện (unconditional Love) không so đo tính toán, không cần báo đáp, không phô trương, không quảng cáo, không chê bai những ai không có điều kiện để bố thí giống như mình, không phê phán người này người kia không làm cùng lúc với mình hay cùng phương cách như cách của mình v.v... tất cả những điều này đều là "trụ" vào hình tướng và âm thanh. Cho mà còn ham được khen, được tán thán công đức, ai chưa kịp làm như mình thì mình phê bình là chậm chạp, là thờ ơ, rồi mình thất vọng, mình phiền não... đủ thứ chuyện hết! Như vậy là bố thí chưa đúng cách, vì còn cố chấp dữ quá! Cũng giống như mình ăn chay rồi chê những người không ăn chay vậy đó!

Xin kể ACE nghe câu chuyện bố thí cúng dường để từ đó chúng

ta rút ra được những bài học hay: Đại sư Nhật Cư (Nhật) là một thiền sư lỗi lạc, được đại chúng trong Chùa kính nể. Một hôm có một vị quan lớn mời đại diện chư Tăng của Chùa đến dự tiệc tại nhà mình. Chùa cử đại sư đi. Khi Sư đến, những người gác cổng thấy Sư ăn mặc xuề xoà, nghĩ rằng không phải khách quý, không cho vào cửa. Sư trở về chùa, thay bộ y áo mới, đến nơi dự tiệc liền được kính cẩn mời vào. Trên bàn tiệc, Sư không ăn, chỉ lấy thức ăn và cơm bỏ vào trong tay áo tràng... Chủ nhân thấy vậy thưa rằng: Bạch đại sư, xin mời đại sư dùng cơm, chốc nữa ăn xong, chúng tôi sẽ có phần cúng dường Sư đem về. Sư cười trả lời: "Ta đang cho cái áo ăn đó chứ! Các ngài mời cái áo chứ đâu có mời ta!" Chủ nhân hiểu ra, cúi đầu đành lễ sám hối!

Thưa Anh Chị Em,  
Bài học đại sư dạy ACE chúng ta là bố thí cúng dường thì cốt ở cái tâm thành không phải ở hình thức, cúng dường kiểu vị quan lớn trong câu chuyện trên đây đúng như Đại sư nói là cúng dường áo quần sang trọng chứ không phải cúng dường chư Tăng!

Cũng vậy, bố thí, cúng dường, cứu trợ... đều có nghĩa là "cho" thì chủ yếu là tìm một phương pháp, lên một kế hoạch, sao cho có được nhiều tiền bạc, thuốc men, áo quần, vật dụng



v.v... để thực hành bố thí, chứ không phải chỉ kêu gọi suông rồi thắc mắc, phê phán lung tung, thậm chí chê bai... những ai không có bề mặt nổi, không hô hào cứu trợ như mình! Chuẩn bị cứu trợ là tập trung trí tuệ để phân công phân nhiệm, kết hợp nhịp nhàng từ trong nước ra hải ngoại, sao cho việc cứu trợ được hoàn hảo, tiền cứu trợ phải hoàn toàn đến tay người cần được cứu trợ v.v... Công việc đòi hỏi phải động não chứ không chỉ đứng ngoài nhắc nhở! Mà có khi không biết đối tượng cần nhắc nhở là ai!

Thật vậy, CHO và NHẬN tuy là những việc chúng ta gặp hằng ngày, vì không ai trên đời này mà chưa từng nhận hay chưa từng cho; nhưng người CHO và người nhận ai hạnh phúc hơn ai, cái này còn tùy. Bà mẹ cho con bú sữa, cho con tất cả những gì quý giá nhất của đời mình, có khi đứa con không biết để nói một lời cảm ơn nhưng người mẹ cảm thấy hạnh phúc vô cùng. Nàng Tu Xa Đa cúng dường bắt sữa cho đức Phật, không ngờ được rằng mình đã đóng một vai trò quan trọng trong quá trình tu luyện của một đấng giác ngộ. CHO không chỉ có lợi ích đối với người nhận mà lợi ích đem về người CHO rất lớn, vì hành động bố thí giúp chúng ta bớt tham lam, học hạnh XÁ LY, BUÔNG BỎ... Cao hơn một tầng là bố thí Ba La Mật, ở đây người bố thí, cúng dường, cứu trợ không thấy có người cho, người nhận và cả vật đem cho (gọi là 3 KHÔNG); bố thí như vậy chính là đã đạt đến tinh thần vô ngã mà Kinh Kim Cang muốn đề cập. "Của cho" không chỉ là vật chất mà có khi còn là tinh thần nữa (một lời nói, một cử chỉ, sự lắng nghe, sự chia sẻ v.v...)

Thân kính chúc ACE Áo Lam luôn tinh thức - trong từng ý nghĩ, lời nói, và cử chỉ, hành động - để đừng phạm sai lầm trong cư xử hằng ngày, trong việc CHO và NHẬN.

Trân trọng,  
**BBT**





# TU SĨ VÀ LUẬT DI TRÚ TẠI HOA KỲ

## GIẢI ĐÁP THẮC MẮC (tiếp theo)

Tổng Vụ Pháp Chế GHPGVNTNHK thực hiện

**HUỶNH TẤN LÊ** biên soạn

Trong bài viết hôm nay chúng tôi xin tiếp tục đưa lên đây một số câu hỏi mà hằng ngày quý Tăng Ni, các chùa thường hay hỏi và cũng là thắc mắc chung của hầu hết mọi người.

Trước khi đi vào các câu hỏi đáp, chúng tôi muốn nêu lên đây một vấn đề vô cùng quan trọng đó là việc bảo lãnh hay tiếp tục bảo lãnh tu sĩ từ các nước kém mở mang đến các xứ tiền tiến hay nói một cách tổng quát là bảo lãnh một tu sĩ từ nước này đến nước khác. Luật lệ Di Trú tại Hoa Kỳ cho phép các Giáo Hội, cơ sở tôn giáo được quyền bảo trợ nhân viên tôn giáo đến làm việc cho mình trong những điều kiện luật định. Vấn đề đặt ra là bảo lãnh có những lợi ích gì và bên cạnh đó có thiệt hại gì cho cơ sở đứng ra bảo lãnh. Như những cơ sở thường mại ngoài đời quảng cáo: "bảo lãnh là lọ cho thể hệ tương lai." Những tổ chức tôn giáo mỗi lần hội họp đều có đề mục nói về giới trẻ và nhìn về tương lai của tổ chức. Như đề tài đã quy định, chúng tôi chỉ bàn trong tổ chức Phật Giáo, việc bảo lãnh có những lợi ích gì và bên cạnh đó có phiền hà, rắc rối gì cho chính mình và cho cộng đồng?

Trước hết xin đưa ra những lợi điểm:

1. Lợi điểm đầu tiên là có người làm việc mà mình không phải đầu tư, huấn luyện gì cả. Đó là một thực tế mà chúng ta phải nhìn nhận. Dĩ nhiên ở đây là làm việc như một tu sĩ chứ không phải là một người lao động.

2. Lợi điểm thứ hai là khi có người làm việc thì mình có thể phát triển nhiều chương trình khác nhau từ cơ sở đến công tác tôn giáo, xã hội...

3. Nếu có nhiều tu sĩ từ 4 vị trở lên mình sẽ có một tập thể tu hành (Tăng đoàn), trang nghiêm đạo tràng và cũng trang nghiêm cho chính mình.

4. Có người tin cậy, giao phó trọng trách và ngay cả có người kế thừa sau này.

Bên cạnh những lợi lạc tổng quát nêu trên, có thể những đau đầu sau đây:

1. Sự gièm pha của một số Phật tử nhất là bên ngoài cộng đồng là chùa này không còn chống cộng..., bây giờ có nhiều người bên Việt Nam mới sang... đủ thứ lời qua tiếng lại.

2. Nếu gặp vị tu sĩ không hợp trong phương cách làm việc thì sẽ bị nhức đầu và phiền hà.

3. Có nhiều lúc không hợp nhau nhưng họ vẫn cố gắng làm việc cho đến ngày có thể xanh thì mang gỏi ra đi.

**Câu hỏi 18.** Tôi đã có thể xanh và đã mua một cơ sở để lập chùa, tôi đã xin giấy phép của chùa từ tiểu bang và liên bang, tôi không có giấy phép từ thành phố địa phương vì cơ sở nhỏ không đủ điều kiện. Tất cả đều do tôi đứng tên. Bây giờ tôi đi làm để kiếm tiền trang trải cho chùa. Việc này có trái với tinh thần người Tu Sĩ làm việc tại Hoa Kỳ không?

**Trả lời:** Không sao cả vì bây giờ Thầy/Cô đã hoàn toàn tự túc không còn nhờ vào chủ nhân tức ngôi chùa bảo lãnh mình trước đây. Hoa Kỳ là một xứ đầy cơ hội cho tất cả mọi người. Luật Di Trú qui định trong đoạn văn tiếng Anh dưới đây chúng tôi xin được trích ra từ những điều kiện để xin R-1 cho một tu sĩ, việc trả lương cho việc làm của vị tu sĩ mà Sở Di Trú đòi hỏi trước khi đến Hoa Kỳ theo diện nhà truyền giáo. Chủ nhân có thể trả lương hay không trả lương. Việc không trả lương này có thể xảy ra trong trường hợp một là chủ nhân lo hết tất cả mọi nhu cầu của người tu sĩ hai là người tu sĩ làm việc trong chương trình truyền giáo có tính cách quốc tế do Giáo Hội (Giáo Phận) bảo trợ. Tóm lại người tu sĩ có quyền đi làm công việc ngoài đời, lãnh lương và khai thuế sau khi có thể xanh miễn là vẫn giữ công việc của một tu sĩ.

*"The petitioner is willing and able to provide salaried or non-salaried compensation to the beneficiary. If the beneficiary will be self-supporting, the petitioner must submit documentation establishing that the position the beneficiary will hold is part of an established program for temporary, uncompensated missionary work, which is part of a broader international program of missionary work sponsored by the denomination. If the position is not a religious vocation, the beneficiary will not engage in secular employment, and the petitioner will provide salaried or non-salaried compensation. If the position is a traditionally uncompensated and not a religious vocation, the beneficiary will not engage in secular employment, and the beneficiary will provide self-support".*

**Câu hỏi 19.** Tôi đến Hoa Kỳ theo diện B1-B2 thời hạn 6 tháng, Chùa tại Hoa Kỳ đã nộp đơn I-129 để xin R-1 cho tôi được ở lại. Bây giờ đã sắp hết hạn và R-1 thì chưa có, tôi tiếp tục ở lại hay về VN trước khi hết hạn B1-B2.

**Trả lời:** Đúng hạn thì bắt buộc phải ra về và chùa đã xin R-1 phải bổ túc là xin interview tại VN và cho SĐT biết là hiện giờ người thụ hưởng đã đi về VN rồi. Hiện giờ thời gian giải quyết cho một hồ sơ I-129 không nhất thiết phải 3, 4 hay 5 tháng nên khi gặp trường hợp đi bằng đối tượng B1-B2 có thời gian nhất định thì chùa phải xin bằng phương cách Premium Processing để trong vòng hai tuần Sở Di Trú sẽ giải quyết xong. Lệ phí cho Premium Processing hiện giờ là \$1,225.00.

Trong lần sau sẽ tiếp tục câu hỏi thứ 20. Mọi sự phê bình, bổ túc, cần hỏi thêm và đề tài đề nghị xin liên lạc Tòa Soạn Báo Chánh Pháp hay điện thư [driehtuynh@gmail.com](mailto:driehtuynh@gmail.com) hoặc gửi thơ về Tổng Hội Cư Sĩ Phật Giáo số 1612 N. Spurgeon St., Santa Ana, CA 92701.

# MẪU HÌNH NGƯỜI CƯ SĨ LÝ TƯỞNG

## Chúc Phú

Trong những chúng đệ tử Phật, thì chúng cư sĩ tại gia chiếm số lượng đông đảo và có những ảnh hưởng nhất định đối với diện mạo của Phật giáo nói chung. Khảo sát từ kinh tạng và qua cuộc đời của những vị cư sĩ tiêu biểu thời Phật cho thấy, mẫu hình người cư sĩ lý tưởng được Đức Phật đề cập khá cụ thể và chi tiết. Theo khảo sát, một người cư sĩ lý tưởng phải hoàn thiện bốn phẩm chất cơ bản: *Ổn định về kinh tế; trang nghiêm về giới hạnh; thẳng băng và điều hòa; hộ pháp và hoằng pháp.*

### Ổn định về kinh tế

Chúng sanh sở dĩ tồn tại là nhờ vật thực<sup>(2)</sup>. Muốn tồn tại thì cần phải có điều kiện của tồn tại. Điều kiện tồn tại của chúng sanh là thức ăn trong nghĩa rộng nhất của từ ngữ. Ở đây, sự ổn định và vững chãi về kinh tế là điều kiện cơ bản cho mọi sự tồn tại của một con người nói chung và người cư sĩ nói riêng. Hơn thế, với một người cư sĩ, ngoài vật thực nhằm đáp ứng nhu cầu tồn tại, thì cần phải có những bốn phạm tương ứng trong các mối quan hệ của mình.

Cụ thể, người cư sĩ cần phải có nền tảng kinh tế vững vàng nhằm đem lại an lạc cho cha mẹ, vợ con và những người thân liên quan<sup>(3)</sup>. Người cư sĩ tạo sinh kế và điều kiện sống cho kẻ khác, đem lại lợi ích, an lạc, hạnh phúc cho kẻ khác, được Đức Phật gọi là bậc *chấn nhân*<sup>(4)</sup>. Chiêm nghiệm sâu thêm về giá cảnh của các vị đại thí chủ tiêu biểu trong thời Đức Phật như Anathapindika, Visakha, Maticamata, Vimalakirti... cho thấy rằng, họ là những cư sĩ có một nền tảng kinh tế khá ổn định và vững vàng.

Một đời sống tự chủ về kinh tế thì sẽ ngăn ngừa cũng như phòng hộ một số loại phiền não, tránh được những thúc bách liên quan đến nhu cầu vật chất thường gặp, trong đời sống thường nhật của một cư sĩ tại gia. Theo Đức Phật, nghèo khổ là một phiền não. Vì nghèo khổ góp phần làm xuất sinh nhiều chủng loại phiền não khác như bị mắc nợ, bị hối thúc, bị truy đuổi, bị đe dọa tính mạng, bị khủng bố<sup>(5)</sup>... Theo kinh *Cú la đàn đầu*<sup>(6)</sup>, thì nghèo khổ và nghèo khổ quá mức còn là cửa ngõ dẫn khởi những hệ lụy, những nguy cơ tội ác. Đây là một thực tế có thể phát hiện trong dòng chảy tất bật của đời sống ngày nay.

Với người cư sĩ, Đức Phật luôn khuyến khích họ nỗ lực mưu sinh bằng khả năng riêng có và điều kiện nghiệp lực của riêng mình. Theo Đức Phật, không có sự sang hèn trong nghề nghiệp mưu sinh, không có sự phân biệt về giá trị giữa người nông phu hay viên sĩ quan quân đội. Ngoài năm nghề nghiệp bất chánh như *buôn bán đao kiếm, buôn bán người, buôn bán thịt, buôn bán rượu, buôn bán thuốc độc*<sup>(7)</sup> mà người cư sĩ không nên làm, thì cụm từ *bất cứ nghề gì* được ghi lại trong kinh *Tăng chi*<sup>(8)</sup> đã xác quyết, Đức Phật cho phép người cư sĩ tại gia được quyền mưu sinh bằng tất cả khả năng cũng như mọi điều kiện có thể, nhằm xây dựng một nền tảng kinh tế ổn định và bền vững.

Ngoài việc thừa nhận hạnh phúc về sở hữu và được quyền thọ hưởng vật sở hữu của người cư sĩ tại gia, thì Đức Phật đã từng bước khuyến khích hàng cư sĩ nên nỗ lực tìm kiếm những thứ hạnh phúc cao, bền vững hơn. Cụ thể như những hoạch định nhằm đem lại an lạc cho tha nhân, dẫn thân vì lợi ích cho cộng đồng cũng như phát tâm hộ trì Tam bảo.

Để hoàn tất những bốn phạm cần làm của người cư sĩ, cũng như thể hiện những ước nguyện đáng quý và thanh cao, thì điều kiện quan trọng đối với hàng cư sĩ tại gia, là phải ổn định về kinh tế.

### Trang nghiêm về giới hạnh

Cùng song hành với niềm tin Tam bảo, người cư sĩ cần phải hoàn thiện những nguyên tắc đạo đức căn bản, kinh điển gọi là giới hạnh. Theo Đức Phật, một cư sĩ được gọi là trang nghiêm về giới hạnh thì cần phải hoàn thiện những phẩm chất: *từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu nẫu*<sup>(9)</sup>. Đây là năm nguyên tắc sống căn bản, là phẩm hạnh căn cốt của một người cư sĩ, là điều kiện để sanh Thiên giới. Người hoàn thiện đầy đủ năm phẩm chất này, còn được gọi là bậc *c'`hân nhân*<sup>(10)</sup>. Từ việc khảo sát kinh tạng cho thấy, tần suất của năm chuẩn mực đạo đức này được Đức Phật lặp lại hàng trăm lần và xuất hiện trong nhiều bối cảnh khác nhau. Điều đó đã khẳng định sự quan trọng của năm nguyên tắc sống này, trong đời sống căn bản của một người cư sĩ.

Không những thế, ngoài năm nguyên tắc mang tính cố định, mẫu mực nêu trên, trong thực tế đời sống, người cư sĩ đúng mực cần phải thực hiện theo mười chuẩn mực đạo đức mang tính bổ trợ như: *kiêm hạ, tàm quý, trung thực, kiên định, không phóng dật, nhẫn nhục, biết ơn, buông xả, dẫn thân và tiết tháo*. Đây là những chuẩn mực đạo đức mang tính bổ trợ, được Đức Phật tùy thuận thuyết giảng rải rác trong kinh. Sự hoàn thiện năm nguyên tắc và mười chuẩn mực đạo đức kể trên, tạo nên một phẩm chất đạo đức riêng có của một người cư sĩ lý tưởng.

Trong những lời dạy cuối cùng với những cư sĩ ở Pataligama, Đức Phật đã khẳng định có năm điều lợi ích đối với một cư sĩ trang nghiêm về giới luật. Thứ nhất, sẽ có tiền của đời dào vì có được một đời sống không phóng dật. Thứ hai, được danh thơm tiếng tốt đồn xa. Thứ ba, người giữ giới đi vào hội chúng nào, hoặc Sát-đế-ly, hoặc Bà-la-môn, hoặc gia chủ, hoặc Sa-môn, người ấy đi vào với tâm thần không sợ hãi, không bối rối. Thứ tư, người giữ giới, sống theo giới luật sẽ chết với tâm hồn không rối loạn. Và cuối cùng, người giữ giới, sống theo giới luật sau khi thân hoại mạng chung, sẽ được sanh vào thiện thú, thiên giới. Đây có thể được coi là những quan tâm cuối cùng của Đức Phật, đối với hàng cư sĩ tại gia, được kinh *Trường bộ*<sup>(11)</sup> và kinh *Tiểu bộ*<sup>(12)</sup> đồng xác tín.

Và để người cư sĩ tại gia gặp nhiều thuận lợi trong phương diện hành trì giới luật, Đức Phật đã có những lưu ý đặc biệt về môi trường sống, về quan hệ giao lưu bạn bè, từ trong kinh điển gọi là *làm bạn với*

thiện<sup>(13)</sup>. Làm bạn với thiện là thân cận với những vị có giới đức, có niềm tin; giao lưu và học tập theo gương của các vị đó. *Làm bạn với thiện* theo chuẩn mực Phật dạy còn mang ý nghĩa tiên phong hơn cả câu thành ngữ: *Hãy cho tôi biết bạn của bạn là ai, tôi sẽ cho bạn biết bạn là người như thế nào.*

Phẩm hạnh đạo đức sở dĩ có được là do hành trì. Với một người cư sĩ tại gia, việc áp dụng lời dạy của Đức Phật trong thực tiễn đời sống, cũng như có được một pháp môn căn bản để hành trì, là điều rất mực quan trọng. Ngay một người cư sĩ bận rộn như Visakha, bà vẫn ưu tư về một pháp môn hành trì phù hợp với thực trạng đời sống của người cư sĩ, để rồi được Đức Phật dạy cho pháp tu Bát quan trai<sup>(14)</sup>. Từ đó thấy, tùy theo điều kiện của bản thân mà người cư sĩ có thể chọn lấy một pháp hành tương ứng. Đừng quan ngại sự tẻ nhạt hay đơn điệu của pháp hành trong giai đoạn đầu. Hãy đi rồi sẽ tới. Ở đây, để việc hành trì có kết quả, người cư sĩ nên nhờ một vị xuất gia có tâm và tuệ góp ý và lựa chọn cho mình một pháp hành, tương thích với điều kiện nghiệp lực của bản thân.

Người cư sĩ xông xáo trong đời nên thân và tâm dễ bị va chạm, thương tổn và hư hao. Với không gian hữu hạn của kiếp người và quỹ thời gian hạn chế do việc mưu sinh, do vậy, việc quan yếu của người cư sĩ là phải nỗ lực nỗ lực nhỏ mũi tên sâu muộn trong kiếp sống này, bằng cách ứng dụng và hành trì theo những học pháp căn bản, mà Đức Phật đã tùy thuyết cho người cư sĩ tại gia.

### Thăng bằng và điều hòa

Một đời sống ổn định, có khí lực sung mãn thì phải có một sự điều tiết thăng bằng và điều hòa thân, tâm. Điều thân cũng là một vấn đề quan trọng trong đời sống cũng như trong tu tập. Vì lẽ, nếu như thân không khỏe mạnh, bệnh tật liên miên, tất sẽ gặp nhiều trở ngại trong cuộc sống đời thường cũng như trong lộ trình tu tập.

Trước hết, muốn có được một thân thể tráng kiện, khinh an, thì phải *ăn uống cho thích nghi*<sup>(15)</sup>. Trường hợp Đức Phật khuyên vua Pasenadi tiết độ trong ăn uống được ghi lại trong kinh *Tương ưng* là một ví dụ điển hình. Theo kinh, vua Pasenadi có một thân thể nặng nề vì ăn uống quá độ nên gặp trở ngại trong vận động và trong đi lại. Nhà vua tham vấn Đức Phật về vấn đề này và được Ngài ân cần chỉ dạy: *Con người thường chánh niệm/ Được ăn, biết phải chững/ Chững mực, cảm thọ mạnh/ Già chậm, tuổi thọ dài*<sup>(16)</sup>. Từ lời khuyên này, vua Pasenadi đã tiết độ trong ăn uống và bước đầu tìm lại sự tráng kiện của thân thể.

Xem ra, mỗi quan hệ giữa ăn uống và sức khỏe đã được Đức Phật quan tâm từ rất sớm. Vì theo Đức Phật, sự điều hòa, tiết độ trong ăn uống, trong công việc, trong thú vui giải trí, tiêu dao... còn là những điều kiện cơ bản để có được một sức khỏe và trường thọ, như sự khái quát từ kinh *Tăng chi*: *Làm việc thích đáng, biết vừa phải trong việc thích đáng, ăn các đồ ăn tiêu hóa, du hành phải thời và sống Phạm hạnh*<sup>(17)</sup>.

Với một người cư sĩ, vấn đề thăng bằng và điều hòa về những vấn đề cụ thể trong đời sống gia đình có ý nghĩa tối quan trọng, đôi khi định đoạt hạnh



Cư sĩ A Dục (Ashoka)

phúc của cả một gia đình. Chẳng hạn, sự điều hòa trong việc mưu sinh và nuôi dạy con cái. Đành rằng, kiếm tiền để nuôi sống gia đình và để lo cho tương lai con cái là điều rất mực quan trọng; tuy nhiên, việc quan tâm và dạy dỗ con cái cũng là trọng trách không thể thiếu của cả ông bố và bà mẹ. Đôi khi người cư sĩ cứ mãi mưu toan sự nghiệp mà quên rằng, có những đứa con đang nếm trải cổ đơn ngay trong chính gia đình mình. Bất hạnh này có thể bắt gặp từ lịch sử cho đến hôm nay.

Trong việc ứng xử với các mối quan hệ cơ bản của đời người, cũng cần có một tâm thế nhuần nhuyễn và cân bằng. Đơn cử, mặc dù phải chăm nom một gia đình riêng tư, nhưng người cư sĩ cần phải chung tay lo cho cha mẹ hai bên. Ứng xử chu toàn và phù hợp với

hai bên nội ngoại không những là chất liệu đem đến hạnh phúc cho gia đình, mà còn là chuẩn mực lý tưởng của một người con hiếu thảo ở mọi thời đại. Không những thế, với các mối quan hệ còn lại như quan hệ thầy trò, bạn bè, thân tộc, láng giềng... người cư sĩ cũng tùy theo điều kiện của mình và hoàn cảnh thực tế, để có một thái độ ứng xử phù hợp. Thái độ sống *không quá phung phí, không quá bôn xén*<sup>(18)</sup> về phương diện vật chất, là thái độ ứng xử đúng mực, với các mối quan hệ của một người cư sĩ.

Cần phải thấy, một đời sống thăng bằng và điều hòa với bản thân, với gia đình, trong các mối quan hệ xã hội... là trải nghiệm hạnh phúc đích thực của người cư sĩ.

### Hộ pháp và hoằng pháp

Mang danh đệ tử Phật, người cư sĩ có trách nhiệm hộ pháp và hoằng pháp trong điều kiện có thể của mình. Trong bày pháp thăng tiến của người cư sĩ được Phật dạy trong kinh *Tăng chi* chuyên chở cả hai nội dung, hộ pháp và hoằng pháp<sup>(19)</sup>.

Trước hết, trong vai trò hộ pháp, người cư sĩ cần hỗ trợ các điều kiện sinh hoạt cho Tăng-già. Hộ pháp được hiểu ở đây tức là hỗ trợ các phương tiện và điều kiện, nhằm làm cho ngôi Tam bảo ổn định vững bền và ngày càng phát triển. Trong kinh *Bổn phận người gia chủ*, Đức Phật đã khẳng định với Anathapindika rằng, muốn trở thành một vị cư sĩ chân chánh, kinh văn gọi là vị *Thánh đệ tử*, thì phải *hộ trì chúng Tỳ-kheo với y, hộ trì chúng Tỳ-kheo với đồ ăn khát thực, hộ trì chúng Tỳ-kheo với sàng tọa, hộ trì chúng Tỳ-kheo với được phẩm trị bệnh*<sup>(20)</sup>.

Nói cách khác, vai trò hộ pháp đầu tiên của người cư sĩ, chính là góp phần đảm bảo điều kiện sống tối thiểu cho hàng xuất gia. Trong dòng chảy lịch sử, điều kiện sống của hàng xuất gia đôi khi có vài thay đổi nhỏ. Ở đây, tùy theo không gian và truyền thống tu tập, người cư sĩ nên uyển chuyển cân nhắc, để việc hỗ trợ cho Tăng-già được chu toàn và đủ ý nghĩa.

Nghĩa hộ pháp kế tiếp của người cư sĩ, là sự hỗ trợ về không gian tu. Không gian tu, có thể được xem là trung tâm tu học trong cách hiểu hiện đại, là một phương tiện quan trọng để giữ gìn cũng như phát triển giáo pháp. Trầm tư về ngôi Kỳ Viên tịnh xá, nơi lưu xuất nhiều bài kinh quan trọng, và là nơi chứng Thánh của nhiều vị đệ tử Phật, đã minh chứng rằng, không gian tu có ý nghĩa quyết định đối với sự

thăng tiến trong tu tập nói riêng và sự phát triển của Phật giáo nói chung. Không gian tu ngày nay có thể là một ngôi chùa, một tịnh xá, một trung tâm tu học xứng tầm. Hộ pháp về phương diện không gian tu có một ý nghĩa quan trọng, được Đức Phật tán thán: *Ai cho chỗ trú xứ, kẻ ấy cho tất cả*<sup>(21)</sup>.

Hộ pháp còn được hiểu là sự phòng hộ, gìn giữ ở nghĩa cụ thể, về các phương diện liên quan đến Tam bảo như kinh điển, chùa chiền, Tăng sĩ và thanh danh của Giáo hội. Ngay từ thời Phật, các thế lực không cùng con đường và khác biệt về lý tưởng, đã có những toan tính hồng làm vấy bẩn hình ảnh Tăng-già, phá hoại không gian tu cũng như bôi nhọ Phật giáo<sup>(22)</sup>. Gặp phải những trường hợp đó, người cư sĩ đứng nghĩa cần phải chung tay hộ trì Tam bảo bằng khả năng có thể, với tâm thương yêu và sự tinh giác cao độ. Trong một vài trường hợp đặc biệt, người cư sĩ cần phải phát nguyện dẫn thân, vì minh danh lý tưởng cao cả.

Trên phương diện hoằng pháp, trước hết, người cư sĩ phải tự mình hoàn thiện những phẩm hạnh đạo đức tự thân, nỗ lực trang bị cho mình những kiến giải cơ bản về pháp Phật. Câu chuyện cảm động về việc giải thuyết cho nhau nghe về pháp Phật, trong lúc người thân bệnh nặng, của đôi vợ chồng Nakula, là một bài học sống động về Phật hóa gia đình<sup>(23)</sup>. Tự mình ứng dụng Phật pháp và trang bị chất liệu đó cho những người thân, là trách vụ hoằng pháp đầu tiên của hàng tại gia cư sĩ.

Phương thức hoằng pháp của người cư sĩ nếu như biết nhuần nhuyễn vận dụng, thì cũng rất đa dạng và phong phú, không nhất thiết là phải thăng tòa thuyết giảng. Với người cư sĩ, vận dụng nhuần nhuyễn *Tứ nhiếp pháp* có tác dụng hỗ trợ rất lớn trong lãnh vực hoằng pháp nói chung. Theo kinh *Tăng chi*, sau khi tự mình hoàn thiện *tín, giới, văn, thí xả, tâm quý, tinh cần*... người cư sĩ còn khuyến khích kẻ khác cùng hoàn thiện như mình, thì được gọi là người *cư sĩ vừa tự lợi vừa lợi tha*<sup>(24)</sup>. Trong một vài trường hợp đặc biệt, khi người cư sĩ thực hiện trọn vẹn trách vụ nêu trên, thì được Đức Phật tán thán là *hơn cả bậc chân nhân*<sup>(25)</sup>. Đây là một kinh nghiệm có giá trị ứng dụng thực tiễn.

Vì lẽ, trong các chúng đệ tử Phật, chúng tại gia cư sĩ có một số lượng đông đảo và có điều kiện để tiếp cận với đủ mọi hạng người trong nhiều giai tầng xã hội. Đây cũng là những đối tượng đôi khi nằm ngoài tầm với của người xuất gia. Với ước tính sơ bộ, nếu như mỗi người cư sĩ tại gia chỉ cần chuyển hóa vài mươi người quy kính Tam bảo, thì sự nghiệp hoằng pháp ở nghĩa rộng nhất được khẳng định vững chắc. Đây vừa là bổn phận và đồng thời là thế mạnh của một người cư sĩ chân chánh.

### Tạm kết

Mẫu hình người cư sĩ lý tưởng bằng bạc trên mỗi bước chân du hóa của Đức Phật và chư Tăng. *Bậc chân nhân*, là từ được Đức Phật sử dụng trong một số ngữ cảnh, nhằm vinh danh mẫu hình người cư sĩ lý tưởng. Đi tìm một mẫu hình có nhiều thuộc tính chung nhất của người cư sĩ, là điều không dễ dàng trong điều kiện hạn chế về tư liệu và bất cập về không gian. Với những nỗ lực bước đầu, chúng tôi cố gắng xây dựng những tiêu chí mang tính cơ bản, để mỗi người cư sĩ có thể tự tìm thấy mình trong đó. Và hơn thế, qua những chuẩn mực nêu trên, tạo cho người cư sĩ tại gia một sự khẳng định riêng có, cũng như một lý tưởng để hướng về.

### Chú thích

- (1) Kinh *Tăng chi*, chương Tám pháp, phẩm Gia chủ, kinh *Thích tử Mahanama*; Kinh *Tương ưng*, tập V, thiên Đại phẩm, chương XI, Tương ưng dự lưu, phần b, phẩm Phước đức sung mãn, kinh *Mahanama*; kinh *Tạp A-hàm*, Tương ưng Ma Ha Nam, kinh *Ưu bà tắc*, số 1308, bản dịch của Thích Đức Thắng, Tuệ Sỹ hiệu đính và chú thích.
- (2) Kinh *Trường bộ*, tập 2, kinh *Thập thượng*; kinh *Tăng chi*, chương Mười pháp, phẩm Lớn, kinh *Những câu hỏi lớn*. Xem thêm: 1. 大佛頂首楞嚴經,卷八; 2. 大正新脩大藏經第一冊 No. 12, 阿含部, 佛說大集法門經卷上. Nguyên văn: 一切眾生皆依食住.
- (3) Kinh *Tăng chi*, chương Bốn pháp, phẩm Nghiệp công đức, kinh *Bốn nghiệp công đức*.
- (4) Kinh *Tăng chi*, chương Tám pháp, phẩm Bồ thí, kinh *Người chân nhân*.
- (5) Kinh *Tăng chi*, chương Sáu pháp, phẩm Dhammi-ka, kinh *Nghèo khổ*.
- (6) Kinh *Trường bộ*, tập 1, kinh *Cứu La Đàn Đầu*, số 5.
- (7) Kinh *Tăng chi*, chương Năm pháp, phẩm Nam cư sĩ, kinh *Người buôn bán*.
- (8) Kinh *Tăng chi*, chương Tám pháp, phẩm Gotami, kinh *Dighajanu*, *Người Koliya*.
- (9) Kinh *Tương ưng*, tập V, thiên Đại phẩm, chương XI, Tương ưng dự lưu, phần b, phẩm Phước đức sung mãn, kinh *Mahanama*.
- (10) Kinh *Tăng chi*, chương Bốn pháp, phẩm Bạc chân nhân, kinh *Các học pháp*.
- (11) Kinh *Trường bộ*, tập 1, kinh *Đại bát Niết-bàn*, số 16, Tụng phẩm 1.
- (12) Kinh *Tiểu bộ*, tập 1, kinh *Phật tự thuyết*, chương tám, phẩm Pataligamiya.
- (13) Kinh *Tăng chi*, chương Tám pháp, phẩm Gotami, kinh *Dighajanu*, *Người Koliya*.
- (14) Kinh *Tăng chi*, chương tám pháp, phẩm Ngày trai giới, kinh *Visakha*. Xem thêm, kinh Trung a hàm, phẩm Bồ Đa Lợi, kinh *Trì trai*, bản dịch của Tuệ Sỹ.
- (15) Kinh *Trường bộ*, tập 2, kinh *Đại thiện kiến vương*, số 17.
- (16) Kinh *Tương ưng*, tập 1, chương 3, Tương ưng Kosala, phẩm thứ hai, kinh *Đại thực*.
- (17) Kinh *Tăng chi*, chương Năm pháp, phẩm Bệnh, kinh *Tuổi thọ*.
- (18) Kinh *Tăng chi*, chương Tám pháp, phẩm Gotami, kinh *Dighajanu*, *Người Koliya*.
- (19) Kinh *Tăng chi*, chương Bảy pháp, phẩm Vajji, kinh *Bất hạnh thối đọa*.
- (20) Kinh *Tăng chi*, chương Bốn pháp, phẩm Nguồn sanh phước, kinh *Bốn phận người gia chủ*.
- (21) Kinh *Tương ưng*, tập 1, Tương ưng chư Thiên, phẩm Thiên chày, kinh *Cho gì?*.
- (22) Tích truyện *Pháp cú*, phẩm Thế gian, *Chiến giả vu không Phật*, Bản dịch của Viên Chiếu. Xem thêm, kinh *Tiểu bộ*, tập IV, chuyện *Giải thoát sự trói buộc*, số 120; kinh *Tiểu bộ*, tập V, chuyện *Vua Bharu*, số 213; kinh *Tiểu bộ*, tập VI, chuyện *Vương tử liên hoa*, số 472.
- (23) Kinh *Tăng chi*, chương Sáu pháp, phẩm Cần phải nhớ, kinh *Cha mẹ của Nakula*.
- (24) Kinh *Tăng chi*, chương Tám pháp, phẩm Gia chủ, kinh *Thích tử Mahanama*.
- (25) Kinh *Tăng chi*, chương Bốn pháp, phẩm Bạc chân nhân, kinh *Người có lòng tin*.

# KHÁI NIỆM “TÁNH KHÔNG” LÀ MỘT NGHỊCH LÝ

SONAM TSOMO

*Chúc Thanh* dịch từ Anh sang Việt

New Delhi, Ấn Độ -- Tánh không –Shunyata là một khái niệm quan trọng trong triết học Phật giáo, đặc biệt hơn nữa trong bản thể triết học của Phật giáo Đại thừa “sắc tức là không và không tức là sắc.” Đây là một quan niệm vô cùng nghịch lý.

## Khái niệm “tánh không” là một sự nghịch lý

“Tánh không” ở đây không nên hiểu lầm là không có gì hết. Tánh không là không thật thể chứ không phải là không có gì hết. Hơn nữa, Tánh không không phải là không thật có. Tánh không ở đây có nghĩa là một sự vật hiện tượng, dù cho có sự sống hay vô tri, tự thân nó không có sự tồn tại riêng biệt. Nó chỉ có ý nghĩa và tồn tại chỉ khi nào tất cả những yếu tố hay những thành tố làm nên nó cùng nhau biểu hiện và chúng ta có thể hiểu được và đánh giá sự vật hiện tượng một cách rõ ràng.

Để tiện cho việc giải thích, xin mời quý vị quan sát một cái tách hay bất cứ một vật chứa đựng nào khác. Có phải cái tách trống rỗng khi nó không có chứa bất kỳ một thứ gì—lòng hay đặc—trong nó phải không? Chúng ta sẽ trả lời, vâng nó trống rỗng. Nhưng thật sự nó có trống rỗng không? Không, thưa quý vị. Nó chứa đầy không khí trong đó. Nhưng thậm chí khi cái tách bị rút hết không khí đi, nó cũng chẳng trống rỗng nữa mà. Nó vẫn chứa không gian, bức xạ và cả ánh sáng nữa.

Vì lý do đó, cái nhìn của Phật giáo khác với cái nhìn thông thường. Cái tách lúc nào cũng đầy. Để diễn tả điều này theo triết học thì cái tách tự nó không tồn tại. Nó tồn tại được là vì nhiều yếu tố nhân duyên hòa hợp với nhau.

Do những điều phức tạp này nên khái niệm Tánh không trong Phật giáo thường hay bị cho là hư vô. Những nhà học giả cho rằng triết học phương Tây có lẽ đã đóng một vai trò nào đó trong việc tạo ra sự hiểu lầm này. Khái niệm hư vô có nghĩa là hiện thực không biết được hay không thể biết được và không có cái gì tồn tại cả. Trong khi đó khái niệm tánh không trong Phật giáo cho rằng cái sự thật tuyệt đối thì không thể biết được, và rằng trong bất cứ trường hợp nào đi nữa thì khái niệm Tánh Không không có nghĩa là không có gì hết.

Ông Plato có quan niệm cho rằng có một cái thật thể tưởng tượng tồn tại trong mọi thứ có xung quanh chúng ta dù là sinh vật hay vật vô tri. Cuối cùng là “thật thể của cái tách tồn tại một cách tuyệt đối trong đầu.” Ngài Dalai Lama nói rằng Tánh Không là sự vắng mặt của một thật thể tuyệt đối hay tồn tại độc lập. Nếu có một vật tồn tại thì nó do nhiều yếu tố khác kết nên.

Một ai đó có thể hỏi rằng vậy liệu có một hiện tượng không thành tố (partless) nào không? Theo *Trung Quán Luận* thì cho rằng sẽ không thể có một hiện tượng nào mà không có các phần tử cấu tạo nên. Mọi sự vật hiện tượng trong vũ trụ đều phải do nhiều bộ phận hay các phần tử tập hợp lại mà thành.

Quyển sách “Nghệ Thuật Sống” của ngài Dalai Lama giúp cho sự hiểu biết của chúng ta về khái niệm này tại một cách rõ ràng hơn. Ngài nói “một khi cái hiểu biết của bạn về bản thể tự nhiên được sâu sắc và tiến bộ hơn, bạn sẽ có được một sự nhận thức về thực tại và từ đó bạn sẽ lãnh hội được sự vật hiện tượng như huyền mộng. Và phương pháp nhận thức về thực tại như vậy sẽ làm cho bạn thấm nhập hơn tất cả những tác động ảnh hưởng với chính thực tại đó.

Ngay bản thân tánh không được xem là thực tại của bản thể tự nhiên cũng không phải là tuyệt đối hay tự thân tồn tại độc lập được. Chúng ta không thể nhận thức về tánh không như một hiện tượng căn bản có tính độc lập bởi vì khi chúng ta phân tích cái thực tại tự nhiên thì chúng ta thấy được rằng bản thân Tánh Không là một đối tượng khách thể. Đi tìm bản chất của nó và chúng ta biết rằng Tánh Không là cố hữu tồn tại. Cho nên, Đức Phật mới dạy về cái không của Tánh Không”.

## THE CONCEPT OF EMPTINESS IS SUCH A PARADOX

by **Sonam Tsomo**, *Times of India*, 28 October 2009

New Delhi, India -- Shunyata is a key concept in Buddhist philosophy, more specifically in the ontology of Mahayana Buddhism: “Form is emptiness, and emptiness is form.” This is the paradox of the concept.

### The concept of emptiness is such a paradox

Emptiness is not to be confused with nothingness. Emptiness is non-existence but not nothingness. Also, it is not non-reality. Emptiness means that an object, animate or inanimate, does not have its own existence independently. It has its meaning and existence only when all the elements or components it is made of come into play and we can understand and impute its existence clearly.

By way of explanation, we are asked to observe a cup or any other container. Is the cup empty when it does not contain any liq-



uid or solid in it? We say yes, it's empty. But is it really empty? No, it's not. It is full of air. Even when the glass is in a state of vacuum, it is not empty. It still contains space, radiation and maybe light.

It is because of these intricacies that the Buddhist concept of emptiness is often taken as nihilism. Scholars opine that western philosophy probably had a role in creating this misconception. Nihilism as a concept means that reality is unknown and unknowable, and that nothing exists. Whereas the Buddhist concept of emptiness says that ultimate reality is knowable, and that in no case should the concept of emptiness be taken to mean nothingness.

Plato held the view that there is an ideal essence in everything that we have around us, whether animate or inanimate. After all, "the essence of the cup ultimately exists in the realm of the mind." The Dalai Lama says that Shunyata is the absence of an absolute essence or independent existence. If a thing exists, it is because of several other factors.

One might as well ask: Is it possible to have a partless phenomenon? According to the Madhyamika school of thought, there can be no phenomenon without constituents. Every phenomenon in the universe has to have parts or constituents to come into being.

The Dalai Lama's book, Art of Living, makes our understanding of the perception of reality clearer. He says, "as your insight into the ultimate nature is deepened and enhanced, you will develop a perception of reality from which you will perceive phenomena and events as sort of illusory. And that mode of perceiving reality will permeate all your interactions with reality.

Even emptiness itself, which is seen as the ultimate nature of reality, is not absolute, nor does it exist independently. We cannot conceive of emptiness as independent of a basis of phenomenon, because when we examine the nature of reality, we find that emptiness itself is an object. Look for its essence and we will find that it is empty of inherent existence. Therefore, the Buddha taught of the emptiness of emptiness."



Nam Mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật

## CẢM TẠ

Toàn thể Tang Gia Hiếu Quyển chúng con, chúng tôi thành kính dâng lễ tri ân và cảm tạ:

- Chư tôn Trưởng lão Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng, Ni Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu châu, Úc châu, Hoa Kỳ và Canada
- Chư tôn đức trong phái đoàn cứu trợ nạn nhân bão Haiyan Philippines và Việt Nam
- Các tự viện tại Việt Nam và phái đoàn cứu trợ tại Cambodia đã thiết lễ kỳ siêu
- Chư vị điều hành các websites: Hộ Pháp, Quảng Đức, Hải triều Âm, Pháp Vân, v.v...
- Ban Chủ Trương và Ban Biên Tập Nguyệt San Chánh Pháp
- Chư Phật tử Thiền Tịnh Đạo Tràng và Gia đình Đạo hữu Quảng Nguyên
- Cùng toàn thể quý Ông Bà, Cô Bác, Thân Bằng Quyển Thuộc, Quý Anh, Chị, Bè Bạn, Thân Hữu trong và ngoài Hoa Kỳ... trong những ngày qua, đã đến hộ niệm, kỳ siêu, phân ưu, phúng viếng, điện thoại, đặt vòng hoa, gửi email chia buồn, đặc biệt đến hộ niệm và tiễn đưa Linh cữu của Thân Mẫu chúng con, chúng tôi:

Cụ Bà **NGUYỄN TÚY HOA**  
Pháp danh: **DIỆU TRANG**  
Sinh năm Giáp Tuất 1934,  
Mãn phần ngày 17-12-2013

Trong lúc tang gia bối rối không sao tránh khỏi những lỗi lầm thiếu sót, cúi xin Chư Tôn Đức cùng tất cả quý vị niệm tình hoan hỷ bỏ qua cho. Nguyễn Cầu Hồng Ân Tam Bảo gia hộ Chư Tôn Đức và Quý liệt vị thân tâm thường an lạc, phật sự viên thành.

**Tang Quyển Đồng Kính Cảm Tạ**

# PHÍA SAU BÓNG MẶT TRỜI

Lam Khê

Truyền thông internet được coi là một thành tựu của loài người trong thế kỷ XX. Khi Internet trở thành phương tiện đại chúng thì báo mạng điện tử cũng ra đời theo xu thế phát triển của thời đại. Chỉ cần một cái nhấp chuột, mọi cánh cửa thông tin liền mở toang ra. Một thế giới muôn màu muôn vẻ mặc sức cho ta bước vào tìm hiểu chiêm ngưỡng. Kỳ nguyên mạng ra đời đã chiếm lĩnh hết mọi suy tư thị hiếu của con người.

Internet không chỉ đáp ứng mọi nhu cầu sở thích mà còn là chiếc chìa khóa vạn năng mở toang mọi cánh cửa tri thức. Những sự kiện đã trôi qua, những câu chuyện đời thường... những kiến thức về văn hóa, khoa học cho đến các chương trình giải trí văn nghệ, các vấn đề về chính trị, quân sự v.v... và v.v... đều cấp tập hiện ra trong tích tắc. Công việc nghiên cứu học tập không còn phải vất vả tìm kiếm trong thư viện sách vở. Thư từ trao đổi cũng không cần chờ đợi lâu xa. Trang mạng điện tử còn là nơi kết thân giao hữu, là cửa ngõ khai thông trí tuệ và là kênh giải trí đa năng đem lại nhiều niềm vui sáng tạo cho mọi tầng lớp người trong xã hội.

Khi internet đi vào mọi ngõ ngách cuộc sống, thì giới tu sĩ cũng tỏ ra khá nhanh nhạy trong việc tiếp thu làm quen với ngành công nghệ tin học để tra cứu, học hỏi và nắm bắt thông tin. Thời đại khoa học phát triển vượt bậc, máy tính trở thành một công cụ hữu hiệu trong việc hoằng pháp lợi sanh. Với Tăng Ni trẻ bây giờ, sở hữu một chiếc máy tính để phương tiện học tập nghiên cứu là điều cần thiết và cũng không còn vượt quá tầm tay mong đợi. Cùng góp mặt trong xu thế toàn cầu, những trang website Phật giáo ra đời đã thổi một làn sinh khí mới, một bước tiến hội nhập đầy sắc nét làm sáng tỏ cả ngôi nhà đạo Pháp vốn được lưu truyền và gìn giữ trong suốt hơn hai ngàn năm qua. Đó là nơi mà người học Phật dù là tu sĩ hay tại gia đều có thể thâm nhập để cùng tra cứu nghiên cứu và tìm ra phương pháp tu tập cho riêng mình. Mỗi trang báo điện tử chứa đựng cả kho tàng kiến thức Phật giáo. Tam tạng kinh điển, những lời dạy của chư Phật chư Tổ được ghi chép qua mỗi thời đại, các nền tư tưởng văn hóa triết học Phật giáo được các học giả trên khắp thế giới dày công ghi chép biên soạn hằng bao thế kỷ. Chưa bao giờ hình ảnh và tư tưởng của người xưa được tái hiện một cách tinh tế và rộng rãi như thế.

Trang mạng Phật giáo cũng là một kênh thông tin mang tính xã hội hóa về các vấn đề liên quan đến sự tu tập, hoằng pháp của chư sư và phật tử trong hiện thời. Những trang viết chứa đựng nguồn giáo lý sâu xa pháp vị, các bài thuyết pháp của quý thầy quý ni, các khóa tu tập, những chuyển hành hướng trên đất Phật... đều truyền tải trên mạng để mọi người cùng chiêm ngưỡng tìm hiểu. Và nghe đâu, các nhà khoa học đang có ý định thu lại tiếng nói của loài người từ hằng ngàn năm trước còn lưu giữ giữa hư không. Trong một tương lai không xa lắm, chúng ta sẽ nghe được kim khẩu chính từ miệng đức Thế Tôn phát ra, nghe được giọng nói chư Thánh giá

đắc đạo và các vị thiên sư qua mỗi thời đại.

Một khu vườn đầy hoa hương còn là mảnh đất tốt để cỏ dại mọc sức sanh sôi nảy nở; một bàn tiệc với quá nhiều thức ăn hấp dẫn nhưng cơ thể con người chỉ có thể tiếp thu những phẩm chất cần thiết có mức hạn. Không biết tiết chế vừa độ, thì hoa thơm cũng biến thành cỏ dại mang đầy độc tố ăn mòn tâm trí não bộ. Một cơ thể dung nạp quá nhiều thức ăn sẽ dẫn đến chứng bội thực khó tiêu, nhiều di chứng mầm bệnh cũng phát sinh từ đó. Trần ngập trên mạng là những trang thông tin thượng vàng hạ cám mà khi mở ra, ta như lạc vào một thế giới muôn màu muôn vẻ mà nếu không có điểm dừng, tư tưởng ta sẽ dễ dàng thu nhận cả những điều tệ hại vô bổ.

Có câu chuyện ngụ ngôn kể rằng. Một gã thợ săn đi sâu vào rừng và tìm thấy một hang động lớn. Vì tò mò gã đi vào nhìn trèo xuống. Có biết cơ man nào là cảnh vật hiện ra trước mắt. Thật là sinh động, thật là vui thú. Và thế là gã cứ miệt mài đi, đi mãi nên không hề hay biết có một con quái vật đang chờ phía dưới để nuốt chửng mình. Câu chuyện còn dài với nhiều tình tiết ly kỳ. Chỉ dẫn chứng bấy nhiêu để làm điển hình cho những đam mê thị hiếu không chừng mực của con người. Đam mê không hẳn là xấu. Nhưng ranh giới giữa thiện và ác, giữa bờ thanh lương và vực thẳm thật quá mong manh mà khi chúng ta kịp nhận ra thì không còn là mình của thuở ban sơ

Là hành giả của đức Như Lai, hơn ai hết ta biết mình đang đi ngược chiều gió, sẵn sàng chiến đấu với mọi ma quân phiến não. Trải qua quá trình tu học, việc hồi nhập với nền văn minh công nghệ hiện đại là điều tất yếu. Hòa nhập mà không hòa tan, biết rõ đường đi và điểm đến, có như vậy ta mới có thể vượt qua mọi chông gai chướng ngại để chiến thắng với chính mình "Thăng vạn quân không bằng tự thắng mình..." Lời Phật dạy từ hơn hai ngàn năm trước vẫn còn nguyên vẹn ý nghĩa và càng có giá trị hơn khi nhân loại bước vào kỷ nguyên tin học. Những việc làm dù tốt dù xấu, là vô tình hay hữu ý của chúng ta cũng sẽ bị giới truyền thông nắm bắt rồi nhanh chóng đưa lên trang mạng. Đó là nhu cầu của thời đại... mà người tu sĩ không biết giữ mình sẽ trở thành tiêu điểm của muôn trò thị-phi nhân-ngã.

Một chút cảm nhận trong cuộc sống đa chiều thời công nghệ tin học nhiều niềm vui nhưng cũng đầy những chạm bẫy hệ lụy. Phía sau mặt trời... vượt qua hết những đám mây mù thì mọi thứ sẽ dần trở nên sáng tỏ hơn. Chân lý luôn nằm phía trước. Có đi ắt sẽ đến. Và đến như thế nào là tùy theo mục đích và hướng đi của mỗi người.



# Vòng Xoay Trần Thế

BIỆN THỊ THANH LIÊM

Sáu mươi năm đã trôi qua từ ngày hiệp định Genève chia đôi Việt Nam, cuộn đất nước vào trong cơn lốc của những đổi thay tận cùng, từ lãnh thổ, đến nhân sự và cả văn hóa, văn minh. Trong nhãn quan của một người bình thường với những buồn vui giận hờn thương ghét, sự đổi thay ấy có lúc đem lại cho họ vinh quang hào sảng, cũng có lúc đem lại những đau đớn ngậm ngùi. Có những người đã đi trên cuộc hành trình sáu mươi năm ấy, có những người đã nằm xuống. Có những người vẫn còn đi tiếp trong những tháng ngày trần thế hôm nay và tiếp tục những ngày mai, ngày sau nữa.

Cơn lốc ấy, dòng xoáy ấy đã có lúc muốn nhận chìm những con người, phá vỡ đến tận cùng những nền móng vật chất và tâm linh của họ. Song chúng cũng đã đẩy đưa họ đến một không gian mới,

một chân trời khác. Những gì phải rã mục đã rã và tan tác. Nhưng trên điều tàn đổ nát ấy, mầm hy vọng vẫn vươn lên, sức sống vẫn trỗi dậy. Như hoa lại nở khi mùa xuân đến, như nắng lại bừng lên khi đêm đã lui tàn. Sự tiếp nối của vòng xoay lặng lẽ, lạnh lùng, nhưng cũng vô cùng màu nhiệm. Nó làm cho con người nhìn rõ chính mình hơn, nhìn rõ thế giới xung quanh. Nó làm mỗi người thêm vững niềm tin vào chính mình và những người đồng hành của họ. Chỉ có niềm tin ấy mới đủ sức vực họ đứng lên, vươn cánh tay ra để chuyển hoá cuộc sống của chính mình và giúp nhau chuyển hoá khuôn mặt thế trần.

Nhìn lại quá khứ, nhìn lại chính mình hôm nay, nhìn lại những khuôn mặt đã cùng nhau nổi trôi trong xoáy lốc để thêm

thương yêu và cảm ơn những điều may mắn và bất hạnh chúng ta đã chung cùng, để tin rằng hướng về chân, thiện, mỹ là mục đích của kiếp nhân sinh. Và hết thảy mọi sự chỉ nhằm mục đích duy nhất cho mỗi một con người hiểu được vì sao họ có mặt trên đời này, lúc như hoa xuân, lúc như nắng hạ, lúc tựa trăng thu, lúc như sương giá mùa đông.

Như chú ngựa già về lại trên thảo nguyên bất ngát, bỏ lại những tháng ngày mệt mỏi kéo nhục nhằn với dọc đường gió bụi, uống nước trên dòng suối chảy từ núi tuyết tinh tuyền, ngắm bình minh lên ở phương đông, nghe tiếng gió reo vui trên nội cỏ, chúng ta đón mùa xuân trở lại, theo từng bước chậm rãi của thời gian. Trời trong và nắng ấm, gió mát và không gian thanh sạch mênh mông, ngả lưng trên thảm cỏ nhìn mây trắng lững lờ, lòng không suy nghĩ vướng mang, chúng ta đang đi vào mùa xuân của đất trời, yên bình và trầm lắng.

Và đất trời trần thế vẫn cứ xoay vòng.

Xuân Giáp Ngọ 2014

## CHỜ NĂM MỚI

*Hỡi những người con của bụi mù  
Hãy về mở cửa đón mưa xuân  
Hãy nghe gió rớt về thiên cổ  
Tiếng của rừng khuya đến chập chùng.*

*Tử sinh hay tiếng gõ nhịp nhàng  
Mình về thấp nốt nén nhang thơm  
Mai kia sông suối chìm tan hết  
Ven rừng còn thở một làn hương.*

*Thì cũng ngồi đây chờ năm mới  
Châm trà nhấp nốt chén ly hương  
Mang mang oanh én bay đầu núi  
Tắc lòng cô xứ bỗng mù sương.*

*Thì cũng ngồi đây từ năm trước  
Thấy chút mây bay chút bụi mờ  
Những mùa xuân cũ như sông nước  
Thả một dòng trôi đến lững lờ.*



*Thì đã ngồi đây ngàn năm trước  
Đất trời linh diệu một màu mây  
Trái tim cô tịch chùng ngây ngất  
Ta ghé môi hôn luống đất dày.*

*Hay đã ngồi đây từ vô thi  
Đong đầy chưa hết một mùa xuân  
Tuổi tên sông núi từ muôn thuở  
Là ý thơ bay nét nhạc thân.*

thơ

LÝ THỪA NGHIỆP





GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ, CANADA  
**KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ 4**  
BAN TỔ CHỨC

Chùa Phật Đà, 4333 30<sup>th</sup> Street, San Diego, CA 92104. Tel. (619) 283-7655

## THÔNG BÁO

### Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ IV

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni,  
Kính thưa quý học viên Phật tử,

Sau khi Đức Thế Tôn thành đạo dưới cội Bồ Đề, Ngài đã dùng Phật nhãn quán chiếu căn cơ khác biệt của chúng sinh, có cao, có thấp, có nhậm lẹ, có chậm lụt. Tuy vậy, nếu chúng sinh nỗ lực, tinh tấn tu tập thì tất cả đều chứng đắc quả Thánh.

Sự tu tập để chứng đắc quả Thánh là thực tập giáo pháp, hành trì môn tu, nghiên tầm kinh điển như người đi trong đêm tối có đuốc soi đường để thấy tất cả sự vật, màu sắc... Giáo pháp, những lời dạy của đức Phật, là phương tiện tu học để chuyển mê thành ngộ, dứt phàm thành Thánh, là chất liệu làm an ổn tâm hồn, xây dựng một đời sống bình yên, hạnh phúc trong cuộc đời này.

Trong ý nghĩa ấy, Ban Tổ Chức Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần thứ IV thành tâm kính mời quý học viên Phật tử đã từng tham dự những Khóa Tu Học trước, cũng như chư vị chưa tham dự, hoan hỷ ghi danh và gửi về Ban Tổ Chức trước ngày 02 tháng 05 năm 2014 để dễ dàng cho việc sắp xếp phòng ốc với khách sạn.

Đặc biệt năm nay có các Gia Đình Phật Tử tham dự từ cấp Oanh Vũ đến Huỳnh Trường. Đây là hình ảnh đẹp mà con cháu quý Phật tử đã thể hiện. Ban Tổ Chức chịu trách nhiệm đài thọ chi phí khách sạn, thực phẩm cho Gia Đình Phật Tử.

1/ Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ IV, được tổ chức tại: **Town and Country Resort Hotel, 500 Hotel Circle North, San Diego, CA 92108, từ ngày 29 tháng 05 đến ngày 02 tháng 06 năm 2014.**

(Khách sạn Town and Country đầy đủ tiện nghi, rộng rãi, thoáng mát, cảnh trí nên thơ, phù hợp cho Khóa Tu Học Phật Pháp)

2/ Lệ phí Khóa Tu - để trang trải chi phí Khách Sạn như các năm trước trong suốt thời gian tu học:

- **300 Mỹ Kim cho mỗi người - Nếu gia đình cùng tham dự Khóa Tu Học: người thứ nhất 300 Mỹ Kim, những người sau 200 Mỹ Kim, trẻ em dưới 12 tuổi 150 Mỹ Kim.** Ngân phiếu xin đề **CHÙA PHẬT ĐÀ**, ở phần Memo xin đề: **KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ IV**, và gửi về Chùa Phật Đà theo địa chỉ ở trên. Ban Tổ Chức đài thọ việc ăn uống suốt Khóa Tu Học, quý học viên xin đem theo thuốc uống và vật dụng cá nhân cần thiết.

3/ Ban Tổ Chức có các lớp học Phật Pháp đặc biệt hướng dẫn bằng tiếng Anh dành cho trẻ em và cho các Phật tử không thông thạo tiếng Việt.

4/ Chư Tăng, Ni tham dự miễn phí, xin ghi danh trước để Ban Tổ Chức tiện sắp xếp.

5/ Ban Tổ Chức chỉ nhận người ghi danh tham dự nội trú trọn 4 ngày Khóa Tu Học, **không nhận người ghi danh tham dự ở ngoại trú.**

**Hạn chót ghi danh: ngày 02 tháng 05 năm 2014.**

6/ Quý vị ở xa xin mua vé máy bay về **Phi Trường San Diego, CA (SAN)**, chuyên bay đến Phi Trường San Diego **trễ nhất là lúc 3 giờ chiều Thứ Năm, ngày 29 tháng 5 năm 2014.** Hoặc từ vùng Los Angeles, Quận Cam có thể đi xe lửa Amtrack xuống nhà ga San Diego.

7/ Sau khi mãn Khóa Tu Học, quý Phật tử muốn hành hương thăm viếng các chùa hoặc phong cảnh vùng San Diego, xin liên lạc với Ban Tổ Chức trước để tiện việc sắp xếp.

8/ Mọi chi tiết về Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ IV, xin liên lạc:

- Chùa Phật Đà: 619-283-7655  
- TV Pháp Vương: 760-739-8063  
- ĐĐ Hạnh Tuệ: 619-278-9837 (hoavouu.com)  
- ĐH Tâm Đăng: 619-490-7240  
- ĐH Tâm Tĩnh: 858-380-8564  
- ĐH Bạch Kim: 858-578-2659  
- ĐH Diệu Mỹ: 858-689-1197

Email: [chuaphatdasd@yahoo.com](mailto:chuaphatdasd@yahoo.com)  
hoặc [tuedang79@gmail.com](mailto:tuedang79@gmail.com)

- Tin tức Khóa Tu Học Lần IV được cập nhật trên các Website Phật giáo hải ngoại.

Thành tâm kính cảm ơn và kính chúc chư Tôn Đức Tăng, Ni pháp thể khinh an, tuệ đăng thường chiếu; đồng kính chúc quý đồng hương Phật tử vô lượng cát tường, thân tâm an lạc để cùng tham dự đông đảo Khóa Tu Học Phật Pháp Lần thứ IV như Khóa thứ III vừa qua.

Nam Mô Thường Tinh Tấn Bồ Tát Ma Ha Tát.

Chùa Phật Đà, ngày 05 tháng 12 năm 2013

Trưởng Ban,

**Tỳ Kheo Thích Nguyên Siêu**



KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ

CHƯƠNG TRÌNH HỌC PHẬT

Trong Kinh Du Hành của Trưởng A Hàm, Đức Thế Tôn dạy rằng, “Người nào biết lãnh thọ và thực hành đúng Chánh pháp, mới là người cúng dường Như Lai.” Bởi vì có lãnh thọ và thực hành đúng Chánh pháp mới có thể chuyển hóa tận gốc vô minh, đạt đến giác ngộ và giải thoát cho mình, cho người. Làm được như vậy có nghĩa là thực hành đúng bản nguyện chuyển mê khai ngộ và cứu khổ quần sinh của đức Phật, và cũng là thắp sáng ngọn đuốc Chánh pháp giữa đêm trường đại mộng để nêu cao giá trị thù thắng của Đạo Giác Ngộ.

Chính trong ý nghĩa ấy, từ năm 2011, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ và Canada đã phối hợp tổ chức các Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ để tạo thành duyên cho quý đồng hương Phật tử lãnh thọ và thực hành Chánh Pháp. Cho đến nay, Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ đã đi vào nề nếp sinh hoạt của cộng đồng Phật tử Việt Nam tại vùng Bắc Mỹ nhằm đáp ứng đúng nhu cầu học Phật và mang lại lợi lạc tâm linh vô giá cho hàng Phật tử tại gia.

Trong cuộc họp đặc biệt vào tối thứ Bảy, ngày 02 tháng 11 năm 2013 tại chùa Phật Đà, San Diego, California, Ban Chủ Trưởng Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ đã soạn thảo và thông qua Chương Trình Học Phật tổng quát như sau:

- Chương Trình Học Phật của Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ gồm **3 khóa Phổ Thông** và **1 khóa Chuyên Đề**. **3 khóa Phổ Thông** được dạy trong vòng 9 năm nếu học viên bắt đầu vào chương trình từ Khóa Một năm thứ 1. **Khóa Chuyên Đề** sẽ hướng dẫn pháp môn tu tập hoặc giảng dạy các bộ Kinh và thời gian của khóa này là vô hạn.
- Ngoài ra còn có **2 lớp Anh ngữ: lớp 1 dành cho thiếu niên và lớp 2 dành cho người lớn**. Các vị giáo thọ đảm trách các lớp này do Ban Giám Học cung thỉnh tùy theo mỗi năm; và một chương trình cụ thể cho hai lớp này sẽ do chính các vị giáo thọ soạn thảo với sự đồng thuận của Ban Giám Học.
- Riêng Tăng Ni, có 2 lớp dành: **a) lớp Sơ Cấp:** dành cho những vị Tăng Ni mới xuất gia hoặc xuất gia đã lâu nhưng chưa có điều kiện tham dự các Phật học viện; **b) lớp Hội Thảo:** dành cho Tăng Ni có trình độ trung đẳng đến cao

đẳng, đại học và hậu đại học. Chủ đề và nhóm thuyết trình viên của lớp Hội Thảo do Ban Giám Học đề nghị và thỉnh cử. Thuyết trình viên nộp đề cương tham luận cho Ban Giám Học 3 tháng trước khi khóa học bắt đầu.

- Học viên của tất cả các Khóa và các Lớp được tự do chọn lựa khóa học và môn học thích hợp. Sau các khóa học mỗi năm, học viên được phát một tín chỉ để ghi nhận và lưu niệm sự cầu học Phật Pháp của mình; không có khảo hạch hay thi cử.
- Ngoài các khóa Phổ Thông và Chuyên Đề, tất cả học viên sẽ được thỉnh pháp trong **một buổi giảng mở rộng** (do Ban Giám Học cung thỉnh giảng sư) tại hội trường hoặc chánh điện; và được tham dự một buổi Phật Pháp Vấn Đáp do Ban Giám Học điều hợp.

**BAN GIÁM HỌC:**

Trưởng ban: HT. Thích Thái Siêu  
 Phó trưởng ban: HT. Thích Nguyên Siêu, HT. Thích Bốn Đạt  
 Thư ký: TT. Thích Tâm Hòa

**THÀNH PHẦN GIÁO THỌ VÀ GIẢNG SƯ:**

HT. Thích Thắng Hoan, HT. Thích Tín Nghĩa, HT. Thích Nguyên Hạnh, HT. Thích Minh Đạt, HT. Thích Tịnh Từ, HT. Thích Nguyên Trí, HT. Thích Nguyên An, HT. Thích Thái Siêu, HT. Thích Nguyên Siêu, HT. Thích Thiện Quang, HT. Thích Bốn Đạt, HT, Thích Thông Hải, HT. Thích Tâm Hạnh, TT. Thích Minh Dung, TT. Thích Hạnh Tuấn, TT. Thích Giác Như, TT. Thích Nhựt Huệ, TT. Thích Tâm Hòa, TT. Thích Nhật Trí, TT. Thích Minh Hạnh, TT. Thích Thiện Mỹ, TT. Thích Thánh Minh, TT. Thích Đức Trí, TT. Thích Minh Tuệ, TT. Thích Hạnh Đức, ĐĐ. Thích Đạo Quảng, ĐĐ. Thích Thông Lý (Tennessee), ĐĐ. Thích Tín Mẫn, ĐĐ. Thích Tâm Lương, ĐĐ. Thích Pháp Tánh, ĐĐ. Thích Thiện Long, ĐĐ. Thích Huệ Nhân, ĐĐ. Thích Thông Lý (CA), ĐĐ. Thích Quảng Định, ĐĐ. Thích Chánh Trí, ĐĐ. Thích Hạnh Tuệ, Ni sư Thích nữ Giới Châu, Ni sư Thích nữ Giới Hương, Ni sư Thích Nữ Như Quang, Ni sư Thích Nữ Giới Định, Ni sư Thích Nữ Tịnh Quang, Ni sư Thích Nữ Nguyên Bốn, Sư cô Thích Nữ Nguyễn Hương, Sư cô Thích Nữ Chúc Hiếu, v.v...

(danh sách còn bổ sung)



## A. PHỔ THÔNG:

<b>KHÓA MỘT:</b>	<b>KHÓA HAI:</b>	<b>KHÓA BA:</b>
<b><u>NĂM THỨ 1</u></b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Tổng quan về Đạo Phật</li><li>- Quy Y Tam Bảo</li><li>- Ngũ Giới</li><li>- Thờ Phật, Lạy Phật, Cúng Phật</li><li>- Tụng Kinh, Trì Chú, Niệm Phật</li><li>- Sám Hối</li></ul>	<b><u>NĂM THỨ 1</u></b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Tổng quát về Tứ diệu đế</li><li>- Khổ đế</li><li>- Tập đế</li><li>- Diệt đế</li><li>- Đạo đế (tổng quát)</li></ul>	<b><u>NĂM THỨ 1</u></b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Tam Pháp Ấn</li><li>- Lục diệu pháp môn (2 buổi)</li><li>- Mười đại nguyện của Bồ-tát Phổ Hiền</li><li>- Lục độ (Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục)</li><li>- Lục độ (Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ)</li></ul>
<b><u>NĂM THỨ 2</u></b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Nhân quả</li><li>- Luân hồi</li><li>- Vô thường</li><li>- Thiểu dục và Tri túc</li><li>- Giới thiệu tổng quát về Tứ Diệu Đế (2 buổi)</li></ul>	<b><u>NĂM THỨ 2</u></b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Tứ niệm xứ</li><li>- Tứ chánh cần</li><li>- Tứ như ý túc</li><li>- Ngũ căn Ngũ lực</li><li>- Thất bồ đề phần</li><li>- Bát chánh đạo</li></ul>	<b><u>NĂM THỨ 2</u></b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Nhân sinh quan Phật giáo</li><li>- Vũ trụ quan Phật giáo</li><li>- Kinh An Ban Thủ Y (2 buổi)</li><li>- Kinh Bát Đại Nhân Giác (4 buổi)</li></ul>
<b><u>NĂM THỨ 3</u></b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Bát Quan Trai Giới</li><li>- Thập thiện nghiệp</li><li>- Lục hòa</li><li>- Tứ nhiếp pháp</li><li>- Tổng quan Thiền, Tịnh và Mật (2 buổi)</li></ul>	<b><u>NĂM THỨ 3</u></b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Quán Số Tức</li><li>- Quán Bất Tịnh</li><li>- Quán Từ Bi</li><li>- Quán Nhân Duyên</li><li>- Quán Giới Phân Biệt</li><li>- Tứ Vô Lượng Tâm</li></ul>	<b><u>NĂM THỨ 3</u></b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Giới thiệu tư tưởng Kinh Nikàya</li><li>- Giới thiệu tư tưởng Kinh Pháp Hoa</li><li>- Giới thiệu tư tưởng Kinh Bát Nhã</li><li>- Giới thiệu tư tưởng Kinh Duy Ma Cật</li><li>- Giới thiệu tư tưởng Kinh Thắng Man</li><li>- Giới thiệu tư tưởng Kinh Hoa Nghiêm</li></ul>

## B. CHUYÊN ĐỀ:

(Mỗi chủ đề ở đây sẽ được giảng dạy trong 2-3 buổi và tùy theo kinh được chọn, chủ đề ấy có thể được tiếp tục qua khóa học năm sau. Danh sách pháp môn tu tập và kinh luận sau đây chỉ là gợi ý và không sắp theo thứ tự. Danh sách có thể được bổ sung)

- Thiền Minh Sát
- Tổ Sư Thiền
- Pháp môn Tịnh Độ
- Mật tông
- Duy Thức Học
- A tỳ Đạt ma Câu Xá Luận
- Đại thừa Khởi Tín Luận
- Kinh Na Tiên Tỳ kheo
- Kinh A Di Đà / Vô Lượng Thọ
- Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật
- Kinh Thủ Lăng Nghiêm
- Kinh Thắng Man
- Kinh Duy Ma Cật
- Kinh Đại Bát Niết Bàn...

Theo Chương Trình Học Phật nêu trên, Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần IV – năm 2014 sẽ là Khóa khởi đầu, với năm học thứ 1, cụ thể với 3 Khóa và các môn học như sau:

### **KHÓA MỘT:** **NĂM THỨ 1**

- Tổng quan về Đạo Phật
- Quy Y Tam Bảo
- Ngũ Giới
- Thờ Phật, Lạy Phật, Cúng Phật
- Tụng Kinh, Trì Chú, Niệm Phật
- Sám Hối

### **KHÓA HAI:**

#### **NĂM THỨ 1**

- Tổng quát về Tứ diệu đế
- Khổ đế
- Tập đế
- Diệt đế
- Đạo đế (tổng quát)

### **KHÓA BA:**

#### **NĂM THỨ 1**

- Tam Pháp Ấn
- Lục diệu pháp môn (2 buổi)
- Mười đại nguyện của Bồ-tát Phổ Hiền
- Lục độ (Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục)
- Lục độ (Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ)

Ban Giám Học sẽ cung thỉnh chư vị giáo thọ đảm trách các môn học cho các Khóa Phổ Thông, Chuyên Đề và các lớp theo đúng chương trình qui định. Những thay đổi hay bổ sung sẽ được thông báo sau.

Vì lợi lạc của việc thọ lãnh và thực hành Chánh Pháp trong đời sống hàng ngày, mong quý đồng hương Phật tử hoan hỷ ghi danh tham dự Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ IV.

Nguyện cầu chư Phật gia bị cho chư tôn đức Tăng, Ni pháp thể khinh an, chúng sinh dị độ và Phật sự thành tựu; đồng kính chúc quý đồng hương Phật tử thân tâm an lạc, bồ đề tâm kiên cố.



# BÀI THƠ "CƯ TRẦN LẠC ĐẠO" của Tổ Trúc Lâm Yên Tử Việt Nam (1258 – 1308)



## Tâm Thường Định

Sáng nay, một ngày rất lạnh nhưng đẹp trời. Có nắng vàng chim hót vang ca. Trời lạnh nhưng không lạnh như ở Miền Trung và Đông Bắc Hoa Kỳ hiện nay. Nghĩ mà thương và đồng cảm với đồng loại. Vừa nộp xong điểm học nhiệm kỳ qua, nhận được một email của Ni Sư Thuần Tuệ:

"Hi anh Tâm Thường Định,  
Khi nào tiện anh dịchùm bài thơ của Sơ Tổ Trúc Lâm:

*Ở đời vui đạo hãy tùy duyên,  
Đói đến thì ăn, mệt ngủ liền.  
Trong nhà có báu thôi tìm kiếm  
Đối cảnh vô tâm chớ hỏi thiền.  
Đây cũng là một trong những nét tiêu biểu của  
Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử Việt Nam.  
Cám ơn anh nhiều.  
Thuần Tuệ"*

Đây là một bài thơ nổi tiếng của Tổ Trúc Lâm Yên Tử Việt Nam thì mình làm sao dám mà dịch, nhưng nghĩ đến thế hệ kế thừa không biết đọc tiếng Việt và tấm lòng thương yêu nâng đỡ của Ni sư, nên mạo muội tạm dịch ra tiếng Anh để hiểu nghĩa của Tổ vậy. Bài thơ CƯ TRẦN LẠC ĐẠO như sau:

*Cư trần lạc đạo thả tùy duyên.  
Cơ tắc xan hề, khôn tắc miên.  
Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch;  
Đối cảnh vô tâm mạc vấn Thiền.*

Theo bản dịch của ông cụ Võ Đình (Mai) và Công-Huyền Tôn-Nữ Nha-Trang thì được dịch ra như sau:

### Ở ĐỜI VUI ĐẠO

Ở đời vui đạo tùy duyên  
Đói ăn mệt ngủ, tự nhiên dễ dàng  
Ngọc châu nhà có sẵn sàng  
Đầu cần tìm kiếm ngoài đường luống công  
Đối người đối vật dung thông  
Tâm không vướng mắc là tông chỉ Thiền.

Rồi bằng tiếng Anh là,

### TO LIVE IN THIS WORLD

In this world of dust  
is enjoyment of the Way attained  
by following the natural path  
To eat when hungry, to sleep when weary  
When at home are such treasures readily available  
there is no need to hunt afar for them  
Treating all and everything with a free heart  
Is the essence of Zen. (Một Cảnh Mai, pg. 78)  
Còn bản dịch của cư sỹ Nguyễn Giác Phan Tấn Hải là:  
Living amid dust and enjoying the way,  
you should let all things take their course.  
When hungry, just eat; when tired, just sleep.  
The treasure is in your house; don't search any more.

Face the scenes, and have no thoughts;  
then you don't need to ask for Zen.

Rồi Ni Sư Thuần Tuệ bảo rằng có một bài dịch nữa, sát theo bản gốc Hán:  
To enjoy the Way in worldly life, just live in harmony with what comes,  
Eating when hungry, sleeping when weary.  
There is treasure in our house, no need to search for it,  
Dealing with all matters with no-mind mind, no need to ask about Zen.

Và nhờ "tổng hợp từ những bài dịch thành một bài sát bản dịch của Ôn Trúc Lâm".  
Vì thế, nên mới y giáo phụng hành. Xin mạn phép được dịch như sau:

In this earthly world, enjoy life as its natural way  
When you are hungry, just eat; when you are weary, just sleep.  
As in our house, or within us, there is already treasure  
When facing countless scenes, no mind is the essence of Thiền (Zen).

Nhưng sau đó cũng chưa vừa ý lắm, nên đổi lại là

### THE PEACEFUL PATH IN THIS LIFE

In this earthly world, enjoy life as its natural way  
When you are hungry, just eat; when you are weary, just sleep.  
As in our house and in us,  
there is no need to search for the treasure already within.  
When facing countless situations, no mind is the essence of Thiền (Zen).

*Sống đời vui đạo hãy tùy duyên  
Khi đói thì ăn, mệt ngủ liền  
Trong ta, nhà ở bao của quý  
Muôn sự vô tâm, tông chỉ Thiền.*

### Tham khảo

1. *Một Cảnh Mai* - Võ Đình và Công-Huyền Tôn-Nữ Nha-Trang, NXB An-Tiêm, 2005.
2. *Cư Trần Lạc Đạo* (nguyên văn) - Thiền Sư Thích Nhất Hạnh - [http://langmai.org/tang-kinh-cac/vien-sach/giang-kinh/trao-tim-cua-truc-lam-dai-si/cu-tran-lac-dao-phan-nguyen-van?set\\_language=vi](http://langmai.org/tang-kinh-cac/vien-sach/giang-kinh/trao-tim-cua-truc-lam-dai-si/cu-tran-lac-dao-phan-nguyen-van?set_language=vi)
3. *Bình Giảng Bài Thơ Phú của Đức Vua TRẦN NHÂN TÔNG* - Hoà Thượng Thích Quảng Liên; [http://www.tinhhanhbotat.org/vanhoc/tin5\\_cutranlacdao.htm](http://www.tinhhanhbotat.org/vanhoc/tin5_cutranlacdao.htm)
4. *Trần Nhân Tông Đức Vua Sáng Tổ Một Dòng Thiền*, Nguyễn Giác, [http://thuvienhoasen.org/D\\_1-2\\_2-134\\_4-12424\\_5-50\\_6-1\\_17-39\\_14-1\\_15-1/](http://thuvienhoasen.org/D_1-2_2-134_4-12424_5-50_6-1_17-39_14-1_15-1/)

# CHỮ “VAN” TRONG PHẬT GIÁO

*Tâm Minh – Ngô Tăng Giao*

Trên ngực các pho tượng Phật, trên những bìa sách hay trong những trang kinh sách Phật giáo, ta thường thấy hình chữ VAN. Cách viết giống như hai chữ S bắt chéo thẳng góc với nhau, trông như cái chong chóng đồ chơi của trẻ em. Nhưng nếu để ý, ta sẽ thấy có hai lối viết khác hẳn nhau theo hướng từ ngoài nhìn vào:



- **mẫu (A):** (卐) chiều quay ngược chiều kim đồng hồ. Đây cũng là chiều quay tự nhiên của các quả địa cầu quanh mặt trời và cũng là chiều tự quay của nó.

- **mẫu (B):** (卐) chiều quay cùng chiều kim đồng hồ. Tức là theo chiều tương sanh trong Ngũ Hành.

Chữ VAN là một trong ba mươi hai tướng tốt của Phật và nó nằm ngay trước ngực của Ngài. Tuy nhiên, một số kinh điển khác thì lại nói đây là tướng tốt thứ 80 của Đức Phật Thích Ca. Nó biểu thị công đức vô lượng của Phật. Sở dĩ nó ứng hiện ở nơi ngực của Phật là để nói lên cái ý nghĩa giác ngộ vẹn toàn của Phật. Ở chính giữa ngực là tượng trưng cho lý Trung Đạo, không kẹt hai bên, vượt ngoài đối đãi. Nhưng nhiều khi chữ VAN cũng thấy ở trên tóc, ở lòng bàn chân hay lòng bàn tay trong các hình ảnh về đức Phật.



chỗ viết theo mẫu (A), có chỗ viết theo mẫu (B). Có những lúc chúng ta thấy chữ VAN xoay qua phía mặt và cũng có khi xoay qua phía trái. Từ đó có những lý luận cho rằng chữ VAN của Phật giáo phải xoay hướng này thì đúng còn hướng kia thì sai.

Những nhà Phật học không thống nhất với nhau

về chiều xoay của chữ VAN, mỗi người nêu ra một cách. Xin lược kê ra sau đây:

1. Theo “Hán Việt Tự Điển” của Thiều Chửu:

Chữ này trong kinh truyện không có, chỉ trong nhà Phật có thôi. Nhà Phật nói rằng: khi Phật giáng sinh, trước ngực có hiện ra hình chữ VAN 卐 mẫu (A), người sau mới biết chữ ấy. Song, chữ VAN

mẫu (A) nguyên là hình tướng chó không phải là chữ, cho nên dịch là *cát tường hải vân tướng*, mà theo cái hình xoay về bên hữu (A) là phải hơn. Vì xem như nhiều Phật (đi vòng quanh Phật tỏ lòng tôn kính mến mộ), thì nhiều về bên hữu, hào quang của Phật ở khoảng lông mày phóng ra cũng xoay về bên hữu, thì viết xoay về bên hữu mới là tướng cát tường, có chỗ làm xoay về bên tả, như mẫu (B) là lầm.

2. Theo “Phật học Từ Điển” của Đoàn Trung Còn:

VAN TỰ: Svastika, chữ VAN 卐 mẫu (B) cũng kêu Kiết tường. Ấy là một chữ linh bên Ấn Độ, chữ ấy có sức đưa lại, nêu ra các điểm tốt lành, vui vẻ, phước đức. Vì vậy nên gọi là: Kiết tường, Vạn tự, Đức tự. Sức lành của chữ VAN 卐 mẫu (B) sâu rộng như biển, cao lớn như mây.

Chữ Phật Thế Tôn đều có hình chữ VAN nổi nơi ngực. Ấy là một tướng quý của các Ngài, và tóc của các Ngài cũng có hình chữ VAN nữa. Vì chữ VAN tiêu biểu cho các điều may mắn, phước đức, tốt lành, cho nên ở trước các ngôi chùa Phật, người ta thường thấy vẽ hình chữ ấy.

Cần chú ý là không nên viết chữ VAN ngược, vì các nhà học đạo cho là 4 cái đầu lửa, quay thuận chiều thì diệt sạch các phiền não, đem lại sự an lạc; mà quay nghịch chiều thì tiêu hủy các công đức, các thiện căn, thật rất nguy hại!

Vậy theo Đoàn Trung Còn, mẫu (B) là đúng. Hình chữ VAN mẫu (A) là sai lầm. Điều này trái ngược với từ điển Thiều Chửu ở phần bên trên. Nhưng cả hai tác giả đều không giải thích được lý do tại sao chữ VAN quay theo chiều này thì cát tường, quay theo chiều ngược lại thì nguy hại. Cả hai tác giả đều không nêu ra được cái lý do xác đáng và có sức thuyết phục.

3. Theo “Từ Điển Phật Học Hán Việt” của Giáo



Hội PGVN Phân Viện Nghiên Cứu Phật Học (chủ biên Kim Cương Tử):

VAN TỰ: Svastika hoặc Srivatsalaksara (thuật ngữ). Chữ VẠN có hình dáng là: VẠN mẫu (A). Đây là tướng biểu thị sự tốt lành lưu truyền ở Ấn Độ, Phật giáo, Bà La Môn giáo, Kỳ Na giáo, đều sử dụng... Chữ VẠN mẫu (A) là tướng chớ không phải là tự (không phải là chữ), vậy nên có thể dịch là: cát tướng hải vân tướng, tức là vạn tướng.

Thế nhưng hình dáng này vòng bên phải là VẠN mẫu (A) tương tự như khi kính lễ Đức Phật, hoặc vòng về bên phải ba vòng, tương tự như sợi lông trắng ở giữa hai lông mày của Đức Phật chuyển vòng về bên phải. Tóm lại coi việc vòng về bên phải là tốt lành, cát tướng. Xưa nay, có khi viết là VẠN 卐 mẫu (B) là sai lầm.

4. Theo "Wikipedia, The Free Encyclopedia":

Chữ VẠN là một trong ba mươi hai tướng tốt của Phật, vị trí trên ngực. Nó biểu thị công đức vô lượng của Phật. Chữ VẠN là phù hiệu, không phải là chữ viết. Viết xoay bên trái hay bên phải đều được.

5. Theo "Từ Điển Phật Học Việt Nam của Thích Minh Châu và Minh Chi" (NXB Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1991):

"VẠN: Một trong 32 tướng đẹp của Phật, vị trí trên ngực của Phật. Nó biểu thị công đức vô lượng của Phật, lông từ bi và trí tuệ vô lượng của Phật. Là phù hiệu, không phải là chữ viết. Viết xoay bên trái, hay bên phải, đều được, tuy rằng có một số nhà Phật học tranh luận nhau về hướng xoay của phù hiệu này."

Như vậy, theo Hòa Thượng Thích Minh Châu và cư sĩ Minh Chi thì chữ VẠN mẫu (A) hay mẫu (B) đều được cả, vì sự tranh luận của hai nhóm Phật học về chiều quay của chữ VẠN không bên nào đạt được lý lẽ thuyết phục. Việc tranh cãi chiều quay của chữ VẠN, chiều nào đúng, chiều nào sai, đều căn cứ trên những nhận thức riêng của mỗi người hay mỗi nhóm người, nhưng không có cơ sở nào đủ sức thuyết phục một cách tuyệt đối, cho nên chúng ta không thể kết luận một cách khách quan bên nào hoàn toàn đúng, bên nào hoàn toàn sai.

Chữ VẠN tượng trưng cho chân lý, và chân lý này chỉ có một. Nhưng tùy theo vị trí đứng nhìn mà thấy chân lý theo kiểu này, mang hình thức này; nếu đứng ở vị trí khác nhìn chân lý thì thấy chân lý theo kiểu khác với hình thức khác. Khi chúng ta hợp lại tất cả nhận thức, hợp lại tất cả kiểu dáng của tất cả sự mô tả chân lý thì may ra chúng ta mới có thể hiểu được chân lý một cách toàn vẹn đủ các mặt.

Đừng nên nghĩ rằng, nếu chữ VẠN quay theo chiều nào đó thì nó tiêu hủy công đức. Cái công đức của ta, chỉ có những việc làm sai trái của ta mới tiêu hủy được, như cái lửa giận của ta chẳng hạn. Ngoài ra không có điều gì bên ngoài khác mà tiêu hủy được công đức của ta. Chúng ta cứ để mặc cho chữ VẠN quay tự do theo chiều quay của nó mà không cần bàn cãi. Chúng ta chỉ cần cố gắng lo làm tròn nghĩa vụ của mình, lập công bồi đức càng nhiều càng tốt.

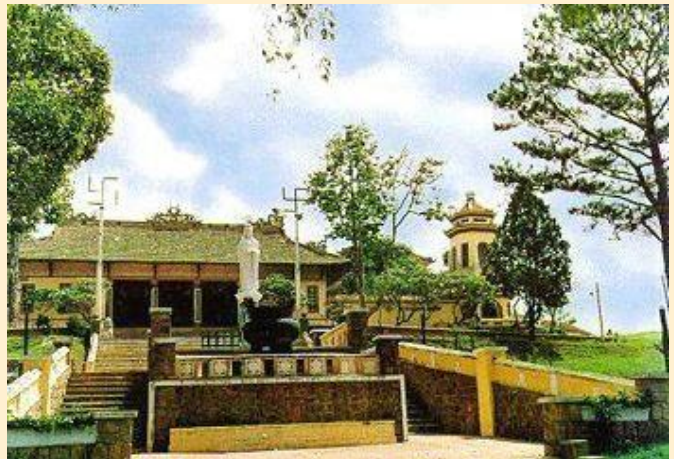
Tóm lại, đúng theo như lời một vị cao tăng đã nói: "Trong Phật giáo, không luận là xoay sang hữu hay xoay sang tả, chữ VẠN luôn tượng trưng cho lòng từ bi và trí tuệ quang minh của Đức Phật. Xoay vòng tượng trưng cho Phật lực vận tác vô cùng, không ngừng, không nghỉ, cứu độ vô lượng chúng sinh trong mười phương. Cho nên không cần phải chấp nhặt, thắc mắc hình chữ VẠN nên xoay qua phải hay qua trái".

Người ta kể lại dưới thời Pháp thuộc, năm 1941,

có một câu chuyện rất buồn cười về một viên công sứ Pháp, đi từ Phủ Doãn lên đàn Nam Giao, khi ngang qua chùa Từ Đàm Huế, thấy các hình trang trí chữ VẠN xung quanh tường rào được trang trí nằm trong không gian có thể trông từ hai phía, ông ta đã nổi giận và bắt vị Trụ trì chùa phải xây phông ở phía sau để chỉ được nhìn về phía mặt chữ VẠN của Phật giáo. Như vậy vấn đề tranh luận chữ VẠN quay phải hay quay trái đã xảy ra từ lâu.

Cũng có người kể rằng Bác sỹ Tâm Minh Lê Đình Thám, một vị cư sĩ nổi danh thời trước, khi xây dựng chùa Từ Đàm có trạm hình chữ 卐 chân không trên cửa ra vào. Khi bị nhà cầm quyền Pháp cho rằng đây là hình chữ của Đức quốc Xã nên phải đổi theo phía tả 卐. Ai dè khi vị cư sĩ vào trong chùa ngó ra lại thấy chữ Vạn quay về phía hữu như trước 卐. Vị cư sĩ bật cười như chột ngộ ra một công án thiền môn.

Tại chùa Linh Sơn thành phố Đà Lạt, Việt Nam, nếu các phật tử đi từ ngoài đường phố vào viếng chùa, leo lên từng bậc thang, ngẩng nhìn lên tượng Phật Bà Quan Âm, thì sẽ nhìn thấy hình ảnh chữ VẠN 卐 mẫu (A) ở hai bên như trong bức ảnh dưới đây:



Nhưng nếu sau khi vào trong chánh điện lễ Phật xong lúc trở ra đi về mà ngó lên thì sẽ thấy hình ảnh chữ VẠN bị xoay ngược lại như sau 卐 theo mẫu (B).

Như thế hình chữ VẠN quay theo chiều ngược kim đồng hồ (mẫu A) hay quay cùng chiều kim đồng hồ (mẫu B) thì đó chỉ là hai cái nhìn khi đứng ở hai vị trí trước mặt hay sau lưng của cùng một chữ VẠN mà thôi. Tùy theo cái "tâm", cái "ý" của người sử dụng, đúng như lời Phật dạy trong Phẩm Song Song của Kinh Pháp Cú:

(PC.1)

*Việc làm của bản thân ta  
Do tâm, do ý tạo ra, dẫn đầu  
Nói năng, hành động trước sau  
Ý mà ô nhiễm: khổ đau theo kề  
Tựa như là cái bánh xe  
Theo chân con vật kéo lê trên đường.*

(PC.2)

*Việc làm của bản thân ta  
Do tâm, do ý tạo ra, dẫn đầu  
Nói năng, hành động trước sau  
Ý mà thanh tịnh: đạt dào niềm vui  
Và bao hạnh phúc trên đời  
Theo ta như bóng khắp nơi theo hình.*

Một ký hiệu chỉ đơn thuần là một ký hiệu. Chính cái dụng ý, cái tâm của con người khiến nó khác biệt. Tương tự như một lưỡi dao trong tay vị y sĩ thời là dụng cụ giải phẫu để cứu được sinh mạng. Nếu nằm trong tay một kẻ gian ác thời có thể trở thành một hung khí giết người của kẻ phạm tội.

Tuy nhiên điều đáng nói là, trong thế giới Phật giáo, cần phải nghiên cứu xem cách viết nào đúng, để đưa ra một quyết định, một sự thống nhất chung, cho mọi người tuân thủ ngõ hầu tạo tính thuần nhất về những biểu tượng đặc thù của Phật giáo. Không thể chấp nhận kiểu viết theo cảm tính; chùa này viết khác, chùa kia viết khác, và nhất là những tượng Phật cùng trong một chùa, lại có hai "chữ VẠN" khác nhau.

\*

Trước đệ nhị thế chiến có Adolf Hitler sinh năm 1889 tại Áo quốc gần biên giới nước Đức. Nhà độc tài Phát xít Hitler cũng dùng phù hiệu chữ VẠN này cho Đảng áo nâu của mình, nhưng đặt *nghiêng*. Vì nuôi tham vọng thống trị cả thế giới qua chiêu bài Phát xít Đức, Ý, Nhật nên đã chọn chữ VẠN như là biểu tượng của đảng Đức Quốc xã. Chính chữ VẠN này đã được bác sĩ Fridrich Krohn phác họa.

Biểu tượng Phát xít của Hitler là "chữ VẠN" màu đen, được vẽ *nghiêng một góc 45 độ* trong một vòng tròn màu trắng, và được mọi người gọi là "dấu thập ngược" (croix brisée). Đó là viết tắt của hai chữ S (State: Quốc gia) và S (Social: Xã hội). Chữ VẠN màu đen, tượng trưng cho sự tằm tối và chết chóc.



Chữ VẠN nằm *nghiêng*, màu đen của Hitler không thể nào có thể đem so sánh với chữ VẠN của Phật giáo màu sắc tươi sáng cho được. Một bên là trời cao xanh mướt, thanh cao thành thiện, tượng trưng cho công đức và lòng từ bi vô hạn. Còn một bên thì thăm thẳm mù đen tượng trưng cho sự tằm tối và chết chóc, tội lỗi đau thương, khát máu và vô nhân tính. Cũng vì sự tằm tối nên giấc mộng Đờ vương của Hitler biến thành mây khói và đưa đến cái chết cho hàng triệu người vô tội và dĩ nhiên cũng kết liễu cuộc đời của chính kẻ bạo chúa.

Thực ra vào đời nhà Đường, Hoàng hậu Võ Tắc Thiên cũng từng sáng tạo ra một chữ VẠN, đọc âm là Nhật. Nhưng đây chỉ là biểu tượng cho mặt trời mà thôi. Chữ ấy *ngược* sang bên trái.

\*

Cũng có những hình chữ VẠN biểu tượng cho may mắn tốt đẹp ở phương Tây trước thế chiến thứ II (Swastikas Symbolized Good Fortune in the West before WWII.) Ngày nay hầu hết mọi người đã quên

hình ảnh tốt lành mà hình chữ VẠN này đã từng có ở Bắc Mỹ từ thuở xa xưa.

Các bưu thiếp và bảng chỉ đường như ở dưới đây gợi lại những ngày tháng trước khi Hitler và cuộc tàn sát những người Do Thái của chủ nghĩa phát xít làm cho biểu tượng chữ VẠN may mắn tốt lành vô tận này có một ý nghĩa hoàn toàn khác đối với hầu hết mọi người ở thế giới phương Tây.

Dưới đây là hình ảnh một bưu thiếp năm 1907 thiết kế bởi E. Phillips, một nhà phát hành bưu thiếp Hoa Kỳ (1907 postcard by E. Phillips, a U.S. card publisher.)



Trên đây là bảng chỉ đường trên Xa lộ tiểu bang Arizona được in hình chữ VẠN trước thế chiến thứ hai. Hình chữ VẠN được tôn kính trong một số lớn các nền văn hóa bản địa, bao gồm cả những nền văn hóa của người Navajo và Hopi ở Arizona. (Arizona State Highway markers all bore the swastika before WWII. The swastika is widely revered in a large number of Native cultures, including those of the Navajo and Hopi peoples of Arizona.)

**TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO**  
(Tháng 1 - năm 2014)

# Chiêu Quân

HUỆ TRẦN

Không thấy một gạch nổi nào giữa hình ảnh người đẹp Chiêu Quân của Hán-quốc phải gạt lệ sang Hồ, với thời điểm giao mùa, năm mới tiền năm cũ. Vậy mà tôi cứ băng khuâng, phảng phất đâu đây tiếng nức nở của giai nhân:

*"Tuyết lạnh che mờ trời Hán-quốc*

*Tỳ-bà lạnh lạnh buốt cung thương*

*Tang tình năm ngón, sầu dâng lệ*

*Chiêu Quân sang Hồ, xử hồ sang" (\*)*

Có lẽ không gì ảo não cho bằng khi phải xa rời quê hương bất đắc dĩ. Huống chi, một vương phi phải vĩnh biệt quần vương xứ mình vì bị chọn làm quà tặng cho vua xứ khác.

Có ai phải xa quê, trên đường biên giới, nhìn về đất mẹ mới cảm thông phần nào nỗi lòng Chiêu Quân:

*"Đây Nhạn-Môn-Quan đường ải vắng*

*Trường Thành xa lắm, Hán Vương ơi!*

*Chiêu Quân che khếp mền chiền bạch*

*Gió bắc trời Phiên thấm lạnh rồi*

*Ngó lại xanh xanh triều Hán-Đế*

*Từng hàng châu lệ thấm chiền nhung*

*Quân Vương chắc cũng say và khóc*

*Ái Khanh! Ái Khanh! Lời ghen ngùng" (\*)*

Lòng người đi sâu muện như thể. Còn kẻ ở thì sao? Chia lìa nào mà không đứt đoạn:

*"Hồ xang, hồ xang, xử hồ xang*

*Chiêu Quân nàng ơi, lệ dâng hàng*

*Lã chã trời Phiên mưa tuyết xuống*

*Chiêu Quân sang Hồ, xử hồ xang" (\*)*

Người yêu thơ biết đến Quang

Dững ở những bài bất tử như *Đôi Mắt Người Sơn Tây, Đôi Bờ, Tây Tiên*, nhưng bài Chiêu Quân, tương đối ít người nhắc hơn.

Tôi cũng ở trong số này. Nhưng đêm nay, trong chuyên tiếp lắng thăm của trời đất, lòng tôi bỗng quặn lên hình ảnh một người phải gạt lệ xa quê. Biết bao người đã tức tưởi xa quê, sao phút giây này tôi lại chỉ mơ hồ thấy bóng dáng Chiêu Quân, một nhân vật, đối với tôi vẫn chỉ là huyền thoại?

Người thi sỹ như con tằm, khi nhả tơ là nhả chính nỗi lòng mình. Quang Dũng gửi gắm gì qua tiếng khóc Chiêu Quân, tôi không rõ, nhưng tiếng khóc đó đang chiều cảm lòng người xa quê giữa giờ phút giao mùa, là tôi.

Quê nội tôi, làng Phương Viên, huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Đông mà tôi tình cờ biết đó cũng chính là nơi Quang Dũng chào đời. Thi sỹ sinh năm 1921 tại làng Phương Trì, huyện Đan Phượng, nghĩa là cùng huyện, chỉ khác làng thôi, mà làng quê Việt Nam thì nhỏ bé, nhiều khi chỉ cách nhau một lạch sông, một bờ



đê hay dăm bụi tre ngăn con đường đất đỏ. Phương Viên và Phương Trì là hai, trong số tám làng nhỏ mà địa danh được gọi chung là Tổng Phùng.

Khi khám phá ra điều này tôi mới thấp thoáng nhớ về những ngày thơ ấu. Mỗi mùa hè nghỉ học, được về quê chơi, tôi thường đong đưa nằm trên chiếc võng mắc ở nhà ngang, nhìn qua khung cửa thấy rặng núi xanh rì. Ngờ đâu, đó chính là rặng núi Ba Vi đã gợi niềm xúc cảm để Quang Dũng viết nên bài thơ nổi tiếng *"Đôi Mắt Người Sơn Tây"*, mở đầu với những câu:

*Em ở thành Sơn chạy giặc về*

*Tôi từ chinh chiến cũng ra đi*

*Cách biệt bao ngày quê Bất Bạt*

*Chiêu xanh không thấy bóng Ba Vi" (\*)*

Bài thơ này được cố nhạc sỹ tài danh Phạm Đình Chương phổ nhạc và tự hát. Thơ và nhạc đã cất cánh bay suốt ba miền đất nước từ nhiều thập niên qua. Dù là người biết nhạc hay không, nhưng khi thường lãm Phạm Đình Chương chậm rãi nâng ly rượu sóng sánh, nhấp một ngụm, rồi với tay, lấy cây đàn tây ban cầm, dạo nhẹ dăm cung bậc và hào sáng cất tiếng:

*"Đôi mắt người Sơn Tây*

*U uẩn chiều luân lạc*

*Buồn viễn xứ khôn khuây" (\*)*

thì tâm hồn người nghe không thể nào không xao xuyến. Huống chi, quê người nghe lại ở ngay miền đất thơ mộng đó!

Viết tới đây tôi mới mơ hồ thấy cái gạch nổi giữa tấm lòng Chiêu Quân và thời khắc giao mùa.

Thì ra, chẳng phải Chiêu Quân khiến tôi băng khuâng, mà là tác giả bài thơ Chiêu Quân, người gửi gắm tâm sự qua nỗi lòng kẻ sang Hồ.

Tác giả bài thơ - người biết rõ quê nội tôi như chính tôi - là người đang khơi dậy hồn quê chan chứa trong tôi. Thế nên chiều nay, tiếng nấc Chiêu Quân không chỉ là tiếng gọi hồn Quang Dũng mà còn đưa tôi về quê cũ, nơi ông bà, cha mẹ đã nằm xuống. Quang Dũng gọi, hay chính tôi đang gọi mình:

*"Em ơi! Em ơi! Đêm dần với,*

*Vọng về phương ấy ngóng trông người*

*Trăng có soi qua đầu tóc bạc*

*Nẻo chừng cổ quận, nhớ thương ơi!" (\*)*





Vâng, nhớ quá và thương quá, quê ơi! Tôi vẫn biết ngày nay, bờ đê đó, đường làng xưa đã đổi khác nhưng hồn quê, hồn đất, ngàn năm thắm xương máu Cha, Ông, đã thành linh địa trong anh, trong tôi thì không gì đổi thay được:

"*Khói thuốc xanh dòng, khói lối xưa*  
*Đêm đêm sông Đáy lạnh đôi bờ*  
*Thoáng hiện em về trong đày cốc*  
*Nói cười như chuyện một đêm mưa"* (\*)

Kim đồng hồ vừa nhích khỏi con số 12.

Năm cũ đã qua.  
Năm mới vừa tới.

Tôi thấp ba nén nhang, bước ra sân, vọng về quê hương.

Cắm nhang bên gốc ngọc-lan, tôi ngước nhìn trời đêm, nhớ về Tổ Tiên, Ông Bà, Cha Mẹ, nhớ về bao người đã vun bồi Quê Hương, đã đến rồi đi như giòng sông, chỉ CHO mà không chờ NHẬN.

Trong bóng đêm, tôi lặng lẽ sụp lạy đủ chuỗi hạt 108. Mỗi hạt là một lạy.

Nền đất lạnh buốt gối quỳ không làm tôi run rẩy lời thành khẩn cầu xin an lạc tới khắp nơi khổ hạnh.

(\*)Thơ Quang Dũng: *Chiêu Quân. Đôi mắt người Sơn Tây. Cổ quận. Đôi bờ.*

thơ

## BÀI THƠ CHO CON

Viết cho cháu con Bình Định sinh ra và lớn lên ở xứ người!

**Lê Bích Sơn**

*Mai này con có về xứ Việt*  
*Nhớ một lần uống nước sông Côn (1)*  
*Con sông lớn chảy qua miền đất Võ*  
*Để nhớ mình là con cháu Tây Sơn*

*Cha sẽ đưa con về quê Mẹ*  
*Thăm Rạch Gầm - Xoài Mút (2) chiến công xưa*  
*Nơi Nguyễn Huệ đánh quân Siam tan tác*  
*Để giữ Tiền Giang muôn thưở hiền hòa*

*Hãy cùng Cha đi mọi miền đất nước*  
*Để học bài 'nước mặn, đồng chua'*  
*Để hiểu tổ tiên ta ngàn đời cơ cực*  
*Để biết cơm ngon từ cay đắng những vụ mùa*

*Về quê Cha – miền Trung bão lũ*  
*Đã bao đời lấy nước mắt làm canh*  
*Vực dậy từ những hoang tàn, đổ nát*  
*Tiếp tục xây đời, tiếp tục viết sử xanh*

*... Và con ơi, mai này khôn lớn*  
*Nhớ máu Lạc Hồng tuôn chảy trong con*  
*Đừng quên tiếng Việt, đừng là người vong bản*  
*Ngày ấy Cha mỉm cười: "Con đã lớn khôn!"*

Atlanta, mùng Một Tết Giáp Ngọ 2014

## LÊ BÍCH SƠN

(1) Sông Côn (sông Kôn, sông Kone) là con sông lớn nhất của tỉnh Bình Định.

(2) Rạch Gầm-Xoài Mút là tên gọi một đoạn sông Tiền, giới hạn bởi 2 sông nhánh nhỏ là sông Rạch Gầm (phía thượng lưu) và sông Xoài Mút (phía hạ lưu). Đoạn sông này ngày nay nằm giữa địa phận thành phố Mỹ Tho và huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Vào ngày 20 tháng 1 năm 1785, quân Tây Sơn do Long Nhương Tướng quân Nguyễn Huệ chỉ huy đã đánh bại 2 vạn quân thủy bộ của Si-am (Xiêm/Thái) qua can thiệp giúp chúa Nguyễn Phúc Ánh, đồng thời đốt rụi 200 tháp thuyền to, chỉ còn sống sót được mấy nghìn quân trốn chạy về nước.

# Không Nói On Nghĩa

## TÂM KHÔNG VĨNH HỮU

Trời vừa sáng, anh Long đã vội trèo lên xích lô đạp đến bệnh viện...

Khuya hôm qua, lúc cả thành phố đã chìm vào giấc ngủ, trên đường đạp xe trở về nhà sau một ngày dang nắng ở cổng Chợ Đầm vào những ngày xuân sang, anh đã tình cờ phát hiện rồi cứu một nạn nhân bất tỉnh mê man bên vệ đường với một vết thương trên trán khiến cho máu ra thật nhiều. Nạn nhân là một người đàn ông trung niên, ăn mặc rất tươm tất sạch sẽ, nhưng nồng nặc mùi men. Lục trong túi quần nạn nhân, anh Long thấy một chiếc ví da dày cộm, bên trong đầy những tờ giấy bạc có mệnh giá lớn, có cả tiền đô -la tươi và giấy tờ tùy thân... Do trời đã khuya khỏa, anh chỉ kịp lo chở nạn nhân đi cấp cứu, không thể đến báo tin ngay cho thân nhân người bị nạn, vì xem dò địa chỉ ghi trong giấy chứng minh thư anh thấy ở quá cách xa, phải đến năm cây số, mà lúc ấy thì anh đã rã rời tứ chi do lao động cực nhọc với những cuộc xe đầy chất hàng hóa đón Tết.

Anh Long cắt kỹ chiếc ví, định bụng sáng sớm mai sẽ vào bệnh viện trao trả lại cho nạn nhân đầy đủ. Khuya hôm qua, anh đã chờ cho đến khi bác sĩ báo cho hay kết quả sơ cứu nạn nhân, biết nạn nhân thoát được hung hiểm, anh mới yên tâm trở về nhà. Giờ thì anh vào thẳng bệnh viện...

Bước vào phòng, anh Long ngạc nhiên khi thấy một người hàng xóm quen biết của mình đang ngồi túc trực bên giường của nạn nhân mà anh đã cứu khuya hôm qua. Người hàng xóm cũng ngạc nhiên khi thấy anh. Anh Long hỏi khẽ: "Anh Trung... anh là gì của anh này?"

Người hàng xóm tên Trung cũng nói khe khẽ: "Bạn thân. Tôi được bệnh viện báo tin cho biết mới sáng nay, vội vào đây, nói chuyện được ít câu thì anh ta đã ngủ. Anh ta say quá, bị bạn bè ép uống rượu trong buổi tiệc họp mặt cuối năm, trên đường về thì té xe, xe bị ai cuôm mất rồi, nhưng...

chuyên ấy tính sau!"

Anh Long bước gần đến sát bên giường, nhìn kỹ gương mặt bệnh nhân, hỏi:

"Có đỡ nhiều hơn không?"

Anh Trung gật đầu:

"Nghe y tá nói, hồi mờ sáng anh ta có tỉnh giấc và báo cho bệnh viện biết địa chỉ nhà tôi. Anh ta không có người thân nào ở thành phố này, họ đều ở trong miền Tây Nam Bộ và một số đã định cư nước ngoài xa xôi cả... Có phải anh đã chở anh ta vào đây không?"

Anh Long gật nhẹ, rồi trao chiếc ví của nạn nhân cho anh Trung. Anh Trung mở xem qua bên trong, thấy giấy tờ và tiền bạc còn nguyên, thì ngẩn ngơ, suy tư một hồi lâu mới hỏi:

"Rõ ràng là một nhân duyên đưa đẩy cho anh gặp mà cứu anh ta, cứu lấy chính người đã từng là ân nhân của anh đó, anh có biết không?"

Người phu xích lô rùng mình, sùng sốt:

"Sao? Anh ta... anh ta... là ân nhân của tôi đó sao?"

Gật đầu một cái thật mạnh, anh Trung phẩy tay:

"Chính anh ta. Người đã giúp anh tiền để mua chiếc xích lô năm ngoái, và cũng chính anh ta giúp đỡ gia đình anh mấy đợt tiền trong lúc ngặt nghèo, bệnh hoạn. Tiền phụ cấp hằng tháng cho mấy đứa con của anh đi học cũng là của anh ta hỗ trợ cho đó!"

Hai người lặng im. Khoảng khắc yên tĩnh dành cho cơn rùng động nội tâm. Anh Long chưa hết bàng hoàng, lại nghe giọng trầm trầm của anh Trung cất lên:

"Không phải chỉ gia đình anh là được anh ta giúp đỡ đâu, mà còn rất nhiều gia đình neo đơn bản cùng khác nữa. Nhất là những gia đình nghèo có con cái hiếu thảo và ham học, như gia đình của anh chẳng hạn..."

Anh phu xích lô nghèo kinh ngạc, hỏi nhỏ:

"Anh ta là một... tí phú phải không?"

"Không. Anh ta chỉ đơn

thuần là một nhà báo, nhà báo không thế!"

Há hốc mồm, anh Long hỏi lại:

"Nhà báo không thế?"

Anh Long giải thích:

"Nghĩa là một người cầm bút viết báo, nhưng không có... thế nhà báo. Một cách gọi khác về những cộng tác viên báo chí. Tuy chỉ là một cộng tác viên, nhưng trong làng báo nước nhà ai cũng biết tên tuổi của anh ta, vì anh ta có bút lực rất sung mãn, lại đa năng..."

Anh Long vẫn chưa qua hết cơn kinh ngạc:

"Nếu là nhà báo đơn thuần thì làm gì giàu có và hào phóng đến mức như vậy?"

Anh Trung hạ giọng xuống:

"Đó là điểm đặc biệt của anh ta. Anh ta vẫn cầm bút sáng tác bình thường, viết đủ thể loại và vẽ cả tranh minh họa và biếm họa, yêu nghề và quý trọng nghề, sống bằng tiền nhuận bút, bằng đồng tiền chân chính do chính mình làm ra. Còn những khoản tiền mà người thân ở nước ngoài đều đặn gửi về hằng tháng cho anh ta, anh ta đã không dùng đến, mà trút hết ra cho việc làm từ thiện, làm Phật sự..."

Anh phu xích lô ngẩn ngơ, hỏi ngay:

"Phật sự? Là làm chuyện cho chùa à?"

"Đúng vậy. Anh ta là một Phật tử thuần thành, do xưa kia, lúc còn là một thanh niên mới lớn, anh ta đã từng có thời gian 3 năm tu học Pháp Phật, sau vì đứt duyên mà hoàn tục, nhưng cái Tâm của anh ta từ đó đến mãi tận bây giờ dường như là không rời xa chốn thiền môn Hỷ Xả - Từ Bi. Thật đáng bái phục!"

Anh Long thốt lên:

"Quá phi thường! Đâu phải ai cũng dễ làm được điều đó! Đây là lần đầu tiên tôi nghe thấy được..."

Anh Trung nhìn ra bên ngoài cửa sổ, cất giọng có chút buồn giận:

"Cho nên rất nhiều người đàm tiếu chê bai, cho rằng anh ta là kẻ lập dị, là hâm, là khùng, là ngu, là khờ, là muốn chơi nổi chơi trội lấy tiếng, muốn lưu danh muôn thuở... Vì họ không làm được như anh ta, nên họ cho rằng vậy là lẽ đương nhiên!"

Chưa hết thắc mắc, người phu xích lô nghèo lại vẫn hỏi:

"Nhưng... sao anh ta không tự tay mình, không đích thân làm

những việc nghĩa như giúp đỡ gia đình tôi, mà một số chuyện lại nhờ vào tay anh chuyển giao?”

Một nụ cười điểm nhẹ trên môi, anh Trung nói:

“Điều đó cũng là một cái... quá. Quá đến độ khiến cho chúng ta phải nghiêng mình khâm phục kính nể. Từ trước tới nay, mọi sự giúp đỡ của anh ta đều thông qua tôi, anh ta muốn vậy, vì không thích ai biết mặt mình, không thích ai nói đến chuyện mang ơn mang nghĩa. Cho nên, cả anh ta lẫn anh, và những người mang ơn anh ta đều không biết mặt nhau đó! Anh ta muốn vậy, thì hãy để cho anh ta được như ý...”

Anh Long sững sờ, lòng trở lên niềm kính phục trước con người bị nạn đang nằm ngủ say trên giường kia... Anh nhớ lại, rất nhiều lần gia đình anh lâm vào cảnh túng bấn cực cùng, khi vợ ốm, lúc con đau, khi hết gạo, lúc cạn tiền, nhằm mùa khai giảng lo cho con cái tựu trường, không còn gì giá trị trong nhà để bán đi, anh thì thất nghiệp dài dài, tứ bề tường như đã bế tắc... thì được anh Trung mang tiền đến trao cho nói rằng “của một người tốt bụng thích làm việc từ thiện, nhưng luôn luôn giấu mặt.” Nhận được sự giúp đỡ của một người không quen biết qua trung gian một người hàng xóm nhân hậu, anh Long rất muốn biết mặt ân nhân của mình, rất khao khát được diện kiến ân nhân dù chỉ một lần trong đời để quỳ xuống mà nói lên lòng biết ơn, nhưng anh Trung đã khẳng khái từ chối không chịu cho biết nhân thân của người tốt bụng giấu mặt ấy. Không ngờ khuya hôm qua, anh Long lại được dịp trả cái ân tình, và sướng nhất là được biết dung nhan diện mạo của người đã giúp gia đình anh thoát cảnh đói nghèo thế lương... Người mà bao lâu nay anh Long muốn được nhìn ngắm đang nằm trên giường kia, gương mặt hiền lành, mắt nhắm nghiền trong cơn ngủ say vì mệt mỏi.

Anh Long bước lại, nắm lấy bàn tay của ân nhân, nước mắt cứ chực trào ra. Anh Trung thấy vậy vội túm áo anh xích lô giật mảy cái, nói nhỏ:

“Nghe tôi dặn nè, chút nữa nếu anh ta có thức dậy, nhớ tuyệt đối không được nói đến chuyện ân nghĩa gì hết nghe chưa!”

Nhân nhú mặt mày, anh Long hỏi:

“Không cho tôi nói một lời cảm ơn nào ư?”

“Tuyệt đối không!”

## BẬP BÙNG ĐÓM LỬA ĐÊM ĐÔNG

*Bếp lửa hồng  
Đêm đông  
Ngọn lửa bập bùng  
Khoảng trời mênh mông*

*Thời gian qua mau  
Tóc xanh bạc màu  
Tìm trong mắt nhau  
Hơi ấm ban đầu*

*Người ơi  
Chút tình tôi  
Chợt đầy, chợt vơi  
Lửa cháy...muôn đời*

*Đôi bàn tay  
Khô gầy  
Hong đời run rẩy  
Theo làn khói bay*

*Bầu trời bao la  
Mảnh hồn ta  
Bay giữa thiên hà  
Lập lòe đóm lửa gần xa*

*Đêm đông  
Ngọn lửa hồng  
Bập bùng, bập bùng  
Một cõi Sắc Không...*



Thiên Trúc, Bắc Cali  
Đêm đông, tháng 12/ 2013

### HÀN LONG ẮN

“Nói chút xíu thôi...”

“Chút xíu cũng không được! Dứt khoát là không được. Anh ta chúa ghét bất cứ ai nói đến chuyện ân nghĩa, nói đến chuyện tạ ơn với cảm ơn. Hãy tôn trọng ý muốn của anh ta, đó chính là trả ơn rồi đó! Tôi chơi thân với anh ta chục năm rồi, tôi biết và hiểu anh ta rõ hơn ai hết!”

Anh Long chưa kịp nói gì thì con người nằm trên giường đã mở choàng mắt dậy. “Kê lập đi” đưa đôi mắt lơ dờ nhìn anh Trung, rồi nhìn sang anh Long với chút ngạc nhiên, cất giọng yếu ớt:

“Ai vậy, Trung?”

Anh Trung thần nhiên:

“Người xích lô chở anh vào đây hồi khuya đó!”

Đưa mắt nhìn anh Long, “nhà báo không thể” cất giọng yếu ớt:

“Vậy à? Cảm ơn anh nhé, cảm ơn anh rất nhiều... cảm ơn đã cứu mạng...”

Anh Long bước lại sát bên giường, giọng nghẹn đi:

“Ơn nghĩa gì? Tôi đến cốt để xin tiền cuộc xe hồi khuya đó. Trả lệ tiền cho tôi còn về. Hết thầy hai mươi lăm ngàn đồng!”

Nói xong rồi, anh Long quay mặt đi nơi khác, không cần nhìn thứ thái độ của người đang nằm trên giường. Người phu xích lô nghèo đã quay mặt đi nơi khác chỉ vì cố để giấu hai hàng nước mắt của mình đã không được phép mà tuôn rơi...

**Tâm Không Vĩnh Hữu**

**MỖI KỲ MỘT MÓN CHAY**

**BÁNH BAO CHAY**

**Vật liệu làm bánh bao bằng ham soybean paste:**

- 1 cup ham nhão màu hồng
- 1 cup ham nhão màu trắng
- 1/2 thịt chay vụn (mì căn khô ngâm nước)
- 1 củ sắn thái hạt lựu (cho vào microwave 5 phút)
- 1 củ hành (thái hạt lựu)
- 4 tai nấm đông cô (ngâm nước mềm thái mỏng)
- 1/2 cup nấm mèo (ngâm nước thái nhỏ)
- 1 muỗng café bột nêm
- 1 table spoon bột tàn mì (wheat starch)
- 1 muỗng café đường
- 1/2 muỗng café tiêu
- 1/2 cup đậu petite



**Cách làm:**

Bắc chảo cho 2 muỗng café dầu ăn xào nấm đông cô, củ hành, thịt chay, nấm mèo cho bột nêm, tiêu, đường khoảng chừng 10 phút, tắt lửa để thật nguội, trộn hai thứ ham nhão, củ sắn, bột tàn mì, lấy một chút cho vào microwave 1/2 phút, nêm vừa ăn là được; sau cùng cho đậu petite vào, vò viên tròn. Hấp bánh bao 10 phút, dỡ nắp nồi cho bay hơi nước, hấp thêm 10 phút nữa là được. CTM làm bột bánh bao theo công thức của **chị Isabella**, nhưng thêm 1 muỗng canh (table spoon) bột tàn mì cho bánh được dai, bánh hấp xong trắng đẹp tuyệt vời.

**Vật liệu làm bột bánh bao:**

- 1 1/2 cups cake flour (swandown hay soft a silk)
- 1/2 cup sữa
- 1/4 teaspoon muối
- 2 tablespoons sugar
- 1 teaspoons baking powder
- 1 tablespoon dầu ăn

**Cách làm:**

Rây bột với baking powder cho đều, trộn đường, muối, sữa, dầu. Nhồi bột phút, ủ bột 30 phút cho nổi. Chia bột thành 4 miếng đều nhau cán ra, cho nhân, gói lại đem hấp trên nước sôi có pha dấm.

**Chú thích:** Tbsp: tablespoon (muỗng canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muỗng cà-phê), khoảng 5ml.

**Chân Thiện Mỹ** (nguồn: Thư Viện Hoa Sen)

# RƯỢU XUÂN

*Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức*



## Rượu Xuân nên Uống Vừa Thôi

Đón Tết Mừng Xuân là phải có ăn có uống. Vì thể dân gian ta mới gọi là *ĂN TẾT*. Mà không phải chỉ ăn một bữa, hai bữa nhưng "chẳng phong lưu cũng ba ngày Tết." Nhiều địa phương còn ăn Tết cả tháng, vì "*Tháng Giêng là tháng Ăn-Chơi*." Giàu thì mổ trâu mổ bò, nghèo thì cũng làm thịt con gà, chung nhau con heo. Rồi nấu nướng, giã giò, gói bánh chưng, bánh tét, ăn uống linh đình.

Uống đây không phải là nước cam nước chanh, nước ngọt mà còn là uống rượu. Vì "*phi tửu bất thành yến*." Phải có vài ly rượu đưa cay cho món tiết canh lòng lợn, miếng thịt quay vàng óng thơm ngon. Người ta nâng ly chúc nhau Thọ tựa Nam sơn, Phúc như Bắc hải, giàu có bằng năm bằng mười năm ngoài...

Uống rượu vẫn được coi như là một cái thú. Có người nhâm nhi một chút rượu để thưởng thức cái hương thơm của rượu, cái vị cay cay của rượu, cái cảm giác kích thích của tửu tinh.

Uống rượu mà có thêm bạn đồng ẩm thì tiệc rượu càng vui.

Nhưng kìa sao mọi sự đang diễn ra êm đềm thân mật, đột nhiên lời qua tiếng lại, một người to tiếng, cả khía khích bác người kia. Rồi cãi nhau, rồi thượng cẳng chân, hạ cẳng tay ẩu đả. Người ta đã quá chén, không kiểm soát được mình vì ma men đã làm chủ con người. Người ta đã say vì rượu tràn ngập cơ thể. Ấy là chưa kể, nếu tiếp tục "rượu vào, lời ra" thì sẽ đưa tới bê tha nghiện ngập, mất phẩm giá con người mà còn mang thêm bệnh hoạn.

Nhân dịp Tân Xuân sắp đến, lang tôi xin cùng quý thân hữu tìm hiểu lại lợi hại của cái món "Nước Tinh Thần" này. Để cùng trọn vẹn vui những ngày Xuân.

Vì ngoài vai trò khiếm nhường trong dinh dưỡng, ẩm thực, rượu được y khoa tây phương coi như một loại thuốc. Với Đông Y thì "*Tửu vi bách dược chi trưởng*," rượu đứng đầu trăm loại thuốc.

Khi hấp thụ vào cơ thể, thuốc hoặc rượu sẽ tạo ra một số thay đổi vừa tốt vừa xấu cho các chức năng của tấm thân đáng quý này. Khi uống vừa phải, các thay đổi xấu có thể trở lại bình thường, nhưng quá nhiều thì rượu lại có hại.

## Tác dụng tốt của rượu

Đông, Tây y học đã đồng ý với nhau là rượu có một số tác dụng tốt cho cơ thể, NẾU được dùng vừa phải.

Danh y Lý Thời Trân của Trung Hoa từ xưa đã có nhận định: "*Uống ít rượu sẽ làm khí huyết lưu thông; uống nhiều sẽ làm hại tinh thần, làm tổn thương bao tử và kích thích hỏa tà.*"

Các nhà dinh dưỡng y học thời nay thì nhấn mạnh ở chữ *moderation*, vừa phải cũng như đừng tự tạo ra thói quen uống rượu, đừng uống vì bị ép nài (Tửu bất khả ép). Vừa phải là khoảng 350 cc bia, 150 cc vang và 50cc rượu mạnh, hai lần một ngày cho nam giới. Nữ giới thì một lần thôi vì lá gan quý bà tuy "mưu lược đánh ghen" thì hay nhưng không "xử lý"

được lượng rượu lớn. Cũng nên để ý tới độ cồn của rượu: trên 5% là mạnh rồi đấy và phải cẩn thận.

## 1- Kích thích khẩu vị

Các nhà y học đều có ý kiến là quý vị tuổi cao, người đang phục hồi bệnh có thể dùng một chút rượu khai vị để ăn ngon miệng. Một chút rượu sẽ kích thích nụ nếm ở lưỡi, tăng nước miếng và dịch vị bao tử, giúp cho sự tiêu hóa thực phẩm dễ dàng. Một chút rượu cũng tăng cảm giác đói, khiến ta ăn nhiều hơn.

## 2- Rượu với trái tim

Đây là vấn đề được nghiên cứu, tranh luận rất nhiều với nhiều ý kiến thuận nghịch.

Nghiên cứu vào tháng 11 năm 2009 của nữ bác sĩ Larraitz Arriola, Tây Ban Nha, cho hay dùng rượu đều đặn có thể giảm 1/3 rủi ro mắc bệnh tim mạch. Tuy nhiên tác giả cũng vội vàng nhấn mạnh rằng bà không khuyên mọi người bắt đầu uống rượu vì khi lạm dụng, rượu đã gây ra cả triệu tử vong. Và nếu có uống thì nên uống vừa phải kèm theo ăn đầy đủ chất dinh dưỡng, vận động mỗi ngày.

Vì có quá nhiều ý kiến tương tự, Hội Tim Hoa Kỳ cũng miên cưỡng nói rằng dùng rượu vừa phải có thể có tác dụng tốt cho bệnh tim.

## 3- Rượu với stroke

Nhiều nghiên cứu nói rằng dùng rượu vừa phải có thể giảm rủi ro stroke gây ra do xuất huyết não. Rượu có tác dụng tăng cholesterol lành HDL, giảm sự kết tụ của tiểu cầu.

Hội Tai Biện Não Hoa Kỳ nhận định: "*Uống hai lượng rượu mỗi ngày có thể giảm quá nửa rủi ro stroke, nhưng uống trên số lượng này lại tăng rủi ro stroke gấp ba lần cộng thêm bệnh gan và các tai nạn khác. Tốt hơn là nếu chưa uống thì đừng bắt đầu uống.*"

## 4- Rượu với khả năng nhận thức

Tạp san Y học New England Journal of Medicine, 2005, có đăng kết quả nghiên cứu của Đại học Harvard về sự uống rượu ở quý lão phu nhân từ 70-81 tuổi. Những vị nào uống một lượng nhỏ rượu mỗi ngày thì ít bị hư hao nhận thức hơn là nữ nhân không uống.

Nhưng uống quá nhiều thì bị suy giảm khả năng học hỏi, cất giữ và nhớ lại sự việc.

## 5-Rượu xoa dịu tâm trạng

Một chút rượu có thể làm giảm sự bồn chồn, lo lắng hoặc tạo một cảm giác thân thiện giữa con người với con người. Cho nên trong những bữa ăn giao tế, một ly rượu là vật xúc tác tốt đưa đẩy cho việc thảo luận công gia việc nọ. Nhưng phải luôn luôn nhớ rằng:

*"Rượu lạt uống lằm cũng say;  
Người khôn nói lằm dẫu hay cũng nhàm"*

## Tác dụng xấu của nhiều rượu

Chẳng phải thiên kiến, hep hời nhưng tác hại của tiêu thụ quá nhiều rượu đã được nhìn thấy và nghiên cứu y khoa học chứng minh.

- Theo Viện Nghiên Cứu Ung thư Hoa Kỳ, có

nhieu bằng chứng là nghiện rượu tăng rủi ro ung thư miệng, cổ họng, thanh quản và thực quản. Rượu cũng tăng rủi ro ung thư phổi nếu kèm theo với hút thuốc lá. Đôi khi rượu gây ung thư gan, đại tràng, nhũ hoa.

- Như đã trình bày ở trên, một chút rượu có thể tốt cho tim, nhưng liên tục nhiều "chút, chút" lại gây tổn thương cho trái tim nhỏ bé, đưa tới cao huyết áp, giãn yếu cơ tim, suy tim rồi tai biến não. Uống nhiều rượu cũng tăng chất béo triglyceride trong huyết quản.

- Gan có nhiệm vụ chuyển hóa rượu để loại ra khỏi cơ thể. Tiêu thụ nhiều rượu khiến cho gan suy yếu, tổn thương, đưa tới các bệnh như gan nhiễm mỡ, viêm gan, xơ cứng gan rồi ung thư gan.

- Uống nhiều rượu đưa đến nguy cơ suy dinh dưỡng. Lý do là rượu chỉ cung cấp một số năng lượng còn chất dinh dưỡng lại rất ít. Uống một lon bia có thể giúp ăn ngon hơn, nhưng uống dăm lon là no bụng, dạ dày không còn chỗ cho thực phẩm. Ngoài ra, nếu uống rượu nhiều, đi tiểu nhiều, lại thêm ói mửa tiêu chảy mất hết sinh tố, khoáng chất. Thế là thiếu dinh dưỡng với nhiều hậu quả khôn lường.

- Tiêu thụ nhiều rượu khiến phản ứng thần kinh chậm lại, kém tập trung và giảm khả năng phán xét. Uống thêm, người tiêu thụ trở nên hung bạo, gây gỗ, mất tự chủ. Hậu quả là đã thương, tai nạn xe cộ, tử vong...

- Nhiều rượu cũng đưa tới nghiện ngập, viêm loét dạ dày, giảm khả năng tình dục, rối loạn dây thần kinh ngoại vi, thay đổi chức năng trí tuệ, thiếu máu, khuyết tật trẻ sơ sinh khi mẹ có thai lại uống rượu, mệt mỏi sau say sưa, béo bụng...

### Kết luận

Ở đời, xét cho cùng lý, thì mọi sự đều phúc dẫy, họa dẫy, tùy theo sự khôn khéo lựa chọn, quyết định của con người.

Bia rượu có cả từ nhiều ngàn năm. Người uống cũng nhiều mà người không cũng chẳng ít. Hậu quả tốt cũng có, mà xấu đêm cũng chẳng xuể.

Nhà dinh dưỡng lão thành Từ Giấy đã ví tâm trạng người uống rượu với mấy con thú vật. Uống vừa phải thì hớn hờ như con công, thêm chút nữa thì cho là khỏe như sư tử, thêm vài ly thì huyền não như con khỉ để rồi tới khi say thì nằm gục ngủ khi như con heo. Uống như vậy thì đâu có ích gì.

Cho nên, nếu biết cân nhắc, lấy sự chừng mực, điều độ và có giới hạn làm kim chỉ nam, thì chắc là sẽ "phúc sẽ nhiều hơn họa" và cuộc đời chắc sẽ nhiều mùa Xuân bình an. Bằng như ngược lại, sử dụng bừa bãi, không kiểm chế thì chắc chắn không bao lâu sẽ dẫn đến cảnh "họa vô đơn chí", mà cuộc đời vì thế cũng vui ít, buồn nhiều, bệnh tật cũng vô số kể.



## NGÂM CÂY

*Tha thân mình ta ra ngắm cây,  
Vàng khô rơi rụng dưới chân đây.  
Cành cao nắng tắt hơi sương phủ,  
Lá thấp chiều buông thoảng gió lay.*

*Lũ sóc lao nhao tìm kiếm bạn,  
Đàn chim riu rít gọi kêu bầy.  
Lòng nghe thấm lạnh câu thơ ướm,  
Tha thân mình ta ra ngắm cây.*

## NHỚ VỀ ĐẤT PHÚ

*Nhớ về đất Phú quê tôi,  
Bông dưng xúc động bồi hồi xuyên sao!  
Xa quê từ độ năm nào,  
Chiều hôm núi Nhạn dạt dào trong thơ.*

*Sông Đà vương vấn tình quê,  
Ngược dòng nước lội khó về thăm em.(\*)  
Nhớ chiều Ngọc Lãng êm đềm,  
Nhớ cây mía ngọt thăm mềm bờ môi!*

*Tuy An từ thuở năm nô,  
Bao nhiêu kỷ niệm một thời tuổi thơ.  
Nhớ hoài giọng hát ầu ơ,  
Mẹ ơi! Thương quá bây giờ còn đâu!*

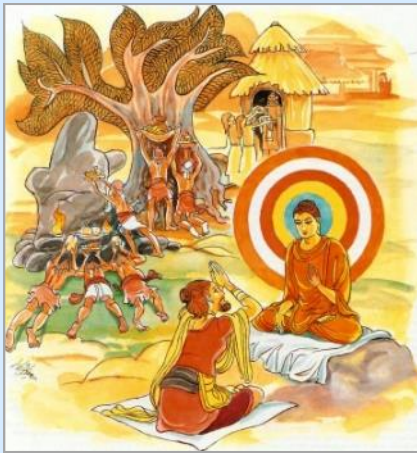
*Tai nghe tiếng mõ đêm thâu,  
Giật mình tỉnh giấc nguyện cầu mười phương.  
Trong tâm hoa nở điệu thường,  
Chuông chùa Báo Tịnh trầm hương ngát trời.*

*Phú Yên cách trở xa vời,  
Mong sao chấp cánh về nơi quê nhà.  
Tình thương cao cả bao la,  
Tì bi, hỷ xả, vị tha muôn loài.*

## DIỆU ĐỨC

(\*) Tuy Hòa

thơ



## The Story of Aggidatta

### Verses 188 to 192 - Dhammapada

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verses (188) to (192) of this book, with reference to Aggidatta, a brahmin.

Aggidatta was the head priest during the time of King Mahakosala, father of King Pasenadi. After the death of King Mahakosala, Aggidatta gave away his property in charity, and after that he left his home and became a non-Buddhist ascetic. He lived with his ten thousand followers in a place near the border of the three kingdoms of Anga, Magadha and Kuru, not far from a mound of sand, where a powerful naga was staying. To his followers and the people of these three kingdoms, Aggidatta used to exhort: "Pay homage to forests, mountains, parks and gardens, and trees; by doing so, you will be liberated from all ills of life."

One day, the Buddha saw Aggidatta and his followers in his vision and realized that the time was ripe for them to attain Arahatsip. So the Buddha sent Thera Maha Moggallana to Aggidatta and his followers and told him that he himself would follow afterwards. Thera Maha Moggallana went to the place of Aggidatta and his followers and asked them to give him shelter for one night. They first turned down his request, but finally they agreed to let him stop at the mound of sand, the home of the naga. The naga was very antagonistic to Thera Maha Moggallana, and there followed a duel between the naga and the thera; on both sides, there was a display of power by emitting smoke and flames. However, in the end, the naga was subdued. He coiled himself round the mound of sand, and raised his head spreading it out like an umbrella over Thera Maha Moggallana, thus showing respect for him. Early in the morning, Aggidatta and the other ascetics came to the mound of sand to find out whether Thera Maha Moggallana was still alive; they had expected to see him dead. When they found the naga tamed, and meekly holding his head like an umbrella over Thera Maha Moggallana, they were very much astounded.

Just then, the Buddha arrived and Thera Maha Moggallana got up from his seat on the mound and paid obeisance to the Buddha. Thera Maha Moggallana then proclaimed to the audience of ascetics, "This is my Teacher, the supreme Buddha, and I am but a humble pupil of this great Teacher!" Hearing him, the ascetics who had been very much impressed even by the power of Thera Maha Moggallana were awed by the greater power of the Buddha. The Buddha then asked Aggidatta, what he taught his followers and the residents of the neighbourhood. Aggidatta replied that he had taught them to pay homage to mountains, forests, parks and gardens, and trees, and that by doing so, they would be liberated from all ills of life. The Buddha's reply to Aggidatta was, "Aggidatta, people go to mountains, forests, gardens and parks, and trees for refuge when they are threatened with danger, but these things cannot offer them any protection. Only those who take refuge in the Buddha, the Dhamma and the Sangha are liberated from the round of rebirths (samsara)".

Then the Buddha spoke in verse as follows:

**Verse 188:** When threatened with danger, men go to many a refuge, - to mountains and forests, to parks and gardens, and to sacred trees.

**Verse 189:** But such a refuge is not a safe refuge, not the best refuge. One is not liberated from all evil consequences of existence (dukkha) for having gone to such a refuge.

**Verses 190 & 191:** One, who takes refuge in the Buddha, the Dhamma and the Sangha, sees with Magga Insight the Four Noble Truths, viz., dukkha, the Cause of dukkha, the Cessation of dukkha, and the Noble Path of Eight Constituents, which leads to the Cessation of dukkha.

**Verses 192:** This, indeed, is the safe refuge; this is the best refuge. Having come to this refuge, one is liberated from all dukkha.

At the end of the discourse Aggidatta and all his followers attained Arahatsip. All of them entered the Order of the Bhikkhus. On that day, when the disciples of Aggidatta from Anga, Magadha and Kuru came to pay respect to him, they saw their teacher and his followers garbed as Bhikkhus and they were puzzled and wondered, "Who is the more powerful? Our teacher or Samana Gotama? Our teacher must be more powerful because Samana Gotama has come to our teacher." The Buddha knew what they were thinking; Aggidatta also felt that he must set their minds at rest. So, he paid obeisance to the Buddha in the presence of his disciples, and said, "Venerable Sir! You are my teacher, I am but a disciple of yours." Thus, the audience came to realize the supremacy of the Buddha.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.,**  
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma 1986.

# NHÂN QUẢ

*Thích Đức Thắng*

(tiếp theo trang 11)

- Nếu căn cứ vào sự sinh khởi của các pháp cùng sự liên hệ của tứ duyên mà nói thì, Đại thừa chấp nhận sắc pháp cùng sự sinh khởi của các chủng tử, ít cần nương vào nhân duyên cùng tăng thượng duyên, nhân này sắc pháp cùng chủng tử đều chẳng phải là pháp duyên lự, cho nên không có sở duyên duyên; lại nữa nhiều loại cùng chuyển biến mà không có trước sau, bằng nhau, nên không có đẳng vô gián duyên. Tâm pháp, tâm sở pháp về mặt pháp tướng thì giống nhau, cần phải có đầy đủ toàn bộ tứ duyên sau mới có sinh khởi.

## C – QUAN ĐIỂM TƯ DUYÊN NGŨ QUẢ - TIỂU THỪA VÀ ĐẠI THỪA

- Đối với cách giải thích đơn giản riêng rẽ về tứ duyên, ngũ quả {Đẳng lưu quả (*niśyanda-phala*), Di thực quả (*vipāka-phala*), Ly hệ quả (*visamyoga-phala*), Sỷ dụng quả (*puruṣakāra-phala*), và, Tăng thượng quả (*adhipati-phala*)} thì giữa Tiểu thừa và Đại thừa cũng không đồng quan điểm. Theo các nhà Duy Thức thì: Khi chúng ta đã thừa nhận vũ trụ vạn hữu đều do chủng tử hàm tàng trong A-lại-da thức biến hiện ra, vì do chủng tử biến hiện nên các pháp trở thành sai biệt, chúng phải kinh qua quan hệ nhân quả hai lớp (*nhị trùng*) ba pháp (*Chủng tử sinh hiện hành, hiện hành huân chủng tử và, chủng tử sinh chủng tử*: 1. *hiện hành sản sinh bởi chủng tử*; 2. *chủng tử huân tập bởi hiện hành*; 3. *chủng tử sản sinh bởi chủng tử*). Đây là ba pháp nhân quả triển chuyển đồng thời, là dụng ngữ của nhân quả biểu thị chủng tử cùng hiện hành hỗ tương của tông Duy thức. Tông Duy thức chấp nhận chủng tử trong đệ bát thức và, chúng cần các duyên hoà hợp mà khởi lên hiện hành; và lại pháp hiện hành này, ngay trong sát-na hiện hành, chủng tử kia cũng huân tập đối với đệ bát thức (*bán thức*), nên gọi là "Chủng tử sinh hiện hành, hiện hành huân chủng tử." Lúc này, chủng tử năng sinh, và hiện hành năng huân cùng, chủng tử sở huân của sở sinh, cả ba hỗ tương triển chuyển thành ra tác dụng, mà biến hiện thành sum la vạn tượng, quan hệ nhân quả này thuộc về sát-na đồng thời, không phải là dị thời, nên chúng thuộc nhân quả đồng thời. Ở đây các pháp quá khứ vị lai, chủng tử của chúng cùng quan hệ nhân quả của hiện hành đều tương tục cùng lúc, như bật đèn sinh lửa, ngọn lửa sinh lửa đốt. Trong đó, quan hệ chủng tử sinh chủng tử thuộc nhân quả dị thời; quan hệ chủng tử sinh hiện hành, hiện hành huân chủng tử thuộc nhân quả đồng thời. Ngoài ra trong lục nhân, ngũ quả sự quan hệ giữa dị thực nhân cùng dị thực quả cho đến sự liên hệ của nhân đồng loại, nhân biến hành cùng đẳng lưu quả tất cả đều thuộc nhân quả dị thời. Còn sự quan hệ của câu hữu nhân, tương ứng nhân cùng sỷ dụng quả (*còn gọi là công dụng quả*) thì thuộc nhân quả đồng thời. Trong khi sự quan hệ của năng tác nhân (*nhân tạo tác*) cùng

tăng thượng quả (*quả tăng thượng*) thì thuộc sự quan hệ nhân quả vừa đồng thời vừa dị thời. Hơn nữa, sự quan hệ của đồng loại nhân cùng đẳng lưu quả, chúng dùng pháp tự loại làm nhân để dẫn sinh đến quả đẳng lưu đồng loại, cho nên chúng thuộc nhân quả tự loại.

- Hành vi của chúng sinh có khả năng dẫn sinh ra nhân quả dị thời, tức là khi chúng ta tạo nhân nghiệp thiện thì ắt phải nhận quả báo thiện, tạo nhân nghiệp ác ắt phải chịu quả báo ác. Đây gọi là nhân thiện quả thiện, nhân ác quả ác, hay còn gọi là nhân thiện quả vui, nhân ác quả khổ. Ở đây, do hai nghiệp thiện ác mà chiêu cảm quả báo thiện ác hay vui khổ, nhưng nếu chúng ta tạo tác việc phi thiện phi ác thì chúng thuộc về "tánh vô ký". Nhân quả dị thời không những chỉ có giá trị trong hiện tại, mà chúng còn có giá trị trong tương lai, có thể là trong một đời, trong hai đời, trong ba đời, tùy theo tác nhân tạo ra nghiệp lực mạnh hay yếu, dày hay mỏng mà chúng ta đã tạo ra thuộc hành vi thiện hay ác, thì cũng theo đó mà nhận lãnh quả báo thiện hay ác sau đó nhanh hay chậm.

- Lý các loại nhân quả này nghiêm nhiên hiện hữu một cách trật tự không rối loạn qua nhân quả báo ứng. Chúng luôn luôn tùy thuộc vào sức mạnh của nghiệp thiện ác, mà theo đó tuần tự đi thọ quả báo tiếp theo từ những tác nhân đã tạo ra trước đó. Nếu chúng ta không thấy được sự tồn tại của cái lý nhân quả, thì chúng ta sẽ bị rơi vào trong tư tưởng kiến giải phủ nhận nhân quả.

- Hơn nữa, nếu chúng ta cũng đứng trên sự quan hệ nhân quả mà thật hành tu tập theo đạo giáo, phù hợp tùy theo từng căn cơ với chính mình, qua các thừa trong ngũ thừa giáo mà đức Phật đã để lại, như những lý mà chúng ta đã luận bàn ở trên, thì sẽ nhờ vào nhân tu hành mà có thể chiêu cảm quả thành Phật. Ở đây gọi là tu nhân đắc quả, tu nhân cảm quả, hay thù nhân cảm quả.

- Ngoài những quan hệ trên, đo nhân thiện ác mà chiêu cảm quả báo vui khổ. Ở đây còn có sự quan hệ nhân quả giữa dị thực nhân và dị thực quả, hoặc do phước đức thiện nghiệp của thế gian mà chiêu cảm quả vui nhưn thiện, đây gọi là quan hệ nhân quả của nhân phước cùng quả phước; hay do tu tập trí tuệ có khả năng chiêu cảm quả báo giác ngộ, đây gọi là quan hệ nhân quả của trí nhân cùng trí quả.

- Ở trên chúng tôi đã trình bày ba loại quan hệ nhân quả gọi là tam nhân, tam quả. Nhưng vẫn còn một loại nhân quả khác nữa, đó là nhân quả ba đời, nhân quả báo ứng v.v... có rất nhiều hệ thống quan hệ nhân quả chỉ cho dị thực nhân, cùng dị thực quả. Những nhân quả được quan niệm như vậy đều lệ thuộc vào thời gian tính, và được đánh giá như là nền tảng cơ bản cho đạo đức học nhân sinh, là luật tắc của mọi trật tự trong thế giới vũ trụ này. Nhân quả được hình thành theo thời gian thì sự quan hệ của chúng được phân định trước sau, nghĩa là nhân luôn luôn đi trước và quả xuất hiện sau nhân hoàn thành tất cả mọi chức năng đủ, thì chúng mới xuất





hiện, cách hình thành nhân quả lệ thuộc thời gian, thì nhân quả này được gọi là nhân quả dị thời. Nhân quả dị thời này là từ đối lập với nhân quả đồng thời. Các nhà Duy Thức chủ trương tự loại của chúng tử tương tục không dứt, nhân của niệam trước sinh ra quả của niệam sau, hai thời gian trước và sau là hai thời gian khác nhau, cho nên gọi là dị thời. Ở đây chỉ cho quan hệ chúng tử sinh chủng tử trong chủ trương nhân quả trong nhân quả bị lệ thuộc vào thời gian, nên có trước có sau, có quá khứ, hiện tại, vị lai khác nhau; nhưng không những chủng tử sinh chủng tử, mà chủng tử còn sinh hiện hành, hiện hành huân chủng tử, do đó chủng tử cùng hiện hành trở thành quan hệ nhân quả đồng thời. Vậy trong một pháp được hình thành có tiền nhân hậu quả trong liên hệ dị thời, nhưng sự hỗ tương của một pháp, hai pháp... là nhân quả đồng thời như trường hợp của tim đèn và, ngọn lửa, lau nướng vào nhau thành bó lau hiện hữu. Thành Duy Thức luận 8 (Đ. 31, No: 1586), nói: "Hiện hành, chủng tử tuy khác loại, nhưng hỗ tương không chống nhau, một thân cùng lúc sinh ra tác dụng, không như chủng tử đồng loại sinh ra nhau trước sau mà không chống trái nhau, tất chúng không cùng hiện hữu."

- Bởi tất cả pháp đều do lý nhân quả mà sinh thành và hoại diệt, để thể hiện sự mê ngộ của thập giới, tức là do sự quan hệ nhân quả này mà hình thành, sản sinh ra các loại nhân quả thế gian, nhân quả xuất thế gian, nhân quả của cõi mê, nhân quả của cõi ngộ, để phân biệt theo tác nhân và theo thọ quả của chúng. Nếu căn cứ vào Tứ đế mà nói, thì hai đế Khổ, Tập là nhân quả thuộc thế gian của cõi mê thế gian, hai đế Diệt, Đạo là nhân quả của cõi ngộ xuất thế gian. Điều quan trọng là thật lý của nhân quả này chính là giáo lý cơ bản trọng yếu của Phật giáo, ở trong các kinh điển và, nhất là kinh điển Tiểu thừa hầu hết đức Phật đều lấy luật tất nhân để xây dựng luận lý về giáo học của mình, nhằm đáp ứng mọi nhu cầu căn cơ của chúng sinh mà hoàn thành sự nghiệp hoằng hoá lợi sanh của mình, trong việc hướng dẫn chúng sanh đạt đến nơi giải thoát cuối cùng của cõi khổ. Đối với lý này sau này các bộ phái thường giải thích riêng rẽ thêm, tùy theo tác nhân mà sinh ra thọ quả theo nhân quả báo ứng như ảnh theo hình tương tục không dứt của nhân quả hiện tại, để hướng dẫn khuyến khích mọi người thực hành theo con đường của đức Phật đã đi qua, là vượt qua cảnh giới hữu lậu để đạt đến cảnh giới tịch tịnh vô lậu.

- Những chủ trương trên phân chia nhân quả lưu chuyển và hoại diệt của Tứ đế để thành lập Nhị đế của các nhà Tiểu thừa. Ở đây, như Câu-xá luận chủ trương căn cứ về mặt hiện tượng để nói lên thuộc tính của chúng. Tuy trên mặt hiện tượng biểu tượng có thể bị luật vô thường chi phối, có thể biến đổi và hình thành theo thuộc tính của sự vật mà nó có tên gọi mới. Nhưng dù tên gọi này có thể gọi là giả danh là Thế tục đế đi nữa, mà trên mặt hiện tượng bản chất của chúng thì chúng bất biến, luôn luôn hiện hữu, nên chúng thuộc về Thắng nghĩa đế. Trong khi, Thành thật luận lấy các pháp sắc, hương, vị cùng Niết-bàn tức là các pháp hữu vi và vô vi làm Chân đế, vì chính sắc, hương, vị, và Niết-bàn là những yếu tố cơ bản để hình thành tất cả các pháp qua nhân duyên để chúng hiện hữu, nên các pháp kể trên chúng thuộc về Chân đế, và ngược lại những pháp được các pháp làm yếu tố cơ bản để các pháp đó hiện hữu qua nhân duyên, thì các pháp này được gọi là giả danh không có thật thể. Chúng chỉ mang thuộc tính của các pháp cơ bản trên thôi, và như vậy

sự hiện hữu của biểu tượng có được này chúng thuộc về Tục đế, giống như con người do năm uẩn hoà hợp mà thành nên chúng thuộc về Tục đế. Còn, Kinh bộ thì chủ trương lấy sự chấp nhận thuộc trí hữu lậu về các pháp cho là Thế tục đế, và lấy trí vô lậu xuất thế gian, cùng hậu đắc chánh trí thế gian làm Chân đế. Luận Đại Tỳ-ba-sa thì lấy đạo lý ước định tục thành của thế gian, hay mọi sự vật được lý giải thông thường của thế gian cho là Thế tục đế, và lấy lý chân thật, những kiến giải triệt để của các bậc Thánh vô lậu làm Thắng nghĩa đế. Nói chung Tất cả đều y cứ vào pháp hữu lậu chỉ Thế đế và pháp vô lậu chỉ Thắng nghĩa đế để thiết lập Nhị đế, cho dù pháp đó là sự hay là lý, là tục hay là chân, là biểu tượng hay là bản thể, là thế gian hay là xuất thế gian cũng đều được qui về nhân quả của Nhị đế.

- Nhưng nhân quả mà được hình thành theo không gian, thì sự quan hệ hình thành của chúng như sự nướng tựa lẫn nhau của những cộng lau trong một bó lau mới đứng vững được do cần và trần tạo ra cái biết không thật, nên chúng chỉ là một huyền tượng, chỉ hiện hữu giả tạm không thật có. Đó là quan hệ nhân quả theo không gian của nhân quả đồng thời. Theo các nhà Duy Thức chủ trương thì chủng tử là nhân nên có khả năng sinh khởi quả hiện hành, nhưng hiện hành này cũng có khả năng làm nhân để huân tập quả chủng tử. Chủng tử có khả năng sinh ra (năng sinh) cùng hiện hành những gì được sinh ra (sở sinh) này. Chỗ huân tập của chủng tử cùng ba pháp lần lượt triển chuyển cùng lúc hỗ tương làm nhân quả nên gọi là nhân quả đồng thời. Triển chuyển có hai nghĩa: Hỗ tương chuyển đổi và, lần lượt chuyển đổi. Ở đây chúng thuộc hỗ tương chuyển đổi. Thành Duy Thức luận 8 (Đ. 31, No: 1586 tr.) nói: "Các thức năng huân từ chủng tử lúc sinh, tức là có khả năng làm nhân rồi huân lại thành chủng tử. Ba pháp chuyển đổi, theo nhân quả đồng thời. Như tim đèn sinh ngọn lửa, ngọn lửa sinh cháy tim đèn; cũng như bó lau cùng nướng tựa vào nhau, nhân quả đồng thời lý không khuyển động."

- Qua những trình bày trên, các vấn đề nhân quả như là một, khác, thường, vô thường; nhân quả có, không; tà nhân tà quả; không nhân có quả; có nhân không quả; không nhân không quả; trong nhân có quả; trong nhân không có quả. Tất cả những quan niệm như vậy về nhân quả của các luận sư



ngoại đạo vào lúc bấy giờ đã được đức Phật liệt vào những loại tà kiến. Tà kiến vì họ đã đứng vào lập trường có hoặc không lệ thuộc vào nhị nguyên tương đối của thời gian để thiết lập đạo lý nhân quả. Nhân quả như thế trở thành cực đoan và thiên kiến trong trói buộc. Dù biết vậy, nhưng đức Phật vẫn đứng trên lập trường kế cơ kế lý thuộc thời gian mà tuyên thuyết giáo pháp của mình, với mục đích là hướng dẫn mọi người biết được những nguyên nhân đưa đến mọi sự trói buộc và, chỉ cho họ cách mở những trói buộc đó từ tự trói tự mở cho mọi người. Đó chính là giáo lý nhân quả dị thời của ngũ thừa giáo; giáo lý phù hợp với từng căn cơ của mọi người chúng ta, trong việc cột trói và mở trói, để đạt đến giải thoát tất cả mọi thứ phiền não trói buộc của thời gian nhân quả nhị nguyên.

- Theo kinh điển Đại thừa như kinh Niết-bàn thuyết, thì đứng về mặt tương đối thì có tục, có chân, có hữu thật, vô thật; chúng là thứ ngôn ngữ biểu tượng cho những thuộc tính có thể có được quả, mà chúng muốn vươn đến. Những biểu tượng này cho dù là giả danh, nhưng chính chúng cũng có bản thể của chính nó, cho dù trên chiều tuyệt đối ngôn ngữ khó bề tiếp cận. Do đó, sự mâu thuẫn ở đây giữa Tục để và Đề nhất nghĩa để dù có mâu thuẫn đến đâu đi nữa trên mặt nhân quả, nhưng trên mặt duyên khởi chúng cần sự mâu thuẫn này để có thể chúng tiếp cận chân lý tuyệt đối. Bởi vì chúng không đòi hỏi bất cứ sự thành công nào nhờ vào ngôn ngữ khi diễn giải về chúng, nếu không muốn nói là một thất bại của ngôn ngữ. Vì nếu ngôn ngữ không thất bại trong việc triển khai diễn giải thì chúng đã đánh đi mất bản chất của duyên khởi của nhân quả, và như vậy thì con đường Trung đạo cũng khó mà hiện hữu để đưa đến cảnh giới Niết-bàn tuyệt đối. Do đó Chân Tục bất nhị (*chẳng phải hai*) của kinh Nhân vương Bát-nhã (2, Đ. 8,) chính là con đường Trung đạo từ Tục đến Chân qua bất nhị, chúng thể hiện được bản thể duyên khởi nhân quả không hai. Đó chính là con đường đưa đến tuyệt đối mà chúng không tự đánh mất hiện tượng biểu tượng của chúng qua ngôn ngữ.

- Cũng theo quan điểm Trung đạo của kinh Nhân vương Bát Nhã, Trung quán luận (Đ. 30. No. 1565-1567, tr. 1b *Mūla-madhyamakakārikā*) của Bồ-tát Long Thọ cũng luận rằng: Chúng ta thường hiểu quả là từ nhân duyên sanh ra. Như vậy đối với nhân giống nhau hay khác? Theo quan niệm thông thường thì chúng ta cho rằng quả không khác nhân, bởi nhân sanh ra quả. "Nhân nào quả ấy" quan niệm như vậy không phải là sai, nhưng không phải đúng hoàn toàn. Bởi vì, nếu quả giống nhân, thì nhân và quả không khác, như vậy người ta đặt danh từ nhân quả để làm gì? Nhân quả không khác, có nghĩa nhân tức là quả, quả tức là nhân. Và như thế nhân quả là một. Khi nói trong nhân ấy đã có quả thì không cần nói quả của nhân, và trở thành thừa. Hay nếu nói quả khác với nhân. Điều này cũng không đúng. Nhân khác, quả khác thì cũng như nói hạt xoài (*nhân*) sanh ra trái mít (*quả*). Quan niệm trong nhân đã có quả, trong nhân không có quả, quả chẳng phải là nhân duyên, hữu quả vô quả, phi nhân, phi quả... là quan niệm còn trong tư tưởng lẫn lộn thiếu chính xác. Thấu triệt chân lý Phật giáo là người phải nhận định phân minh rõ ràng các nghĩa hẹp, nghĩa rộng, sự-lý và tương đối-tuyệt đối dung hòa không gian thời gian, tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên. Đó là chính là quan điểm Trung đạo của Bồ-tát Long Thọ muốn chúng ta phải nhận chân ra bộ mặt thật của các pháp tử sự hiện hữu sinh

khởi cho đến sự biến diệt lưu chuyển phải được nhận thức một cách chính xác là:

- "Pháp do các duyên sanh,  
 Tôi nói đó là không,  
 Cũng chính là giả danh,  
 Cũng là nghĩa Trung đạo.  
 Chưa từng có một pháp,  
 Không từ nhân duyên sanh.  
 Cho nên tất cả pháp,  
 Không gì không phải Không."

(Đ. 30, No. 1564, Trung luận 1, chương Quán

Tứ đế đệ nhị thập tứ; 观四谛品第二十四 Ārya-satyā parīkṣā; tr. 33b.)

- Và trong Quán nhân quả (Đ. 30, No. 1564,

Trung luận 1, chương Quán nhân quả, 觀因果 Sāma-grī-parīkṣā, tr. 26) luận bàn cũng giống như chương quán nhân duyên, tìm hiểu nhân và quả hòa hiệp này nở ra kết quả như thế nào? Nhân có trước hay quả có trước, nhân ở trong quả hay quả có sẵn trong nhân, nhân và quả là một thứ hay không phải, đồng thể hay khác tánh... Nếu chúng ta quan niệm rằng nhân sanh ra quả, vậy thì thử hỏi nhân và quả khác nhau hay không khác nhau? Nếu nhân khác với quả, thì nhân ấy không sinh ra quả được. Như hạt lúa không thể sanh cây bắp. Còn nhân quả không khác nhau, không khác tức là nhân và quả là một. Là một thì không cần phân biệt đây là nhân kia là quả hay nói nhân sanh ra quả. Nếu nói rằng nhân quả khác nhau, khác nhau mà có sanh quả, thì quả ấy giống như phi nhân, không nhân mà có quả. Cái lỗi không phải là có hay không, mà chính nguyên nhân cố chấp quyết định có-không, nên thành có lỗi. Do đó chúng ta hãy nhìn sự vật như là chính nó, có nghĩa là chúng ta không nhìn nó với một chủ quan tính, mà áp đặt lên sự vật những nhãn hiệu mà tự thân chúng không có. Các pháp tử chúng xưa nay do các duyên sinh ra, và diệt đi cũng do các duyên diệt, vì vậy chúng trở thành không tánh. Vì sự hiện hữu của tướng chúng là huyền, chỉ là một giả danh để tạm gọi và phân biệt với cái khác cùng duyên khởi hiện hữu bên cạnh chúng và, tánh của chúng vì là không tự hữu, nên tạm gọi tánh của chúng là tánh không. Nhìn các pháp với tướng huyền tánh không là một cái nhìn như thật tri của chúng ta.

**Thích Đức Thắng**



# HIỆN TƯỢNG CHÁNH PHÁP

*Tuệ Như*

*Tưởng niệm ngày Phật Thành Đạo, PL. 2557*

Ở những ngày tháng cuối năm Quý Tỵ, trước và sau lễ Noel, không khí Miền Nam năm nay đã khá lạnh hơn những năm trước đây, riêng ở những vùng Cao nguyên Trung phần, nhứt là những tỉnh miền cao, vùng tuyến đầu đất nước, thậm chí có nơi tuyết đổ lên đến 2, 3 tấc!

Cùng với tiết trời lạnh lùng u uẩn ấy, theo lệ thường, khi bước sang đầu tháng Chạp (tháng 12 al), mặc dù ngày nay, thông tin toàn cầu về ngày lễ Tam hợp (Vesak), trong ấy gồm Phật Đản, Phật Thành Đạo, và Phật Nhập Niết Bàn. Nhưng không ít những Đạo tràng Tự Viện, Tịnh Xá, v.v... vẫn giữ thông lệ lễ kỷ niệm ngày Phật Thành Đạo (mùng 8 tháng Chạp hằng năm), ngày mà đa phần những người đệ tử Phật, hay có niềm kính tin về Đạo Phật, hoặc đi đến đạo tràng tu học nghe pháp, hoặc trì kinh, lễ bái cầu nguyện, hoặc làm những điều phước thiện, hoặc đóng góp vào những tổ chức phước thiện nào đó trong xã hội.

Và cũng chính trong lễ hội này, chúng tôi được thỉnh cầu đến chứng dự lễ kỷ niệm ngày Phật Thành Đạo, mà cũng là ngày lễ "khai đục tạc tượng" Đức Phật Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni tại Đạo tràng TX Ngọc Châu, Thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang do Đại Đức Minh Điền tổ chức.

Nguyên là 2 khúc gỗ hương (một trong những danh mộc hiếm quý), mỗi khúc có chiều cao 1m50 và đường kính 1m05 do hai Đại Đức trụ trì Tịnh Xá Ngọc Châu và Tịnh Xá Ngọc Liên đã nhiều ngày tìm kiếm, với ước nguyện tạc thành hai bảo tượng Đức Bốn Sư để được tôn trí tại 2 Đại hùng bửu điện. Đến chứng dự lễ cầu nguyện có đông đủ Chư tôn Giáo Phẩm, Tăng Ni và quý thiện hữu trí thức, Phật tử gần xa cùng góp phần và tham dự.

Trong khung cảnh buổi lễ trang nghiêm thanh tịnh này, một thoáng, chúng tôi nhớ lại bài kinh Tương Ứng 5, thiên Đại phẩm,

chương 1. Ở đây, Đức Phật đã lấy ví dụ tương ứng với điềm tướng báo trước mà làm duyên cơ để hướng dẫn đại chúng tỳ kheo thực hiện sự tu tập, để đem lại lợi lạc chúng sanh, chư thiên và loài người...

*"Nầy các tỳ kheo, như cái đi trước và điềm tướng báo trước mặt trời mọc, tức là rang đông. Cũng vậy, nầy các tỳ kheo, cái đi trước và điềm tướng báo trước Thánh Đạo tám ngành sanh khởi chính là đây đủ như lý tác ý... chính là bạn hữu với thiện."* (Tương ứng, S.v. 31).

Qua đoạn kinh văn trên, chúng ta thấy, lời dạy của Đức Phật thường dựa vào hiện tượng chuyển động của mọi sự vật, để từ đó nói lên phương pháp, con đường dẫn đến tịnh hóa tâm thức, vượt thoát mọi khổ đau. Không có vấn đề nào là không có nhân duyên, không nhân quả của nó, sự hiển bày hiện tượng cũng chính do sự vận hành của các pháp nhân duyên, và hiện tượng luôn cho ta thấy biết những điều sẽ đến trong ta hay trong cuộc sống quanh ta, trong

mọi lãnh vực cùng có mặt như ta.

Nếu như mặt trời mọc là hiện tượng, điềm báo trước là bình minh hay bình minh là điềm tướng báo trước là do mặt trời mọc phương đông, cũng như tất cả mọi sự việc trong xã hội cuộc sống con người, nói chung trong hành tinh mà chúng ta đang có mặt như thế nào trong sự sanh hóa hạnh phúc bình yên hay tiêu tàn loạn khổ và hủy diệt, v.v... đều manh nha từ những ý niệm, việc làm thuận theo lẽ phải, thích hợp với lẽ phải, hay bởi những ý niệm ác quấy, khuynh hướng theo ác quấy. Đó là những hệ quả "của cái đi trước, là điềm tướng báo trước..."

Cùng cách ấy, Chánh pháp của Đức Phật hay Đạo Phật được tồn tại lâu dài, đem lại hạnh phúc an lạc cho chúng sanh, chư thiên và loài người lâu dài, thì cũng dựa vào "cái đi trước, và điềm tướng báo trước..." Ở đây, cái gì đi trước, cái gì là điềm tướng báo trước? Chính đó là "như lý tác ý, và biết làm bạn với thiện..."

Vẫn biết rằng: trong mọi hình thức tồn tại giữa tinh thần và hiện tượng vật chất, giữa cái ác và cái thiện, giữa cao thượng và thấp kém, v.v... luôn có mặt và song hành trong đời. Thế nhưng, nếu như ác tư duy mỗi ngày một tổn giảm từ bản thân, gia đình và xã hội, thì mặc nhiên những điều thiện tư duy sẽ được sanh trưởng và tăng trưởng một thêm lớn mạnh cũng từ bản thân gia đình và xã hội, thì sự thành tựu trong





sáng lành mạnh nào, hạnh phúc an vui nào có thể cao đẹp hơn? Những điều bất an, rối khổ cho cộng đồng sẽ phải bám víu vào đâu để mang lại bao nỗi loạn cho nhiều người? Phải chăng từ "như lý tác ý hay biết làm bạn với thiện" mà có được như vậy?

Đến đây, Đức Phật giúp chúng ta có được hành động cụ thể và chi tiết hơn, không để rơi vào những trạng huống vô bổ bởi những ý tưởng suông suồng, lừa gạt do truyền tụng ca ngợi những cảm giác ảo. Ngài dạy: ... "Và này các tỳ kheo, thế nào là tỳ kheo đầy đủ như lý tác ý, tu tập Thánh đạo tám ngành, và làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành."

Như lý tác ý là điều quan trọng, nhưng quan trọng hơn là hành động tu tập từng chi phần của Thánh đạo tám ngành (Bát Thánh Đạo). Bởi vì có lưu xuất thông đạt cái thấy, sự suy nghĩ đúng đắn... hợp theo lẽ phải (chánh) thuận theo đạo lộ của bậc Thánh, thì được xem đây là sự siêu hóa tâm hồn. Vì rằng: Bát Thánh Đạo đã sẵn đầy đủ Giới Định Tuệ hay trong Giới Định Tuệ đã đầy đủ Bát Thánh Đạo, chính đây là cốt tủy của Đạo Phật, vượt thoát mọi phạm trù lý thuyết. Nhưng sự tu tập như thế nào để có được sự vượt thoát ấy, trong khi chúng ta đang có mặt trong đời, sự thấy, biết, nghe, va chạm, v.v... ít nhiều vẫn phải đến với chúng ta, hoặc tự trong mỗi chúng ta phải đối mặt, cho đến điều gì sẽ xảy ra? Do đó, Đức Phật dạy tiếp:

"Ở đây, này các tỳ kheo, các tỳ kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viên ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến tử bỏ..."

Lời dạy ấy không chỉ dành cho chúng đệ tử (xuất gia và tại gia) mà còn hướng đến toàn thể loài người chưa có lòng kính tin về giáo lý của Ngài. Ở một góc nhìn nào

đó, ta có thể thấy và biết rằng: nếu hành động nào phát xuất từ cái nhìn và suy nghĩ đúng đắn, thì điều ấy, trước hết cũng chính là hệ quả tốt đẹp đối với tự thân và sau đó đến cho mọi người. Do có tu tập chánh quán mà thấy ra rằng: "Khổ, Vô thường, Vô Ngã", do có tu tập chánh quán mà thấy ra rằng "viên ly tham ác" sẽ đem lại an lạc thường tại, do có tu tập chánh quán mà thấy ra rằng: "hướng đến tử bỏ" mọi chấp trước tham, sầu ưu não ở đời. Và cũng không phải vì một hình thức nào đó mà chúng ta phải ruối rong tìm kiếm một vài tia âm lạc thú thường tình, để rồi thời gian là câu trả lời, là sự mục rữa như bao câu chuyện giữa dòng đời chung đỉnh!

Phải đâu chúng ta cố làm điều gì đó để thể hiện sự hoành tráng, đồ sộ, lộng lẫy của mở vật chất thế đời, rồi coi đó như là "cái đi trước và điem tướng báo trước..." điều ấy không hẳn phù hợp với giáo lý vô ngã của Đạo Phật. Ta có thể thối vào, tạc vào cuộc đời bằng một Phật chất, tự mình không vì lợi dưỡng tham cầu, và giúp người nhận biết không vì lợi dưỡng tham cầu, biết tu tập, thực hành hạnh viên ly, hướng đến tử bỏ và chuyển hóa những phàm chất để được trở thành một Phật chất, thì đây chính là hiện tướng của chánh pháp, điem báo trước của chánh pháp, vì chánh pháp có tồn tại là do "như lý tác ý có tu tập đầy đủ, biết làm bạn với thiện." Bậc đạo sư Shantideva đã giúp cho chúng ta từng bước hiện hóa vào đời bằng một khái niệm: "Tất cả những việc làm vô hại mà lợi ích cho hữu tình, con đều sai khiến thân này làm hết. Nguyên cho ai trông thấy con đều được nhiều lợi lạc." (Nhập Bồ Tát Hạnh, chương 3)

Trở lại vấn đề trên, nếu như

binh minh (rạng đông) là hiện tướng của mặt trời mọc, đem lại ánh sáng cho ngày, điem báo bóng tối không còn, thì điem tướng báo trước, chờ đợi được tu tập Thánh đạo tám ngành, chính là "như lý tác ý". Đồng thời, như những lời cầu nguyện an lành thối vào, tạc vào khúc gỗ để trở thành một đức Phật với thân tướng trang nghiêm, có vô lượng hào quang, có vô lượng công đức, và có vô lượng an lạc cho khắp chúng loài hữu tình, thì đây nếu không phải là "cái đi trước và điem tướng báo trước" là hiện tướng của chánh pháp hay sao!

Hôm nay, để đánh dấu ngày tưởng niệm Phật Thành Đạo bên dòng Ni Liên huyền sử xưa, mà trước đây đã trên 2500 năm TTL, bấy giờ và hơn bao giờ hết, Đức Phật đã thật sự có mặt giữa thế đời bằng sự tịnh hóa thuần khiết tâm tư, Ngài thật sự vượt thoát ngoài vòng hệ lụy, danh lợi tước quyền, thân thuộc... Sự có mặt đích thực của Ngài chính là sự diệt tận mọi lậu hoặc, đạt vào quả vị Chánh Đẳng Chánh giác, tịch tịnh Niết bàn. Mặc dù Đức Phật đã vào Niết bàn, nhưng dòng sông huyền sử xưa vẫn triển miên xuôi ngon chảy vào hằng triệu trái tim còn cứu mang sức sống từ nơi đạo giải thoát của Ngài.

Với buổi lễ "khai đục tạc tượng" được xem như là một nghĩa cử phát tâm thực hành chánh lý, tu tập và hiện thực chánh pháp trên con đường Thánh đạo tám ngành, để thối vào đời, tạc vào đời một Phật chất, và cũng chính cái nhân ấy là "cái đi trước và điem tướng báo trước..." cho chúng ta biết rằng: vẫn còn chánh pháp ở đời, mà cũng là sự phát tâm bỏ để chốn ba cõi vô an của người đệ tử Phật.

# LỄ CUNG NGHINH PHẬT NGỌC HÒA BÌNH THẾ GIỚI tại NHƯ LAI THIỄN TỰ, SAN DIEGO, CALIFORNIA, HOA KỲ

Đại Lễ Cung Nghinh Phật Ngọc Hòa Bình Thế Giới tại Như Lai Thiển Tự  
được tổ chức từ ngày 25/1/2014 đến ngày 9/2/2014

Vào lúc 10:00 sáng ngày 25 tháng 1 năm 2014 tại Thành Phố San Diego, Nam California, Hoa Kỳ, ĐẠI LỄ CUNG NGHINH PHẬT NGỌC HÒA BÌNH THẾ GIỚI được long trọng cử hành tại NHƯ LAI THIỄN TỰ với sự tham dự của Chư Tôn Đức Hòa Thượng, Chư Thượng Tọa, Đại Đức, Tăng Ni, các Phái Đoàn các Tôn Giáo, Quý vị Đại Diện Chính quyền Địa Phương, các Hội Đoàn, Đoàn thể, các Cơ quan truyền thông báo chí, Gia Đình Phật tử và rất đông đồng bào, đồng hương Phật Tử.



Lễ tác bạch Chư Tăng quang lâm Lễ Đài



Cung nghinh Chư Tôn Đức tiền vào Lễ Đài



Đoàn cung nghinh tiến vào Lễ đài



Hòa Thượng Thích Minh Hội, Viện Chủ Như Lai Thiển Tự, Trưởng Ban Tổ chức, đọc diễn văn Khai mạc



*Hòa Thượng Thích Minh Hối, Viện Chủ Như Lai Thiền Tự, Cố Vấn Giáo Hạng GDPT Chánh Kiến, Trưởng Ban tổ chức Đại Lễ Cung nghinh Phật Ngọc Hòa Bình cùng ông IAN GREEN và Đoàn sinh GDPT Chánh Kiến chụp hình lưu niệm. —>*



Photos: Nhulaitientu.net